



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

SĐT: +84 2283 649365

Website: <https://www.songhong.vn/>

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2025

Danh mục các khái niệm và chữ viết tắt

Công ty/ MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
CTHDQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị
UBKT	Ủy ban Kiểm toán
BTGD	Ban Tổng giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
GSO	Tổng cục thống kê Việt Nam
CUSTOM	Tổng cục hải quan
FTA	Hiệp định thương mại tự do
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
UKVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
VIFTA	Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Israel

MỤC LỤC



PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	10
Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2021 - 2025	12
Tầm nhìn và sứ mệnh	14



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung về doanh nghiệp	20
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	26
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	32
Định hướng phát triển	42
Các rủi ro trọng yếu	48



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	56
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư	59
Tình hình tài chính	66
Tổ chức và nhân sự	70
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	78



BÁO CÁO CỦA BAN TGD

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	84
Tình hình tài chính	86
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	90
Phương hướng phát triển năm 2026	94
Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	97
Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)	98



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	102
Hoạt động của Hội đồng quản trị	106
Kế hoạch, định hướng của HĐQT	107



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	110
Ủy ban kiểm toán	116
Giao dịch và thù lao của HĐQT, Ban TGD	120
Tăng cường quản trị Công ty	122



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo	126
Mục tiêu phát triển bền vững	127
Đánh giá của Ban Tổng giám đốc	129
Các chỉ tiêu phát triển bền vững	132



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Chương

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	10
Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2021 - 2025	12
Tầm nhìn và sứ mệnh	14

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bùi Đức Thịnh

Sự phát triển của May Sông Hồng là chặng đường nhiều màu sắc và thăng trầm. May Sông Hồng như con thuyền lớn và mọi cán bộ nhân viên đều có niềm tin tuyệt đối vào người chèo lái con thuyền. Sức mạnh của chúng tôi nằm ở sự đồng lòng nên sức vượt lên của con thuyền rất mạnh mẽ, không khuất phục trước bất kỳ khó khăn nào. Quan trọng nhất đối với May Sông Hồng là dám ước mơ và mơ lớn. Thực tế đã chứng minh những mơ ước của Công ty từ buổi đầu khó khăn giờ đều đã thành hiện thực.

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần May Sông Hồng!

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm, lòng tin và tâm huyết đồng hành cùng Công ty Cổ phần May Sông Hồng trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2025, ngành dệt may - lĩnh vực xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam - đối mặt với giai đoạn đầy thử thách trước những biến động phức tạp của tình hình kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Do đặc thù phụ thuộc lớn vào thị trường quốc tế, ngành chịu tác động trực tiếp từ áp lực lạm phát, tỷ giá và xu hướng thắt chặt chi tiêu của các thị trường lớn gây ra bởi các chính sách bảo hộ. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp dệt may phải đối mặt với một thị trường đầu ra ngày càng cạnh tranh khốc liệt, nơi khách hàng quốc tế không chỉ yêu cầu khắt khe về chất lượng và tiến độ giao hàng mà còn đặt ra tiêu chuẩn bắt buộc về khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Sự biến động của chi phí đầu vào cùng với áp lực phải minh bạch hóa chuỗi cung ứng đã đặt các nhà sản xuất vào thế khó. Các doanh nghiệp dệt may trong nước phải thích nghi với các đơn hàng nhỏ, sản xuất gấp và thời gian giao hàng ngắn, trực tiếp ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của các mặt hàng chủ lực.

Hệ quả của xu hướng bảo hộ càng trở nên rõ nét hơn khi ngay từ đầu năm 2025, chính quyền Trump tại Mỹ đã áp mức thuế quan hai chữ số lên hàng nhập khẩu từ gần như mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, làm gián đoạn thương mại toàn cầu, đồng thời gây sức ép lên ngân sách của người tiêu dùng và doanh nghiệp trên khắp thế giới. Các doanh nghiệp dệt may trong nước có tỷ trọng đơn hàng lớn từ thị trường Hoa Kỳ đứng trước rủi ro sụt giảm doanh thu và suy yếu dòng tiền; điển hình như trường hợp của May Sông Hồng khi chịu tác động trực tiếp do có một phần doanh thu đáng kể tập trung vào thị trường này. Dù vậy, năm 2025 vẫn được ghi nhận là một năm nỗ lực "vượt khó" thành công của toàn ngành với kim ngạch xuất khẩu ước đạt 46 tỷ USD, tăng khoảng 5% so với năm 2024, sản phẩm dệt may Việt Nam hiện diện tại 138 quốc gia. Trong đó, Hoa Kỳ vẫn là thị trường chủ lực với kim ngạch ước đạt trên 18 tỷ USD, tăng khoảng 10%. Nhóm hàng may mặc tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm trên 38 tỷ USD tổng kim ngạch xuất khẩu.

Vượt qua những biến động bất lợi từ thị trường, May Sông Hồng đã khẳng định bản lĩnh thích ứng thông qua chiến lược tổ chức sản xuất linh hoạt và tối ưu hóa chi phí. Công ty kiên định với mục tiêu phát triển bền vững khi quyết tâm giữ vững lực lượng lao động, không ngừng nâng cao năng lực sản xuất và chủ động đầu tư cho các hoạt động mở rộng cũng như đẩy mạnh hoạt động R&D để từng bước tự chủ nguồn nguyên phụ liệu, từ đó chuyển hóa thách thức thành cơ hội tăng trưởng. Kết thúc năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh vượt mong đợi: Doanh thu đạt 5.538,07 tỷ đồng (tăng 4,88% so với cùng kỳ, hoàn thành 100,69% kế hoạch); đặc biệt, lợi nhuận sau thuế đạt 818,18 tỷ đồng, tăng trưởng bứt phá so với 50,45% năm 2024 và vượt 36,36% chỉ tiêu đề ra. Bất chấp áp lực thuế quan, May Sông Hồng tiếp tục giữ vững vị thế trong nhóm doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, đồng thời củng cố niềm tin với cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Kính thưa quý cổ đông,

Đứng trước muôn vàn thách thức, tinh thần đoàn kết và trí tuệ tập thể của toàn thể cán bộ công nhân viên đã trở thành điểm tựa vững chắc để Công ty triển khai thành công các giải pháp thích ứng thị trường. Công ty Cổ phần May Sông Hồng tự hào khi duy trì được nhịp độ sản xuất ổn định, vận hành thông suốt các dự án đầu tư đúng tiến độ, đồng thời đảm bảo tốt đời sống và phúc lợi cho người lao động, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cổ đông. Những thành quả này là minh chứng rõ nét cho sự điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc cùng sự chung sức, đồng lòng của đại gia đình May Sông Hồng, tạo nền tảng nguồn lực sẵn sàng cho một giai đoạn tăng trưởng mới trên tiến trình hội nhập quốc tế.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã tích cực đóng góp, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong năm 2025 đầy biến động vừa qua. Công ty hy vọng tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ từ Quý vị không chỉ trong năm 2026 mà còn là sự đồng hành lâu dài trong suốt hành trình phát triển của công ty.

Trân trọng,
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bùi Đức Thịnh

TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2025	2024	2023	2022	2021
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.538.068	5.280.403	4.541.908	5.520.958	4.747.623
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	1.174.408	829.508	563.982	828.667	930.585
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	823.092	543.808	306.583	439.053	542.658
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	675.772	442.490	245.245	337.685	442.366
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	5.456	3.322	3.260	4.998	5.897
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Tổng tài sản	Triệu đồng	4.677.755	4.523.189	3.453.089	3.294.196	3.202.637
Nợ phải trả	Triệu đồng	2.464.529	2.467.656	1.643.334	1.575.145	1.707.236
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.213.226	2.055.533	1.809.755	1.719.051	1.495.401
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU						
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	%	12,20	8,38	5,40	6,12	9,32
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	14,69	11,10	7,27	10,40	15,17
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	31,66	22,90	13,90	21,01	30,12

Điểm nhấn năm 2025



5.538,1 tỷ VNĐ

TỔNG DOANH THU (HỢP NHẤT)

823,1 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (HỢP NHẤT)



4.677,8 tỷ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN (tại ngày 31/12/2025)

675,8 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ (HỢP NHẤT)



1.125,2 tỷ VNĐ

VỐN ĐIỀU LỆ (tại ngày 31/12/2025)

11.720 nhân viên

(tại ngày 31/12/2025)



23 xưởng may xuất khẩu

06 xưởng sản xuất chăn, bông, đệm, ...khác



192 đại lý



55 nhà phân phối

TÂM NHÌN

Sông Hồng mong muốn luôn là đối tác kinh doanh xuất sắc hàng đầu.

SỨ MỆNH

Sông Hồng không ngừng tìm tòi định hướng phát triển chiến lược để trở nên ưu việt, linh hoạt, luôn quan tâm đến chất lượng đời sống CBCNV và chất lượng sản phẩm.



Chương



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung về doanh nghiệp	20
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	26
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	32
Định hướng phát triển	42
Các rủi ro trọng yếu	48



Công Ty Cổ phần May Sông Hồng là một trong những nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và chăn ga gối đệm lớn hàng đầu Việt Nam.

Với 29 xưởng sản xuất được xây dựng và quản lý tập trung trong phạm vi tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình), có lợi thế về vị trí địa lý gần sân bay, cảng biển, nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng, bộ máy quản lý am hiểu nghề, kết hợp với việc hợp tác với các chuyên viên nước ngoài có kinh nghiệm, công ty đã và đang trở thành đối tác tin cậy của rất nhiều thương hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới.



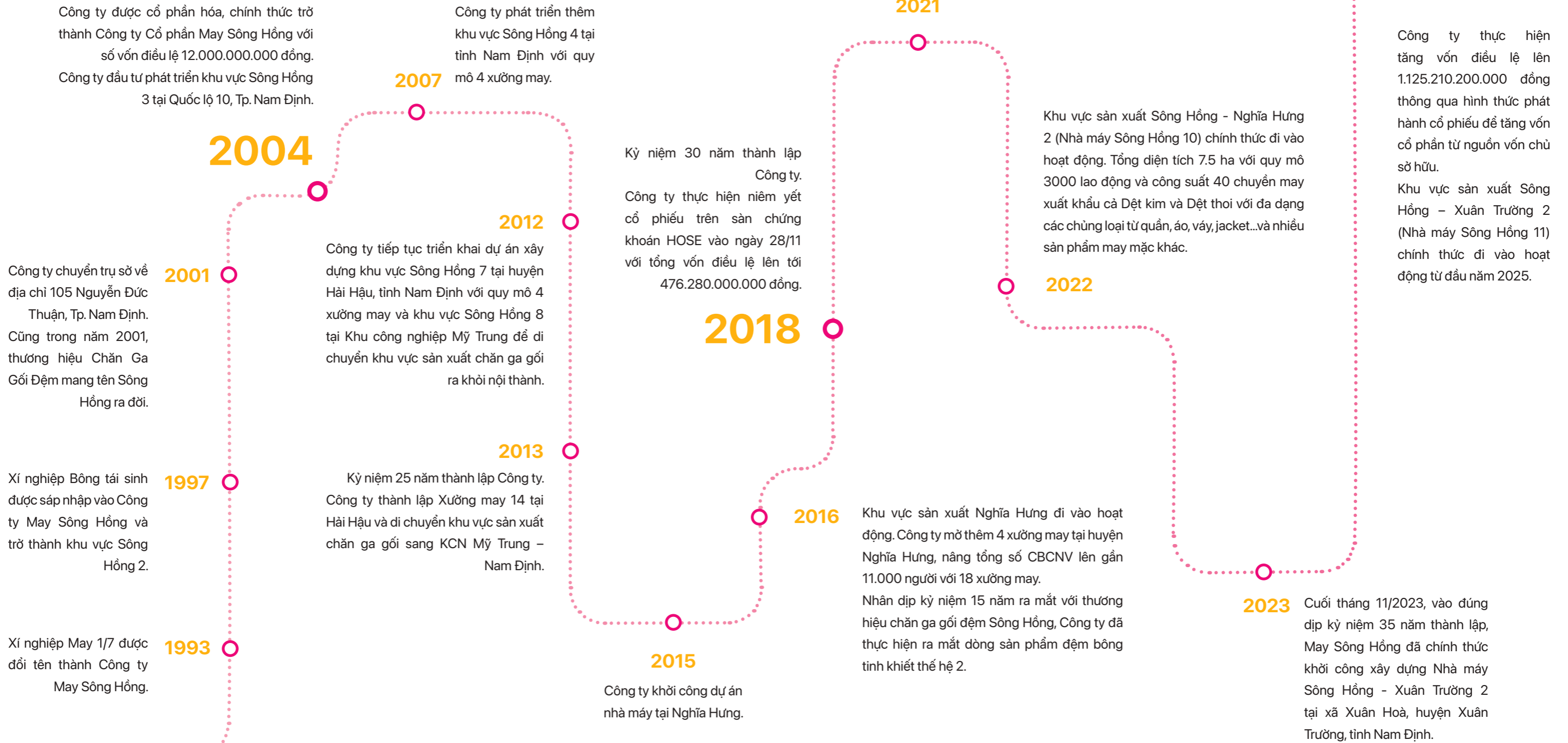
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP



Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần May Sông Hồng		
Tên Tiếng Anh	Song Hong Garment Joint Stock Company		
Tên viết tắt	SH. GARNY		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	<ul style="list-style-type: none"> Mã số doanh nghiệp: 0600333307 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 07/07/2025 		
Vốn điều lệ	1.125.210.200.000 đồng	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.125.210.200.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính	Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam		
Điện thoại	+84 2283 649365	Fax	+84 2283 646737
Mã cổ phiếu	MSH	Website	https://www.songhong.vn/
Logo			

CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



(* Lưu ý: Tỉnh Nam Định nay được đổi tên thành Tỉnh Ninh Bình)

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

1 Tổ chức thành công Hội nghị khách hàng thường niên năm 2025



Trong năm, Công ty đã tổ chức thành công Hội nghị khách hàng thường niên năm 2025. Hội nghị khách hàng năm 2025 là một sự kiện quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty, là buổi gặp mặt truyền thống với các khách hàng, bạn hàng, đối tác và cũng là cơ hội để các nhà phân phối gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong kinh doanh, cùng nhau đưa ra những định hướng mới trong tương lai. Hội nghị đã vinh danh gần 50 Nhà phân phối đạt thành tích cao trong kinh doanh và phát triển thị trường năm 2024-2025.

Chiều 19/12/2025, tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2025 của Bộ Công Thương, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Công ty May Sông Hồng vinh dự là một trong 27 doanh nghiệp tiêu biểu trên toàn quốc được trao Bằng khen nhờ thành tích xuất khẩu nổi bật năm 2024, ghi nhận những đóng góp tích cực vào tăng trưởng thương mại quốc gia và khẳng định uy tín, năng lực quản trị, tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế.

Trong năm 2024, mặc dù bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, Công ty vẫn đạt kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc 243 triệu USD tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và doanh thu trên 5.200 tỷ đồng, đồng thời tiếp tục định hướng phát triển xanh và bền vững thông qua việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, trách nhiệm xã hội, an toàn lao động và minh bạch chuỗi cung ứng, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.



2 MSH vinh dự được Bộ Công Thương trao tặng bằng khen về hoạt động xuất khẩu có thành tích xuất sắc trong năm 2024

Ngày 08/01/2026, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet đã công bố Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025. Trong đó, Công ty Cổ phần May Sông Hồng xếp hạng 148 trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2025 và xếp hạng 270 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025.

3 Xếp hạng trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2025



4 MSH được vinh danh "Doanh nghiệp ESG Xanh Quốc gia 2025"

Ngày 20/12/2025 tại Hà Nội, Lễ tổng kết Chương trình "Vì môi trường xanh quốc gia 2025" và công bố danh sách "Doanh nghiệp ESG xanh quốc gia 2025" đã được tổ chức nhằm đánh giá các hoạt động bảo vệ môi trường và tôn vinh những doanh nghiệp tiên phong thực hiện chiến lược phát triển bền vững tại Việt Nam. Trong khuôn khổ sự kiện, MSH vinh dự là một trong 20 doanh nghiệp tiêu biểu được Viện Nghiên cứu Tăng trưởng Xanh trao Chứng nhận đạt tiêu chí "Doanh nghiệp ESG Xanh Quốc gia năm 2025", đồng thời đánh dấu năm thứ ba liên tiếp (2023-2025) Công ty được vinh danh. Việc xét chọn năm nay áp dụng bộ tiêu chí ESG gồm 30 chỉ số tham chiếu các chuẩn mực quốc tế và điều chỉnh phù hợp với điều kiện doanh nghiệp Việt Nam, đánh giá toàn diện ba trụ cột Môi trường, Xã hội và Quản trị thông qua quy trình thẩm định nghiêm ngặt. Kết quả này là minh chứng cho cam kết nhất quán và những nỗ lực của Công ty trong việc lồng ghép các tiêu chuẩn ESG vào chiến lược quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao trách nhiệm với môi trường, xã hội và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

NGÀNH NGHỀ và ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

► Lĩnh vực chính

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, các loại vật tư, thiết bị hàng hoá phục vụ cho sản xuất công nghiệp dệt may và kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh, tập trung vào **2 lĩnh vực**:

May xuất khẩu ----- Nội địa

Địa bàn hoạt động

► Địa bàn sản xuất

1 Khu vực sản xuất Sông Hồng 1

Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

3 Khu vực sản xuất Sông Hồng 3

Quốc lộ 10, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

4 Khu vực sản xuất Sông Hồng 4

Cụm công nghiệp, Đường Trường Chinh, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

7 Khu vực sản xuất Sông Hồng 7

Cụm công nghiệp, Xã Hải Hậu, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

8 Khu vực sản xuất Sông Hồng 8

Lô E6 - E7 khu công nghiệp Mỹ Trung, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

9 Khu vực sản xuất Sông Hồng 9

Điểm công nghiệp, Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

10 Khu vực sản xuất Sông Hồng 10

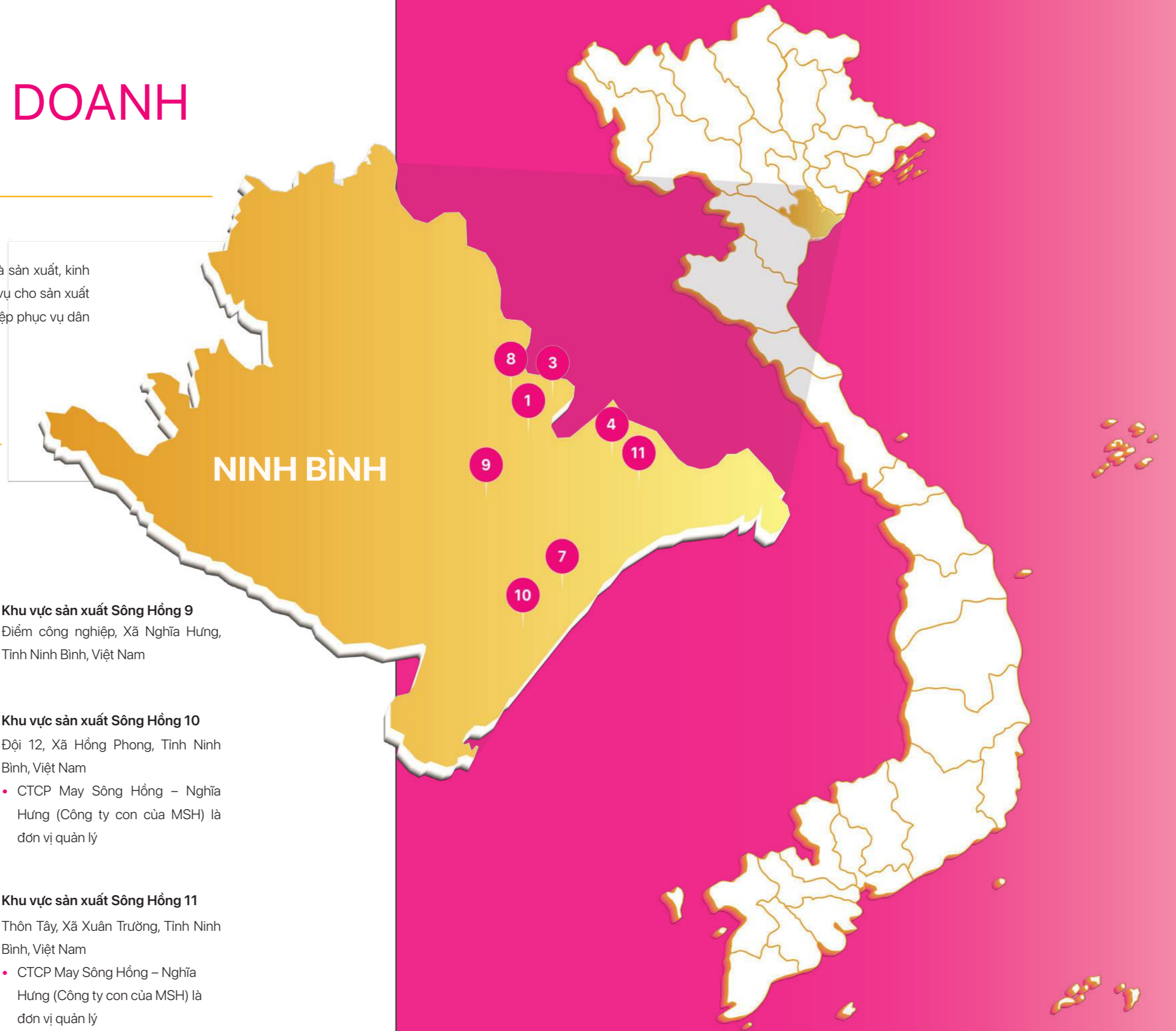
Đội 12, Xã Hồng Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

- CTCP May Sông Hồng – Nghĩa Hưng (Công ty con của MSH) là đơn vị quản lý

11 Khu vực sản xuất Sông Hồng 11

Thôn Tây, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

- CTCP May Sông Hồng – Nghĩa Hưng (Công ty con của MSH) là đơn vị quản lý



NGÀNH NGHỀ và ĐỊA BÀN KINH DOANH

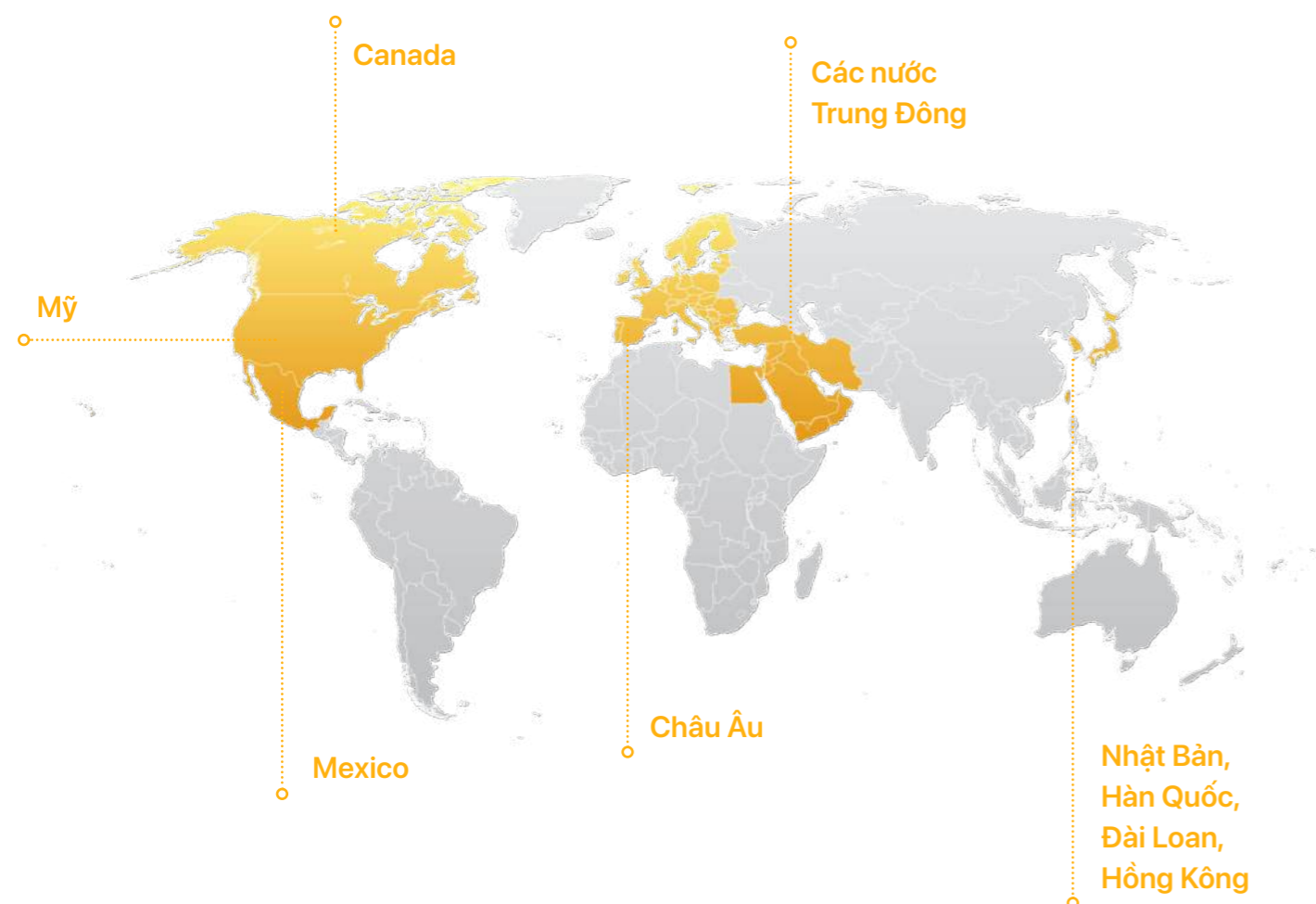
(tiếp theo)

Địa bàn hoạt động

Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm may mặc

Thị trường sản phẩm may mặc của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, và một số thị trường khác như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Canada, Mexico và các nước Trung Đông. Đến nay, Sông Hồng đã trở thành nhà sản xuất uy tín của các hãng thời trang nổi tiếng nhờ năng lực sản xuất vượt trội.



Sản phẩm nội địa

Sản phẩm Chăn Ga Gối Đệm của Công ty hiện tại được phân phối trên toàn quốc thông qua hệ thống kênh phân phối là các Showroom và Đại lý với thương hiệu "Sông Hồng". Hiện nay Công ty có 55 nhà phân phối và 192 đại lý phủ sóng khắp 25/34 tỉnh thành Việt Nam. Đặc biệt, từ năm 2016 ngoài cung cấp cho thị trường nội địa, sản phẩm chăn ga gối của Công ty đã đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào 2 thị trường khó tính là Nhật Bản và Hàn Quốc.

 **192** đại lý

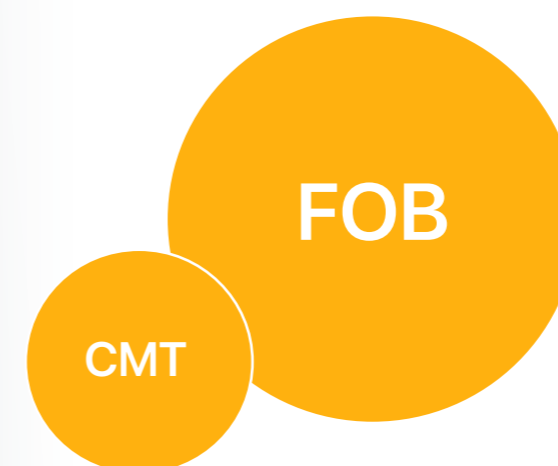
 **55** nhà phân phối

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

May xuất khẩu

May Sông Hồng là Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc với hoạt động chính là xuất khẩu cho các thương hiệu may mặc lớn trên thế giới. Hai phương thức xuất khẩu chính Công ty đang thực hiện là CMT (hàng gia công) và FOB (hàng xuất khẩu theo phương thức giao hàng lên tàu). Trong đó phân khúc FOB hiện đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Với hơn 35 năm xây dựng và phát triển, May Sông Hồng có kinh nghiệm sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm đa dạng khác nhau từ dệt kim đến dệt thoi, hàng thể thao, thời trang cho nam, nữ và trẻ em - với những chủng loại phong phú như: váy, quần, áo jacket, T shirt, Blue suit, quần áo thể thao, hàng nỉ, v.v. Công ty hiện là đối tác sản xuất của các nhãn hiệu thời trang, nhà sản xuất và chuỗi bán lẻ lớn như Columbia Sportswear, Haddad Brands (với các thương hiệu Nike, Converse, Levi's), GIII (với các thương hiệu Calvin Klein, Tommy Hilfiger, DKNY), Walmart, Bugatti, Sae-A Trading, Target, Express.



Nội địa

Mặt hàng chủ lực của khu vực nội địa là nhóm sản phẩm chăn - ga - gối và đệm do Công ty dày công nghiên cứu, phát triển và được phân phối chủ yếu trên thị trường trong nước.

NGÀNH NGHỀ và ĐỊA BÀN KINH DOANH

(tiếp theo)

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính



NHÓM SẢN PHẨM CHĂN - GA - GỐI

Dòng sản phẩm cao cấp

sử dụng chất liệu vải nhập khẩu 100% cotton 250T với xu hướng màu hiện đại kết hợp những họa tiết và thiết kế tươi sáng, trẻ trung, phù hợp với cuộc sống đô thị và các gia đình trẻ.

Dòng sản phẩm truyền thống

sử dụng chất liệu vải đa dạng như 100% Cotton 200T và TC 170T, mang nhiều ưu điểm về tính kinh tế, tiện dụng, mềm mại, bền chắc.

Dòng sản phẩm trẻ em

là dòng sản phẩm chăn - ga - gối được thiết kế độc đáo, đáng yêu, rất êm ái và an toàn. Ruột bông của các sản phẩm chứa hạt nano bạc để diệt khuẩn, đảm bảo sự an toàn cho làn da nhạy cảm của các bé.



NHÓM SẢN PHẨM ĐỆM



Đệm bông tinh khiết Sông Hồng thế hệ 1 là dòng đệm 3 mảnh ghép truyền thống của May Sông Hồng với độ dày từ 5 đến 9 cm. Lõi đệm sử dụng Bông xơ tinh khiết được sản xuất trên công nghệ Nhật Bản, không sử dụng keo và hóa chất tạo nên lõi đệm như các chủng loại đệm thông thường trên thị trường. Vỏ đệm được sử dụng trên 2 chất liệu TC và gấm với nhiều mẫu mã đa dạng. Đây là dòng đệm hướng đến phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình và có mức giá bán hợp lý.

Đệm bông tinh khiết Sông Hồng thế hệ 3 có độ dày từ 15 đến 25 cm. Vỏ bọc đệm được sử dụng chất liệu sợi vải Viscose êm ái, thông thoáng tăng khả năng hút ẩm, họa tiết đẹp, sang trọng. Lõi đệm dựa trên nền tảng chính là bông tinh khiết kháng khuẩn đã được khẳng định về chất lượng và độ an toàn khi sử dụng trên thị trường trong nhiều năm qua, kết hợp với lớp Foam cao cấp, cấu tạo nên sản phẩm đệm không thể hoàn hảo hơn, với độ đàn hồi cao, gọn nhẹ, không biến dạng qua các thử nghiệm đa chiều về không gian và thời gian, không gây tổn hại môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu thức về y tế, hỗ trợ tốt cho người bị thoát vị đĩa đệm và vôi gai cột sống.

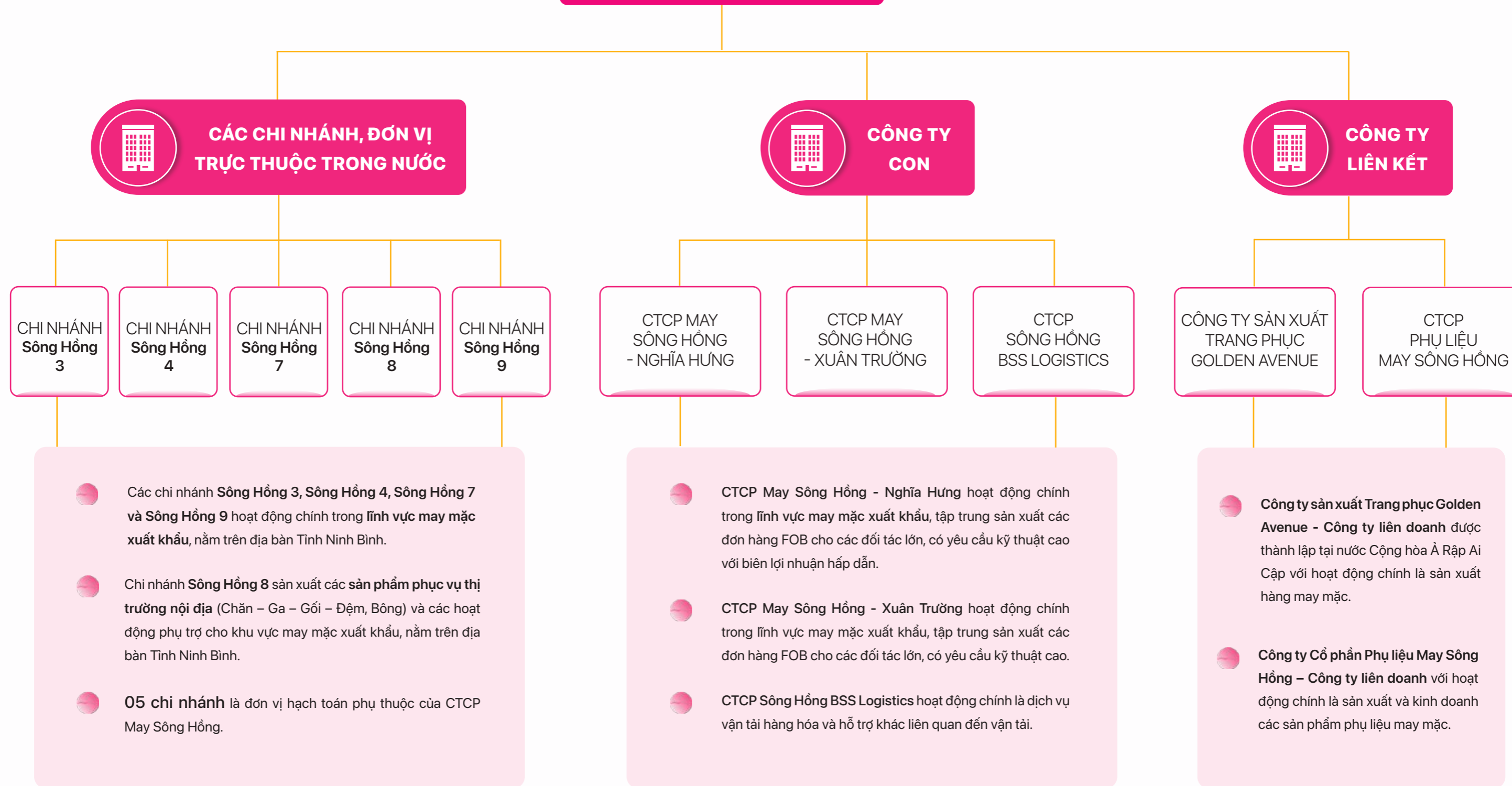
Đệm bông tinh khiết Sông Hồng Back Essential là ý tưởng đột phá đến từ mong muốn bảo vệ tốt nhất cho cột sống và vai gáy của người sử dụng. Bề mặt đệm được thiết kế chần hiện đại tạo điểm nhấn về thẩm mỹ. Vỏ bọc được sử dụng chất liệu vải co giãn 4 chiều, mềm mại, thông thoáng, thấm hút mồ hôi, đảm bảo vệ sinh. Lõi đệm là sự kết hợp hoàn hảo của lớp bông tinh khiết và Memory foam, tạo độ đàn hồi cao, nâng đỡ chính xác mọi vị trí, làm giảm sức ép cơ thể và độc lập chuyển động, có thể thoải mái xoay trở mình mà không ảnh hưởng đến giấc ngủ của người nằm cạnh. Với độ dày lên đến 32 cm và đã được kiểm định đạt chuẩn chất lượng xuất khẩu bởi tổ chức Underwriter Laboratory (UL) Hoa Kỳ, dòng đệm Sông Hồng Back Essential hoàn toàn có thể cung ứng cho các Resort, khách sạn, biệt thự và các Căn hộ cao cấp.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ và BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình hoạt động

(*) Mô hình hoạt động tại thời điểm 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ và BỘ MÁY QUẢN LÝ

(tiếp theo)

Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức

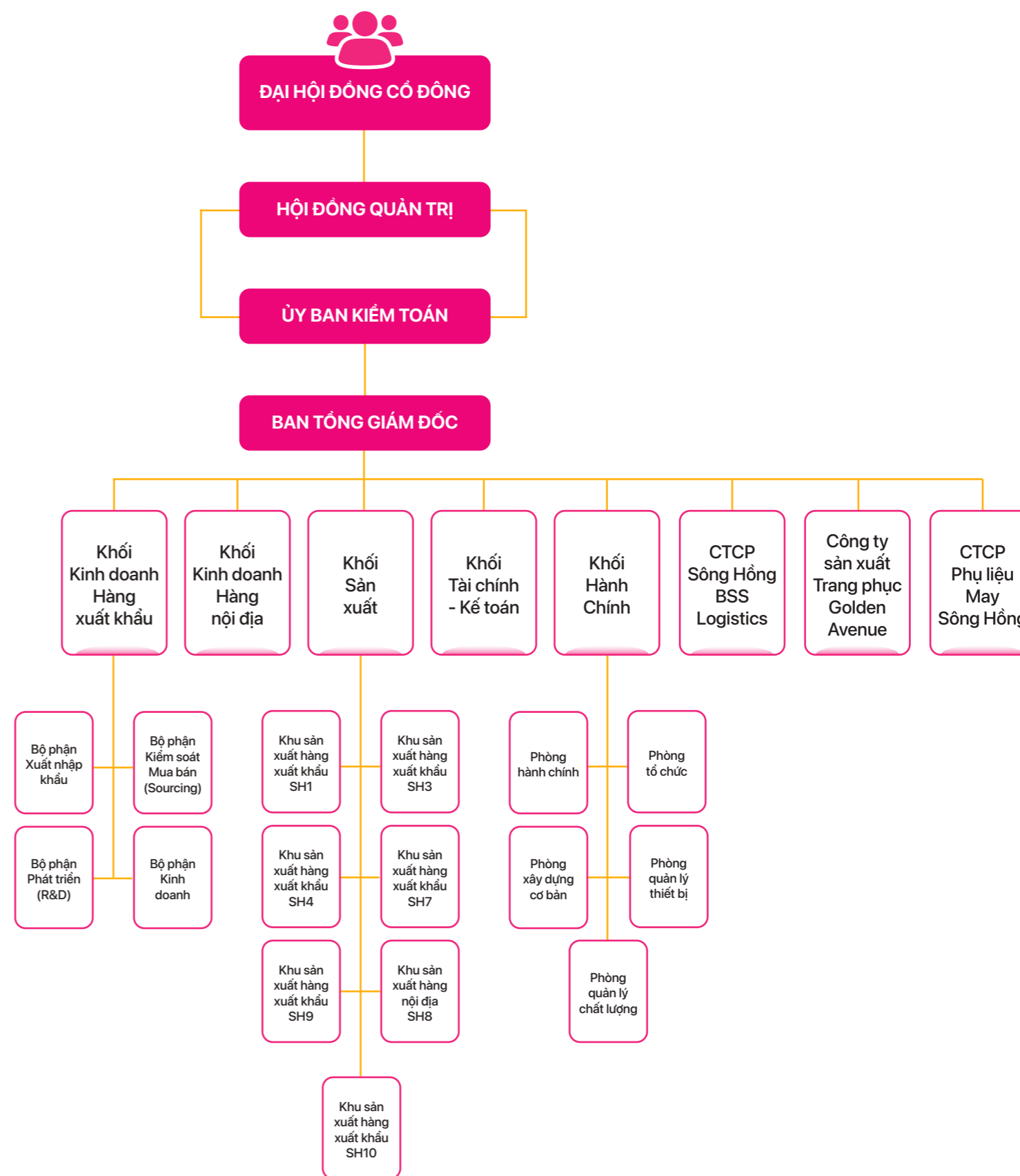
► Mô hình quản trị

Hiện nay, MSH đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

► Cơ cấu bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị	Gồm có 08 thành viên. Trong số các thành viên HĐQT không điều hành có 01 Chủ tịch HĐQT và 02 thành viên khác đồng thời là thành viên HĐQT độc lập.
Ủy ban kiểm toán	Gồm 03 thành viên, gồm 01 Chủ tịch UBKT, 02 thành viên UBKT đồng thời là thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành.
Ban Tổng giám đốc	Gồm có 01 TGD và 02 Phó TGD.
Giám đốc tài chính	01 người
Kế toán trưởng	01 người

► Sơ đồ tổ chức



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

và BỘ MÁY QUẢN LÝ *(tiếp theo)*

Thông tin các khu vực
sản xuất trực thuộc MSH



1 Sông Hồng 1



- Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 1
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Váy, Áo sơ mi thể thao, áo sơ mi kiểu, quần dài, quần shorts

3 Sông Hồng 3



- Địa chỉ: Quốc lộ 10, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 3
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, dán sym, lông vũ, quần dài, quần shorts

4 Sông Hồng 4



- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đường Trường Chinh, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 3
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, dán sym, váy, quần dài, quần shorts

7 Sông Hồng 7



- Địa chỉ: Cụm công nghiệp, Xã Hải Hậu, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 3
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, quần dài, quần shorts, đồ thể thao dệt kim

8 Sông Hồng 8



- Địa chỉ: Lô E6 - E7 khu công nghiệp Mỹ Trung, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng phân xưởng: 2 xưởng may chần, 1 xưởng bông, 1 xưởng đệm, 1 xưởng thêu, 1 xưởng in
- Sản phẩm chính: Sản xuất và kinh doanh chăn ga gối đệm; Sản xuất bông tằm, bông nhồi, in thêu & chần, phục vụ bán thành phẩm cho khu vực may mặc.

9 Sông Hồng 9



- Địa chỉ: Điểm công nghiệp, Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 3
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, quần dài, quần shorts, đồ thể thao dệt kim

10 Sông Hồng 10



- Địa chỉ: Đội 12, Xã Hồng Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 2
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, sơ mi, váy, quần dài, quần shorts

11 Sông Hồng 11



- Địa chỉ: Thôn Tây, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số lượng xưởng may: 3
- Số lượng xưởng cắt: 1
- Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, sơ mi, váy, quần dài, quần shorts

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ và BỘ MÁY QUẢN LÝ

(tiếp theo)

Thông tin các công ty con, công ty liên kết

► Công ty con



Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG - NGHĨA HƯNG
Tên Tiếng Anh	SONG HONG - NGHIA HUNG GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	SH-NH.JSC
Địa chỉ trụ sở chính	Đội 12, Xã Hồng Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp	0601175406
Người đại diện theo pháp luật	Bùi Đức Thịnh
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất hàng may mặc
Vốn điều lệ	250.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ MSH thực góp	127.500.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	51%
Ngày bắt đầu thành lập	01/02/2019

Thông tin nhà máy

Công ty cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng hiện đang là đơn vị quản lý của Nhà máy May Sông Hồng 10 với những thông tin cơ bản sau:

- Công suất: 40 chuyền may
- Tổng mức đầu tư: ~500 tỷ đồng
- Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ đầu năm 2022
- Lao động: 2.300 người



Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG – XUÂN TRƯỜNG
Tên Tiếng Anh	SONG HONG - XUAN TRUONG GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	SH - XT.JSC
Địa chỉ trụ sở chính	Thôn Tây, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp	0601230777
Người đại diện theo pháp luật	Bùi Đức Thịnh
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất hàng may mặc
Vốn điều lệ	300.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ MSH thực góp	153.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	51%
Ngày bắt đầu thành lập	22/01/2022

Thông tin nhà máy

Công ty cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường hiện đang là đơn vị quản lý của Nhà máy May Sông Hồng 11 với những thông tin cơ bản sau:

- Công suất: Trên 50 chuyền may
- Tổng mức đầu tư: trên 700 tỷ đồng
- Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 2/2025.
- Lao động: 3.000 người

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ và BỘ MÁY QUẢN LÝ

(tiếp theo)

Thông tin các công ty con, công ty liên kết

► Công ty con



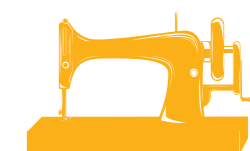
Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG BSS LOGISTICS
Tên Tiếng Anh	SONG HONG BSS LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	SONG HONG BSS LOGISTICS., JSC
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 18, Tòa nhà văn phòng 789, số 147 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp	0107878767
Người đại diện theo pháp luật	Phạm Thanh Hải
Lĩnh vực kinh doanh chính	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa và hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
Vốn điều lệ	8.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ MSH thực góp	4.080.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	51%
Ngày bắt đầu thành lập	07/06/2017

Ngoài ra, Công ty còn có 01 công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics là Công ty TNHH Sunshine Line Agencies Việt Nam: Công ty con được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0202248444 ngày 3 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp với vốn điều lệ là 3 tỷ đồng, được sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics. Công ty TNHH Sunshine Line Agencies Việt Nam có trụ sở chính đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam, với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa và hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

► Công ty liên kết



Tên Tiếng Việt	CÔNG TY SẢN XUẤT TRANG PHỤC GOLDEN AVENUE
Tên viết tắt	Golden Avenue
Địa chỉ trụ sở chính	Các lô số 35-36-37-38-39-40-41-42 thuộc Khu công nghiệp thứ 2 – ô thứ ba – khối C của Khu công nghiệp ở Ai-Matahra – Phía đông sông Nile – tỉnh Menya – New Menya, Ai Cập
Số đăng ký Thương mại số	38989 của Bộ Cung ứng và Thương mại Nội địa
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất hàng may mặc
Vốn điều lệ	81.553.676.774 đồng
Vốn điều lệ MSH thực góp	40.776.838.387 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	50%



Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ LIỆU MAY SÔNG HỒNG
Địa chỉ trụ sở chính	Lô E6, E7, KCN Mỹ Trung, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp	0601305976
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất phụ liệu may mặc
Vốn điều lệ	20.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ MSH thực góp	9.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	45%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển

Xây dựng Công ty cổ phần May Sông Hồng ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP đầu các doanh nghiệp dệt may có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.

Định hướng phát triển trung và dài hạn

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty, các định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và nhằm nâng cao vị thế của May Sông Hồng, Ban lãnh đạo định hướng phát triển như sau:

01

Xác định nhóm sản phẩm may mặc giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các mảng phụ trợ như giặt, in, thêu – chần. Trong đó, xác định thị trường xuất khẩu là động lực tăng trưởng chính, chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng năng lực nhóm sản phẩm may mặc xuất khẩu theo phương thức FOB trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp

02

Đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu. Trong trung hạn ưu tiên tập trung nguồn lực cho mảng may mặc xuất khẩu nhằm củng cố năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và EVFTA. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, phát huy tối đa công suất khu vực hàng nội địa nhằm đẩy mạnh phục vụ thị trường trong nước với hơn 90 triệu dân

03

Đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm. Đối với mảng may mặc, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để đáp ứng các đơn hàng FOB khó, từng bước tham gia vào các phương thức sản xuất bậc cao hơn trong chuỗi giá trị ngành may (ODM, OBM). Đối với khu vực nội địa, tiếp tục cải tiến chất lượng và công năng, đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng

04

Chú trọng thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh song song với các mục tiêu phát triển bền vững



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN *(tiếp theo)*

Các mục tiêu cụ thể trong năm 2026

01 Mục tiêu sản xuất

Đảm bảo các khu vực sản xuất hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả; trong đó, cần chú trọng và quan tâm công tác vận hành sản xuất tại các khu vực nhà máy may mặc xuất khẩu May Sông Hồng 10, nhà máy may mặc xuất khẩu May Sông Hồng 11, hướng đến mục tiêu nâng công suất sản xuất lên mức tối đa, từ đó góp phần nâng cao năng lực sản xuất của toàn công ty.

02 Mục tiêu đầu tư

Tập trung thực hiện triển khai các phương án hợp tác và đầu tư trong lĩnh vực dệt vải và sản xuất nguyên phụ liệu, từng bước tự chủ một phần nguyên liệu, đảm bảo đạt đúng tiến độ đề ra.

Thực hiện rà soát, đánh giá và điều chỉnh các dự án đầu tư tại nước ngoài, bao gồm công ty liên doanh tại Ai Cập theo hướng phù hợp với chiến lược phát triển trong giai đoạn mới, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

03 Mục tiêu phát triển thị trường

Thị trường xuất khẩu:

1. Tăng cường quan hệ thương mại với các thị trường truyền thống, trong đó, tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần tại thị trường Mỹ thông qua các đối tác chiến lược như Columbia Sportswear, Walmart, Target, Haddad, Gill.
2. Bên cạnh đó, tìm kiếm động lực tăng trưởng mới thông qua mở rộng quan hệ thương mại với các thị trường tiềm năng ở Trung Đông, châu Phi và Nam Mỹ.
3. Theo dõi, nghiên cứu và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết và đang thực thi (bao gồm các hiệp định EVFTA, CPTPP, UKVFTA, RCEP, VIFTA cùng 12 FTA khác), đồng thời chủ động cập nhật, đánh giá tác động của các hiệp định thương mại mới và các khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế đang hình thành nhằm chuẩn bị phương án khai thác hiệu quả các thị trường tiềm năng, qua đó kịp thời nắm bắt cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thị trường nội địa:

Tiếp tục xây dựng thương hiệu chần ga gối đệm Sông Hồng là một thương hiệu quốc gia, là lựa chọn tin tưởng của người Việt. Duy trì, mở rộng hệ thống bán buôn, bán lẻ trên cả nước song song với phát triển kênh thương mại điện tử. Chú trọng phát triển các bộ sưu tập chần ga gối và các dòng đệm tiện dụng về công năng, đa dạng về mẫu mã.

04 Mục tiêu doanh thu – lợi nhuận

Doanh thu thuần

6.000 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

900 tỷ đồng

05 Mục tiêu phát triển bền vững

1. Đầu tư máy móc cho các nhà máy sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn xanh phù hợp với các quy chuẩn và xu hướng Quốc tế.
2. Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
3. Tập trung nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật cao, các khối phụ trợ nhằm đảm bảo đội ngũ kế cận vững chuyên môn và có tư cách đạo đức.
4. Tiếp tục tham gia đóng góp, chia sẻ khó khăn, đồng hành phát triển cùng kinh tế địa phương.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN *(tiếp theo)*

01 Vận hành ổn định và hiệu quả các khu vực sản xuất hiện hữu và các nhà máy mới được đưa vào vận hành trong giai đoạn 2025-2030.

02 Tham gia đầu tư, hợp tác liên doanh liên kết trong lĩnh vực dệt vải, phục vụ cho việc cung ứng nguyên liệu, hạn chế rủi ro phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài.

03 Từng bước triển khai tái cấu trúc lại mạng chần ga gối đệm: thay đổi nhận diện thương hiệu, thiết kế các mẫu mã mới, lập văn phòng đại diện nước ngoài, từng bước xúc tiến hoạt động xuất khẩu trong khi giữ vững thị phần trong nước.

04 Kiên quyết hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến, số hóa hệ thống quản trị để nâng cao năng lực điều hành sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm chi phí.

05 Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU



RỦI RO KINH TẾ

Thị trường thế giới

Là doanh nghiệp có hoạt động chính trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi chu kỳ kinh tế thế giới. Đặc biệt, khi thị phần xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào các thị trường chủ lực như Mỹ và EU (tổng cộng đóng góp trên 50% kim ngạch xuất khẩu toàn ngành) và nguồn cung nguyên phụ liệu phụ thuộc lớn vào Trung Quốc (chiếm hơn 50% trị giá nhập khẩu), tăng trưởng của ngành nói chung và May Sông Hồng nói riêng trở nên nhạy cảm trước biến động kinh tế và chính sách thương mại của các quốc gia này. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng, đầu tư và thương mại phục hồi chậm, cùng với sự tăng của các chính sách thuế quan, rào cản kỹ thuật và yêu cầu xanh hoá từ thị trường nhập khẩu đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.

Thị trường nội địa

Trong năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì ổn định vĩ mô và đạt mức tăng trưởng mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra. Nhu cầu tiêu dùng nội địa duy trì mức tăng khá, song vẫn có sự phân hóa giữa các nhóm ngành và khu vực. Những khó khăn nội tại như thiên tai, mưa bão, lũ quét và sạt lở đất tại nhiều địa phương đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đời sống người dân. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến an ninh năng lượng, an ninh lương thực cùng với những biến động trong nước tiếp tục tạo áp lực nhất định lên môi trường kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu thị trường, doanh số bán hàng và sản lượng sản xuất trong nước.

Để giảm thiểu các rủi ro từ bất ổn kinh tế, ban lãnh đạo Công ty phải thường xuyên cập nhật thông tin, nhanh chóng nắm bắt các diễn biến mới trên thị trường, từ đó đưa ra các quyết sách, định hướng kinh doanh và các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tỷ giá

Hầu hết các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng Đồng Việt Nam, song do đặc thù các đơn hàng của May Sông Hồng chủ yếu được thực hiện với một số thị trường trên thế giới và giao dịch chính bằng đồng Đô la Mỹ ("USD") nên Công ty chịu ảnh hưởng lớn nhất bởi biến động tỷ giá từ cặp tiền tệ USD/VND, ngoài ra Công ty cũng có các khoản vay thực hiện bằng ngoại tệ, chủ yếu là bằng USD. Trong bối cảnh năm 2025, tỷ giá và thị trường ngoại hối toàn cầu tiếp tục biến động do chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều quốc gia, chênh lệch lãi suất và nhu cầu ngoại tệ gia tăng, khiến rủi ro tỷ giá đối với doanh nghiệp xuất khẩu duy trì ở mức cao. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, việc điều hành tỷ giá được thực hiện linh hoạt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô nhưng vẫn chịu tác động từ diễn biến quốc tế và cung - cầu ngoại tệ trong nước. Để phòng ngừa các rủi ro tỷ giá, Công ty giao nhiệm vụ cho Giám đốc tài chính và Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, chủ động sử dụng các công cụ tài chính phái sinh bằng ngoại tệ, cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ để giảm thiểu rủi ro mà doanh nghiệp phải đối mặt.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Công ty đối mặt với rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính hợp nhất với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý.

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Giám đốc tài chính và Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DỆT MAY

Lao động và quản lý nhân sự

Đặc thù của ngành dệt may là có tính thâm dụng lao động cao, trong đó, nhu cầu về nhân lực tập trung rõ nhất ở công đoạn gia công sản phẩm. Việc làm sao để thu hút và đào tạo được nguồn nhân lực có tay nghề, sẵn sàng cam kết lâu dài với doanh nghiệp vẫn luôn là bài toán đặt ra cho nhiều công ty may mặc Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh sự cạnh tranh về lao động trong ngành diễn ra ngày càng gay gắt. Từ ngày 01/01/2026, theo Nghị định ban hành ngày 10/11/2025, mức lương tối thiểu vùng chính thức được điều chỉnh tăng khoảng 7%. Sự gia tăng này, cùng với xu hướng tăng chi phí bảo hiểm và phụ cấp, tạo nên áp lực kép khi đơn giá sản xuất vẫn phải duy trì tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Nguyên vật liệu

Ngành dệt may là một ngành sản xuất phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu đầu vào, chủ yếu là sợi và vải. Vì vậy, rủi ro về nguyên vật liệu là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ngành. Một số rủi ro nguyên vật liệu mà ngành dệt may Việt Nam có thể đối mặt bao gồm:

- **Biến động chi phí nguyên vật liệu:** Với đặc thù là ngành phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu, trong năm 2025, căng thẳng leo thang từ thuế quan của Hoa Kỳ cùng sự dịch chuyển các tuyến thương mại đã khiến giá nguyên liệu biến động khó lường. Nếu ảnh hưởng này tiếp tục kéo dài, chi phí đầu vào và rủi ro gián đoạn nguồn cung có thể gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp dệt may.
- **Rủi ro về chất lượng nguyên vật liệu:** Chất lượng của nguyên vật liệu có vai trò quyết định đến chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm dệt may. Các nhà nhập khẩu lớn tại EU và Mỹ ngày càng siết chặt yêu cầu về chứng nhận môi trường, trách nhiệm xã hội và minh bạch nguồn gốc nguyên liệu, doanh nghiệp phải chủ động nguồn nguyên liệu xanh, tái chế và đầu tư công nghệ sản xuất sạch hơn.

Việc chưa thể tự chủ nguồn nguyên liệu đầu vào tiếp tục đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành trong công tác quản lý chi phí cũng như mở rộng, đa dạng nguồn cung ứng. Để giảm thiểu rủi ro liên quan đến nguồn cung ứng nguyên vật liệu, trong năm nay, Công ty đã thực hiện chủ trương góp vốn thành lập Công ty Cổ phần phụ liệu May Sông Hồng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm phụ liệu may mặc. Việc tham gia thành lập công ty liên doanh nhằm chủ động nguồn cung phụ liệu đầu vào, nâng cao tính tự chủ trong chuỗi sản xuất, tối ưu chi phí và tăng khả năng đáp ứng đơn hàng, qua đó củng cố năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của May Sông Hồng chịu sự điều tiết trực tiếp từ hệ thống pháp luật Việt Nam (Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Thuế, Hải quan) và các quy định nghiêm ngặt của thị trường chứng khoán. Bất kỳ sự thay đổi nào trong hành lang pháp lý nội địa đều có thể gây áp lực lên chi phí vận hành và tính tuân thủ của Công ty.

Trên bình diện quốc tế, ngành dệt may đang đối mặt với các rào cản thương mại kỹ thuật khắt khe từ Mỹ và EU, đặc biệt là các tiêu chuẩn về phát triển bền vững, giảm phát thải và truy xuất nguồn gốc. Việc Mỹ áp thuế 20% lên hàng dệt may Việt Nam (ngoại trừ hàng chuyển tải) cũng tạo ra thách thức đáng kể cho biên lợi nhuận xuất khẩu. Tuy nhiên, bằng chiến lược thích ứng linh hoạt và khả năng đón đầu làn sóng dịch chuyển đơn hàng, May Sông Hồng đã chủ động hóa giải các rủi ro này để đảm bảo kế hoạch tăng trưởng bền vững.

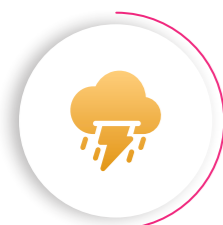
CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ngành may mặc xuất khẩu Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức liên quan đến vấn đề môi trường khi là ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, nước và có nhiều hoạt động xả thải. Trên thị trường quốc tế, các thách thức được đặt ra cho doanh nghiệp trong ngành là vừa phải đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu sản xuất, đồng thời phải chứng minh được trách nhiệm xã hội với sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, ngành dệt may Việt Nam chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường trong nước với các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may.

Kể từ tháng 12 năm 2022, Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, theo đó, việc phát triển ngành dệt may phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội, đảm bảo phù hợp mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế. Để đưa doanh nghiệp phát triển bền vững, đảm bảo đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra, hiện nay, các dự án mới nhất của May Sông Hồng đều áp dụng tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến nhất về thiết kế và sử dụng nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quy trình sản xuất, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và địa phương xung quanh.



RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố, ... là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.





Chương



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	56
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư	59
Tình hình tài chính	66
Tổ chức và nhân sự	70
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	78

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

ĐVT: triệu đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	5.538.068	5.280.403	4,88%
Giá vốn hàng bán	4.363.661	4.450.895	-1,96%
Lợi nhuận gộp	1.174.408	829.508	41,58%
Doanh thu hoạt động tài chính	239.960	210.720	13,88%
Chi phí tài chính	91.952	84.720	8,54%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	64.310	53.363	20,51%
Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-25.275	(6.316)	N/a
Chi phí bán hàng	157.187	136.713	14,98%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	309.964	252.452	22,78%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	829.989	560.026	48,21%
Lợi nhuận khác	-6.897	(16.219)	-57,48%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	823.092	543.808	51,36%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	675.772	442.490	52,72%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	613.920	412.523	48,82%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	5.456	3.322	64,24%

Về cơ cấu doanh thu

- Doanh thu thuần đạt 5.538,1 tỷ đồng, tăng 4,88% so với năm 2024. Kết quả này được thúc đẩy chủ yếu bởi mảng may mặc xuất khẩu trong bối cảnh thị trường quốc tế có nhiều diễn biến đan xen:
 - Các yếu tố hỗ trợ: Lượng tồn kho tại Mỹ duy trì ở mức thấp kỷ lục, nhiều nhãn hàng chỉ duy trì lượng hàng đủ dùng trong ngắn hạn từ 1 – 2 tháng, đã thúc đẩy nhu cầu đặt hàng tăng mạnh trong các quý giữa năm để chuẩn bị cho mùa cao điểm cuối năm. Bên cạnh đó, việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cắt giảm lãi suất lần thứ ba vào tháng 12/2025, đưa lãi suất về mức thấp nhất kể từ năm 2022, đã tạo cú hích cho sức mua. Việt Nam cũng tận dụng tốt cơ hội dịch chuyển đơn hàng từ các đối thủ cạnh tranh đang gặp bất ổn như Bangladesh và Pakistan.
 - Thách thức: Chính sách thuế đối ứng mới của Mỹ và xung đột địa chính trị (trọng điểm là các cuộc xung đột tại Trung Đông, xung đột Nga-Ukraine) buộc doanh nghiệp phải tiếp nhận và linh hoạt xử lý các đơn hàng nhỏ, thời gian giao hàng ngắn và biên lợi nhuận hẹp hơn.
- Doanh thu hoạt động tài chính (từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá) tăng 13,88% lên 240,0 tỷ đồng. Trong đó, khoản mục tăng mạnh nhất đến từ lãi tiền gửi, tăng từ 117,4 tỷ đồng trong 2024 lên 151,0 tỷ đồng trong năm 2025.
- Đối với khoản mục Lợi nhuận khác, dù vẫn ghi nhận lỗ 6,9 tỷ đồng, nhưng đã cải thiện đáng kể so với mức lỗ 16,2 tỷ đồng của năm trước, góp phần nhẹ vào việc nâng cao hiệu quả tổng thể.

Nhìn chung, cấu trúc chi phí của May Sông Hồng trong năm 2025 có sự chuyển dịch tích cực ở giá vốn hàng bán, giúp nới rộng biên lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, các chi phí hoạt động và chi phí tài chính có xu hướng gia tăng để phục vụ các mục tiêu mở rộng quy mô. Cụ thể:

- Giá vốn hàng bán của Công ty đạt 4.363,7 tỷ đồng, giảm 1,96% so với năm 2024. Đáng chú ý, tỷ trọng giá vốn trên doanh thu thuần giảm mạnh từ 84,29% xuống còn 78,79%. Sự sụt giảm này phản ánh việc gia tăng hiệu quả trong quy trình sản xuất và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận 310,0 tỷ đồng, tăng 22,78% so với cùng kỳ. Tỷ trọng chi phí này trên doanh thu thuần tăng từ 4,78% lên 5,60%. Việc gia tăng chi phí quản lý là hệ quả tất yếu từ quá trình mở rộng quy mô hoạt động và đầu tư vào bộ máy nhân sự để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng.
- Chi phí bán hàng đạt 157,2 tỷ đồng, tăng 14,98% so với năm 2024. Tỷ trọng chi phí bán hàng chiếm khoảng 2,84% doanh thu (tăng nhẹ so với mức 2,59% của năm trước).
- Chi phí tài chính là 92,0 tỷ đồng, tăng 8,54% so với năm 2024, chiếm khoảng 1,66% doanh thu thuần (gần như không đổi so với tỷ trọng khoảng 1,60% trong năm 2024). Trong đó, chi phí lãi vay tăng mạnh ở mức 20,51%, đạt 64,3 tỷ đồng. Việc lãi vay tăng mạnh là do công ty gia tăng vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và giải ngân cho các dự án nhà máy trọng điểm thuộc Khu sản xuất may xuất khẩu của O2 Công ty con (CTCP Sông Hồng – Xuân Trường, CTCP Sông Hồng – Nghĩa Hưng), hứa hẹn sẽ là động lực tăng trưởng mới cho giai đoạn tới.

Về cơ cấu chi phí

Các chỉ tiêu về lợi nhuận

- Kết thúc năm 2025, Công ty ghi nhận gần 1.174,4 tỷ đồng trong lợi nhuận gộp, tăng 41,58% so với cùng kỳ 2024. Doanh thu tăng nhanh hơn giá vốn hàng bán đã khiến biên lợi nhuận gộp tăng từ 15,71% trong năm 2024 lên 21,21% vào năm 2025.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 675,8 tỷ đồng, tăng 52,72% so với kết quả năm 2024. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 12,20%, cải thiện mạnh mẽ so với mức 8,38% của năm trước.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(tiếp theo)

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Doanh thu thuần

↑ 0,69%

đạt 5.538,1 tỷ đồng
vượt 0,69% kế hoạch đề ra

Lợi nhuận trước thuế

↑ 37,18%

đạt 823,1 tỷ đồng
vượt 37,18% so với kế hoạch đề ra

Kết thúc năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả này khẳng định năng lực vận hành hiệu quả và chiến lược thích ứng linh hoạt của Ban lãnh đạo trong việc tối ưu hóa chi phí để gia tăng biên lợi nhuận, dù doanh thu chỉ vượt nhẹ so với kế hoạch. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% Thực hiện 2025/ Kế hoạch 2025
Doanh thu thuần	5.500	5.538,1	100,69%
Lợi nhuận trước thuế	600	823,1	137,18%

DVT: Tỷ đồng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tình hình thực hiện dự án đầu tư



Dự án nhà máy Xuân Trường

Tên dự án	Xây dựng khu sản xuất may xuất khẩu
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Xuân Trường
Hình thức đầu tư	Thực hiện hình thức đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế.
Mục tiêu đầu tư	Thành lập một khu vực sản xuất may xuất khẩu tại các huyện phía Nam, tạo việc làm tại chỗ, thu nhập cho lực lượng thanh niên nông thôn và thực hiện theo định hướng kinh doanh của công ty. Chủ trương chiến lược của nhà máy là sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc tế.
Quy mô dự án	Xây dựng nhà máy sản xuất đồng bộ, hiện đại có công suất khoảng 50 dây chuyền may với 3000 lao động trên diện tích khoảng 9,8ha với quy mô là 03 Xưởng sản xuất, 01 Nhà kho kết hợp với Xưởng cắt, 01 khu Nhà Văn phòng, 01 Nhà ăn, Khu nhà bảo vệ, Nhà y tế, khu nhà xe công nhân và các hạng mục công trình kỹ thuật như: khu Xử lý nước cấp, nước thải, trạm điện, hệ thống PCCC, hạ tầng giao thông, cây xanh, hồ nước đảm bảo theo tiêu chuẩn nhà máy xanh.
Năng lực sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> Số chuyền may: khoảng 50 chuyền Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tấm, sơ mi, váy, quần dài, quần shorts ... Công suất thiết kế dự kiến: 3 triệu sản phẩm jacket quy chuẩn/ năm
Địa điểm thực hiện dự án	Thôn 17, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Tổng mức đầu tư dự án	700 tỷ đồng
Tiến độ thực hiện dự án trong năm	Đã hoàn thành
Thời điểm vận hành thương mại	Nhà máy chính thức hoạt động từ tháng 02/2025

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(tiếp theo)

Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Dự án Golden Avenue



Tên dự án	Dự Án Golden Avenue (Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư)
Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần May Sông Hồng
Hình thức đầu tư	Thực hiện hình thức đầu tư góp vốn vào tổ chức kinh tế.
Mục tiêu đầu tư	<p>Thành lập một công ty liên doanh tại Cộng Hòa Ả Rập, Ai Cập để:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành lập và vận hành một nhà máy sản xuất và chế tạo các sản phẩm sau: <ol style="list-style-type: none"> chăn cách nhiệt nhiều lớp và các loại chăn gia dụng khác nhau dùng trong công nghiệp và tiêu dùng chẳng hạn như quần áo mùa đông và các lớp lót; Làm sáng lông cotton từ vải vụn mua từ thị trường địa phương; Vải Cotton và vải nhung len cần thiết cho thị trường địa phương; Các loại vải Tricot; Chuẩn bị vải, chỉ và in, tẩy, nhuộm vải cho công ty; Quần áo lót và quần áo mặc ngoài từ vải dệt thoi, dệt kim hoặc không dệt được sản xuất bên trong hoặc bên ngoài công ty, sử dụng các ngành công nghiệp hỗ trợ cho sản phẩm cuối cùng có sẵn trên thị trường địa phương, cũng như các ngành công nghiệp dinh dưỡng và nguyên liệu thô địa phương, sẵn có cho mua; pha trộn và nén sợi cotton và sợi tổng hợp rồi làm sạch sản phẩm. Thành lập và vận hành một nhà máy sản xuất chỉ, vải dệt thoi và vải không dệt, vải tricot, đồ lót, quần áo ngoài và các sản phẩm nêu trên do công ty sản xuất tại thị trường địa phương hoặc bên ngoài, cũng như sản xuất, chế tạo và tiếp thị các sản phẩm tất. Xuất khẩu các sản phẩm của công ty. Bán buôn và bán lẻ thương mại các sản phẩm dệt may, quần áo và trang trí nội thất.



Dự án Golden Avenue (tiếp theo)

Quy mô dự án và Năng lực sản xuất

- Công suất dự kiến tối đa 3.200.000 sản phẩm/năm (quy đổi theo sản phẩm may mặc thành phẩm là quần như quần năm dài túi chéo, túi sau - là sản phẩm Dự án sẽ tập trung sản xuất trong tương lai gần). Công suất tối đa này được dự kiến sẽ đạt được vào năm thứ 4 của Dự Án (trước đó sẽ đạt khoảng 30% đến 70%).
- Công suất tối đa trên ước tính trên cơ sở Dự Án tuyển đủ số lượng công nhân (dự kiến 600 người) và công nhân đạt năng suất tốt nhất, cộng với tính toán các chi phí mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và tình hình biến động giá cả, thị trường, xã hội ở Ai Cập (như không có chiến tranh, thiên tai...).
- Tổng diện tích bao gồm các tòa nhà, khu phụ, đường đi, lối đi và khu đất chung là 15.967m².

Địa điểm thực hiện dự án

Các lô số 35-36-37-38-39-40-41-42 thuộc khu công nghiệp thứ 2, ô thứ 3, khối C của khu công nghiệp ở Al-Matahra- Phía Đông sông Nile - tỉnh Menya - New Menya, Ai Cập

Tổng mức đầu tư dự án

40.776.838.387 đồng (tương đương 1.628.664 USD)

Thời điểm vận hành thương mại

Giữa năm 2024

Tiến độ thực hiện dự án

- Đã hoàn thành
- Bằng Nghị quyết HĐQT số 02/2026/NQ/HĐQT-MSH ngày 06/01/2026, HĐQT Công ty đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần May Sông Hồng tại Công ty liên doanh Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue và giao Ban Tổng Giám đốc thực hiện tìm kiếm đối tác chuyển nhượng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ *(tiếp theo)*

Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Dự án Công ty cổ phần Phụ liệu May Sông Hồng



Tên dự án	Thành lập công ty liên doanh Công ty Cổ phần Phụ liệu May Sông Hồng
Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần May Sông Hồng
Hình thức đầu tư	Thực hiện hình thức đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế.
Mục tiêu đầu tư	Góp vốn thành lập công ty liên doanh để sản xuất kinh doanh phụ liệu ngành may.
Quy mô dự án và năng lực sản xuất	Dự kiến 100 lao động, 1 xưởng sản xuất bao gồm cả văn phòng và khối sản xuất. Máy móc: 1 dây chuyền máy in & 1 dây chuyền sản xuất dây dệt, nhãn mác.
Địa điểm thực hiện dự án	Lô E6, E7, KCN Mỹ Trung, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.
Tổng mức đầu tư dự án	20 tỷ đồng
Thời điểm vận hành thương mại	Cuối năm 2025 – đầu năm 2026
Tiến độ thực hiện dự án	Đã hoàn thành góp vốn



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

► Công ty con

Trong năm 2025, tình hình hoạt động tại các Công ty con như sau:

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024
Tổng tài sản (Số dư ngày 31/12)	Triệu VNĐ	697.499,9	639.240,7
Doanh thu thuần	Triệu VNĐ	578.297,1	420.297,4
Giá vốn hàng bán	Triệu VNĐ	416.467,8	334.561,2
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	13.219,2	14.373,1
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	Triệu VNĐ	58.200,0	54.954,4
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu VNĐ	116.848,6	45.154,9
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	(41,2)	(0,5)
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	116.807,4	45.154,5

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024
Tổng tài sản (Số dư ngày 31/12)	Triệu VNĐ	966.615,3	818.371,9
Doanh thu thuần	Triệu VNĐ	357.879,7	-
Giá vốn hàng bán	Triệu VNĐ	315.011,1	-
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	22.340,4	17.355,4
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	Triệu VNĐ	55.610,0	811,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu VNĐ	9.598,9	16.543,7
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	(1.529,6)	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	8.069,4	16.543,7



Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024
Tổng tài sản (Số dư ngày 31/12)	Triệu VNĐ	20.511,5	19.016,2
Doanh thu thuần	Triệu VNĐ	109.307,5	92.415,7
Giá vốn hàng bán	Triệu VNĐ	95.576,7	80.860,3
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	199,5	404,2
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	Triệu VNĐ	12.234,2	10.574,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu VNĐ	1.696,0	1.385,6
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	0,7	(0,6)
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	1.696,7	1.385,0

► Công ty liên kết

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận khoản lỗ trong Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue là âm 25,27 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng là âm 7,3 triệu đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng trưởng
Tổng tài sản (triệu đồng)	4.677.755	4.523.189	3,42%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	5.538.068	5.280.403	4,88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	829.989	560.026	48,21%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	(6.897)	(16.219)	-57,48%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	823.092	543.808	51,36%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	675.772	442.490	52,72%
Tỷ lệ cổ tức (%)	(dự kiến) 35 - 40	35	N/a
Lợi nhuận trả cổ tức (triệu đồng)	393.824 - 450.084	262.549	N/a
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	58 - 67	59	N/a

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Năm 2025	Năm 2024
NHÓM CHỈ SỐ THANH KHOẢN		
Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	1,80	1,75
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,50	1,40
Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	0,89	0,83
NHÓM CHỈ SỐ CƠ CẤU VỐN		
Nợ/ Tổng tài sản (lần)	0,53	0,55
Nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)	1,11	1,20
Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản (lần)	0,28	0,31
NHÓM CHỈ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG		
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	49,83	47,23
Vòng quay hàng tồn kho bình quân (vòng)	7,32	7,73
Số ngày phải thu bình quân (ngày)	63,24	54,08
Vòng quay khoản phải thu bình quân (vòng)	5,77	6,75
Số ngày phải trả bình quân (ngày)	15,36	12,95
Vòng quay khoản phải trả bình quân (vòng)	23,76	28,19
Số ngày chuyển đổi tiền mặt (ngày)	97,71	88,37
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)	1,20	1,32
NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỢI		
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	21,21	15,71
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động (%)	14,99	10,61
Tỷ suất LNST (%)	12,20	8,38
ROAA (%)	14,69	11,10
ROEA (%)	31,66	22,90

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

01

NHÓM CHỈ SỐ THANH KHOẢN

Nhìn chung, khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2025 đều duy trì ở mức tốt. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đạt 1,80 lần, tăng nhẹ so với hệ số tương ứng tại thời điểm 31/12/2024 là 1,75 lần, cho thấy khả năng sử dụng các tài sản ngắn hạn để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của Công ty được đảm bảo và ổn định. Hệ số thanh toán nhanh là 1,50 lần, tăng so với hệ số tương ứng tại thời điểm 31/12/2024 là 1,40 lần. Hệ số này cho thấy Công ty có đủ các tài sản lưu động để đảm bảo nhu cầu thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2025 mà không cần phải bán hàng tồn kho. Hệ số thanh toán bằng tiền mặt của Công ty đang ở mức 0,89 lần, tăng so với mức 0,83 lần tại thời điểm 31/12/2024. Hệ số này cho thấy gần 90% các khoản nợ ngắn hạn của Công ty có thể thanh toán gần như ngay lập tức từ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

02

NHÓM CHỈ SỐ CƠ CẤU VỐN

Tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản và tỷ lệ Nợ/ Vốn chủ sở hữu của MSH lần lượt là 0,53 và 1,11 lần, giảm so với các hệ số tương ứng tại thời điểm 31/12/2024. Chỉ tiêu Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 là 0,28 lần, giảm so với tỷ suất tương ứng là 0,31 lần tại 31/12/2024, cho thấy khoảng 28% giá trị tài sản của công ty hiện đang được tài trợ bởi nợ vay có phát sinh lãi.

Nhìn chung, tỷ trọng nghĩa vụ nợ nói chung và nợ vay nói riêng trong cơ cấu nguồn vốn 2025 đã giảm so với năm 2024 và tiếp tục nằm trong ngưỡng kiểm soát, phản ánh xu hướng chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng an toàn hơn.

03

NHÓM CHỈ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2025, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của MSH là 7,32 vòng, tương ứng 50 ngày trong một kỳ luân chuyển hàng tồn kho, chậm hơn so với chu kỳ 47 ngày trong năm 2024. Số vòng quay khoản phải thu bình quân của Công ty trong năm 2025 là 5,77 vòng, tương ứng khoảng 63 ngày trong chu kỳ phải thu, kéo dài đáng kể so với mức 54 ngày của năm 2024. Số vòng quay các khoản phải trả của Công ty trong năm 2025 đạt 23,76 vòng, giảm so với 28,19 vòng của năm trước, theo đó một kỳ phải trả bình quân kéo dài khoảng 15 ngày, tăng so với mức 13 ngày của năm 2024, cho thấy Công ty tận dụng tốt hơn nguồn vốn chiếm dụng từ nhà cung cấp. Kết quả, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của MSH trong năm 2025 kéo dài khoảng 98 ngày, tăng gần 10 ngày so với cùng kỳ năm 2024, phản ánh một giai đoạn kinh doanh nhiều khó khăn hơn.

Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản đạt 1,20 trong năm 2025, giảm so với mức 1,32 trong năm 2024, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản có xu hướng giảm nhẹ. Nhìn chung, hiệu quả sử dụng tài sản vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định.

04

NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Nhìn chung, các hệ số sinh lợi của Công ty trong năm 2025 đều tăng trưởng so với năm 2024. Cụ thể:

Các chỉ tiêu về biên lợi nhuận gộp, tỷ suất lợi nhuận hoạt động và biên lợi nhuận ròng trong năm 2025 lần lượt đạt 21,21%, 14,99%, 12,20% tăng đáng kể so với các hệ số tương ứng trong năm 2024 là 15,71%, 10,61% và 8,38%. Biên lợi nhuận của MSH được cải thiện nhờ hiệu quả kiểm soát tỷ trọng Giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động trên Doanh thu thuần.

Các chỉ số tỷ suất sinh lợi ROEA và ROAA cả năm 2025 lần lượt là 31,66% và 14,69% cao hơn hệ số tương ứng trong năm 2024 là 22,90% và 11,10%. Các kết quả này chủ yếu phản ánh tác động kép của việc lợi nhuận sau thuế tăng 52,72% trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu bình quân trong tăng trưởng với tốc độ tương ứng là 15,35% và 10,44% so với cùng kỳ 2024.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu ban lãnh đạo

01 Ông BÙI ĐỨC THỊNH Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1947
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **26.901.180 cổ phần**

02 Ông BÙI VIỆT QUANG Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc

(Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và bổ nhiệm các chức vụ mới từ ngày 06/01/2026)

- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **12.768.840 cổ phần**

03 Ông FRANCK LIGHINI Tổng giám đốc

(Bổ nhiệm kể từ ngày 06/01/2026)

- Năm sinh: 1964
- Quốc tịch: Pháp
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

04 Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **1.950.000 cổ phần**

05 Bà LÊ THỊ HỒNG YẾN Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính

- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **510.300 cổ phần**

06 Bà BÙI THU HÀ Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **8.692.110 cổ phần**

07 Ông BERNARD SZETO W.K Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

(Miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2025)

- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Hồng Kông
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

08 Ông LEE KA WAI Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

(Bổ nhiệm kể từ ngày 26/04/2025)

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Hồng Kông
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

Lưu ý: Số liệu cổ phần sở hữu của các cá nhân nêu trên căn cứ theo danh sách cổ đông của MSH chốt ngày 02/12/2025

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Giới thiệu ban lãnh đạo

09

Ông ĐINH TRÀNG THIThành viên HĐQT độc lập kiêm
Thành viên Ủy ban kiểm toán

- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

10

Bà NGUYỄN THỊ HẠNHThành viên HĐQT không điều hành kiêm
Thành viên Ủy ban kiểm toán

- Năm sinh: 1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán - Thạc sỹ kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

11

Bà VŨ THỊ TUYẾT MAI

Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

Thay đổi trong ban lãnh đạo

Tại Đại hội đồng thường niên năm 2025, thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025, các cổ đông Công ty đã tiến hành miễn nhiệm và bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029. Cụ thể:

Miễn nhiệm

Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Sông Hồng nhiệm kỳ 2024 – 2029 đối với Ông Bernard Szeto W.K kể từ ngày 26/04/2025, căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 12/02/2025

Bầu bổ sung

Thông qua việc bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần May Sông Hồng đối với Ông Lee Ka Wai kể từ ngày 26/04/2025 đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029 để đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 74/2025/NQ/HĐQT-MSH ngày 14/07/2025, HĐQT đã thông qua việc bổ nhiệm ông Lee Ka Wai giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2024 – 2029.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2026/NQ/HĐQT-MSH ngày 06/01/2026, HĐQT đã thông qua việc:

Miễn nhiệm

Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với Ông Bùi Việt Quang

Bổ nhiệm

Bổ nhiệm Ông Franck Lignini giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Bổ nhiệm

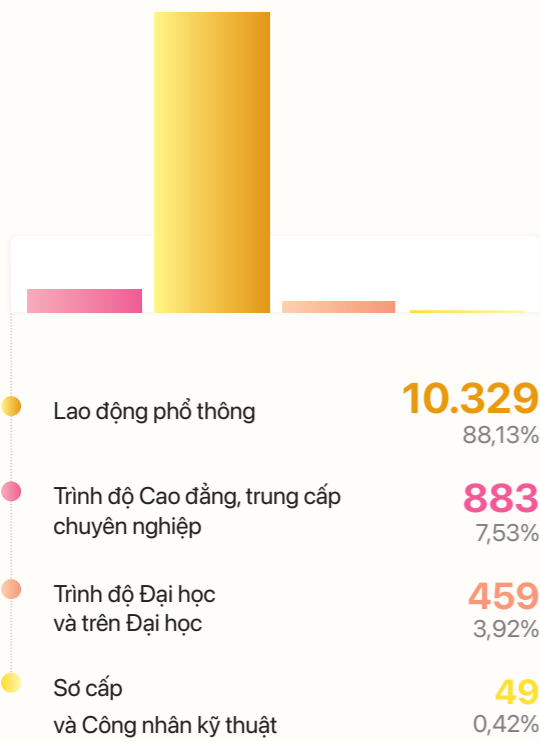
Bổ nhiệm Ông Bùi Việt Quang giữ chức vụ Phó chủ tịch thường trực HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

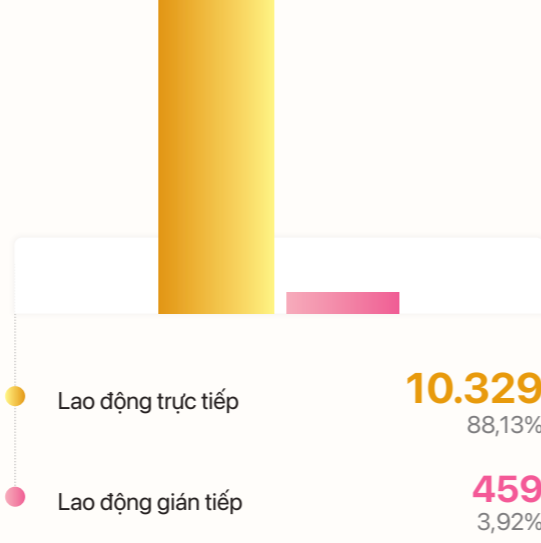
Cơ cấu nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty: 11.720 người

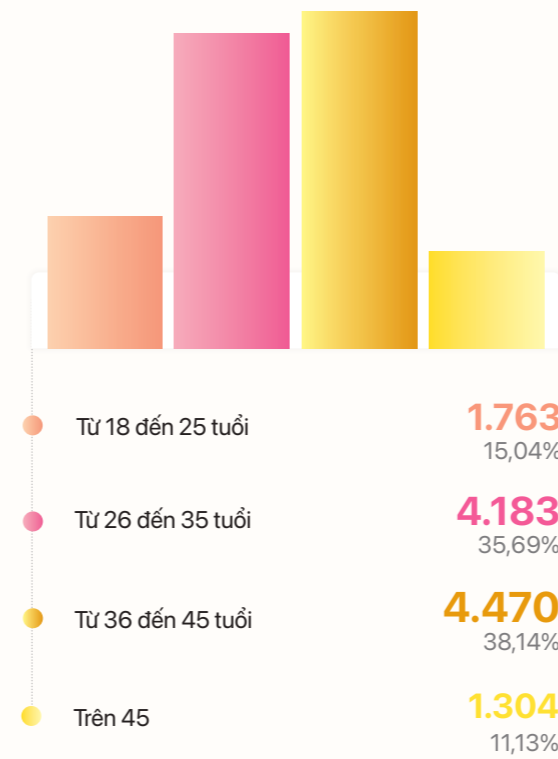
Theo trình độ lao động



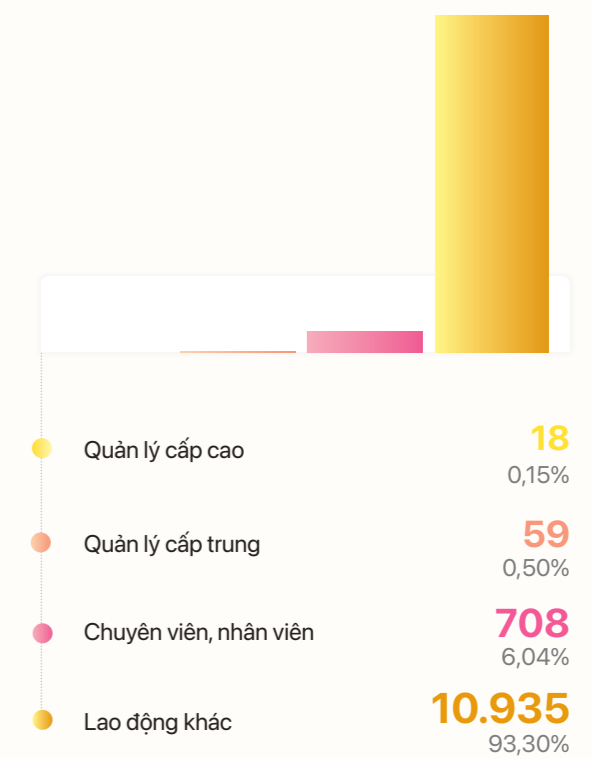
Theo đối tượng lao động



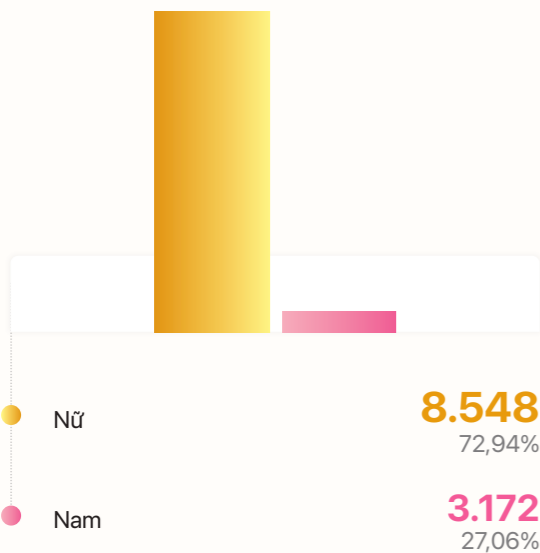
Theo độ tuổi



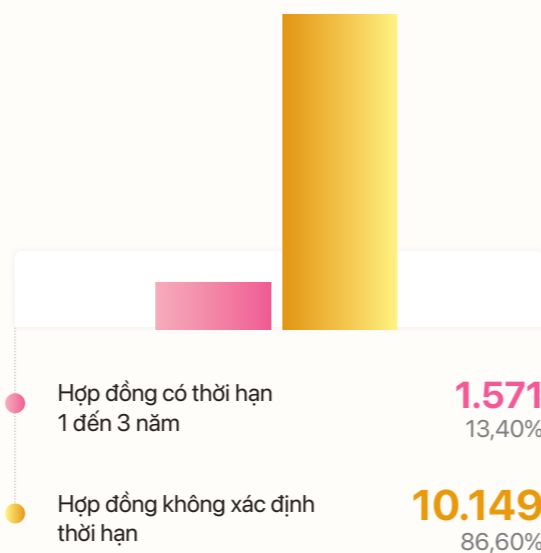
Theo cấp quản lý



Theo giới tính



Theo thời hạn hợp đồng lao động



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ *(tiếp theo)*

Tóm tắt chính sách nhân sự

► Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty

Với mục tiêu thu hút, ổn định lao động, chăm lo ngày càng tốt hơn đời sống người lao động, Công ty liên tục cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ, đặc biệt đối với cá nhân có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh. Từ năm 2021, Công ty áp dụng quy chế thưởng vượt năng suất, số tiền thưởng này được tính vào lương hằng tháng của người lao động. Từ tháng 9 năm 2024, Công ty áp dụng quy chế khoán và phân cấp quản lý được triển khai gắn liền với thưởng hiệu quả công việc, tạo bút phá thi đua sản xuất tăng năng suất.

Trong năm 2025, Công ty đảm bảo đầy đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân năm 2025 của người lao động trong Công ty đạt gần 14,2 triệu đồng/người/ tháng. Theo đó, thu nhập bình quân của công nhân May Sông Hồng dao động trên 150 triệu đồng/năm và luôn duy trì ở mức cao so với trung bình ngành cũng như mặt bằng tại địa phương. Mức thưởng Tết bình quân của cán bộ công nhân viên luôn ở mức 2,5 tháng lương thực lĩnh.

► Chính sách tuyển dụng nhân viên

Với mục tiêu góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự là người các địa phương lân cận nơi các nhà máy đóng trụ sở. Đối với nhân sự các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm công ty luôn "trà tâm đồ" thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty. Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền với nhiều chính sách hỗ trợ. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc được ký hợp đồng lao động và hưởng đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

► Chế độ làm việc và cam kết an toàn lao động

Hệ thống quản trị nhân sự của Công ty đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi và các chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT). Thời gian làm việc được phân bổ khoa học giữa khối sản xuất và khối văn phòng, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Song song đó, công tác an toàn vệ sinh lao động được đặt lên hàng đầu thông qua hoạt động của Hội đồng an toàn vệ sinh lao động và Mạng lưới An toàn - Vệ sinh viên. Công ty thực hiện cấp phát bảo hộ lao động định kỳ và tổ chức diễn tập, đào tạo về an toàn lao động hàng năm để đảm bảo môi trường làm việc không rủi ro.



► Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thưởng xuyên được đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng. CBCNV các phòng nghiệp vụ, cán bộ từ cấp tổ trở lên được cử theo học các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý. Các cấp quản lý, lãnh đạo của Công ty được tạo điều kiện để tham dự vào các cuộc hội thảo, các buổi nói chuyện chuyên đề về các lĩnh vực liên quan. Mọi chi phí đào tạo đều được công ty tài trợ, cán bộ nhân viên, người lao động không phải đóng phí.

Công ty tiếp tục tập trung tuyển chọn công nhân đủ điều kiện để đào tạo cán bộ nguồn theo hai hướng: cán bộ quản lý và cán bộ công nghệ kỹ thuật nhằm tạo nguồn nhân sự kế cận trong tương lai cũng như nguồn nhân sự dự phòng sẵn sàng thay thế các vị trí khi cần thiết.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

tại ngày 31/12/2025

VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025

tính đến 31/12/2025

1.125.210

TRIỆU ĐỒNG

LOẠI CỔ PHIẾU

Cổ phiếu phổ thông

MÃ CHỨNG KHOÁN

MSH

TÊN CỔ PHIẾU

**CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY SÔNG HỒNG**

MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU

10.000 đồng/
cổ phiếu

NGÀY BẮT ĐẦU NIÊM YẾT

28/11/2018, Cổ phiếu của Công ty cổ phần May Sông Hồng chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán MSH

Tổng số cổ phiếu phổ thông **112.521.020** cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu ưu đãi **0** cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành **112.521.020** cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ **0** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do **112.294.220** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng **226.800** cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025 Không có

Sở hữu cổ đông lớn

Cá nhân/ Tổ chức	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Bùi Đức Thịnh	26.901.180	23,91%
CTCP Chứng khoán FPT	12.000.000	10,66%
Bùi Việt Quang	12.768.840	11,35%
Bùi Thu Hà	8.692.110	7,72%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/12/2025

Cơ cấu cổ đông

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Cổ đông Nhà nước	-	0,00%
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	60.362.130	53,65%
- Trong nước	60.362.130	53,65%
- Nước ngoài	-	0,00%
Cổ đông khác	52.158.890	46,35%
- Trong nước	46.068.303	40,94%
- Nước ngoài	6.090.587	5,41%
TỔNG CỘNG	112.521.020	100%
- Cá nhân	92.685.532	82,37%
- Tổ chức	19.835.488	17,63%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của MSH chốt ngày 02/12/2025

Công ty có giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 50%. Tại thời điểm ngày 02/12/2025, cổ đông nước ngoài sở hữu 6.090.587 cổ phần, tương đương với 5,41% vốn điều lệ của Công ty.

Các chứng khoán khác

Không có.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần May Sông Hồng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	Giá trị phát hành thêm (VNĐ)	VĐL sau khi phát hành (VNĐ)	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
Năm 2004			12.000.000.000	Vốn ban đầu sau khi cổ phần hóa	ĐHĐCĐ Công ty, Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định
Lần 1: Tháng 12/2007	600.000	6.000.000.000	18.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 2: Tháng 12/2009	1.800.000	18.000.000.000	36.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 3: Tháng 5/2011	1.800.000	18.000.000.000	54.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 4: Tháng 12/2014	5.400.000	54.000.000.000	108.000.000.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (chuyển đổi 540.000 trái phiếu với tỷ lệ 1 trái phiếu chuyển thành 10 cổ phiếu)	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 5: Tháng 8/2015	540.000	5.400.000.000	113.400.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 6: Tháng 8/2015	11.340.000	113.400.000.000	226.800.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 7: Tháng 8/2017	1.134.000	11.340.000.000	238.140.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 8: Tháng 6/2018	23.814.000	238.140.000.000	476.280.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 9: Tháng 04/2019	2.381.400	23.814.000.000	500.094.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 10: Tháng 06/2022	25.004.700	250.047.000.000	750.141.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 11: Tháng 06/2025	37.506.920	375.069.200.000	1.125.210.200.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN



Chương

IV

BÁO CÁO CỦA BAN TGD

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	84
Tình hình tài chính	86
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	90
Phương hướng phát triển năm 2026	94
Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)	97
Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	98

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Tình hình hoạt động năm 2025 và Đánh giá của ban điều hành

Kết thúc năm 2025, doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 5.538,1 tỷ đồng, hoàn thành 100,69% kế hoạch đề ra và tăng 4,88% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 823,1 tỷ đồng, hoàn thành 137,18% kế hoạch đề ra và tăng 51,36% so với kết quả thực hiện 2024, lợi nhuận sau thuế đạt 675,8 tỷ đồng, tăng 52,72% so với kết quả thực hiện 2024. Một số yếu tố chính có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

↑ **4,88%**

đạt 5.538,1 tỷ đồng,
đạt 100,69% kế hoạch đề ra,
tăng 4,88% so với năm 2024

↑ **51,36%**

đạt 823,1 tỷ đồng,
đạt 137,18% kế hoạch đề ra,
tăng 51,36% so với năm 2024

↑ **52,72%**

đạt 675,8 tỷ đồng,
tăng 52,72% so với năm 2024

DOANH THU THUẦN

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ

Biến động thuế quan từ thị trường Mỹ

Trong năm qua, hoạt động xuất khẩu đã trải qua giai đoạn thử thách khi Mỹ công bố kế hoạch áp thuế đối ứng vào đầu tháng 4. Tuy nhiên, ngay khi thông tin tạm hoãn việc áp dụng chính sách này được công bố vào ngày 9/4, Công ty đã nhanh chóng phối hợp với các đối tác để thúc đẩy tiến độ sản xuất, đáp ứng yêu cầu hoàn tất đơn hàng trong thời gian ngắn (90 ngày) để tránh những ảnh hưởng của chính sách mới. Sự chủ động trong việc đàm phán với khách hàng trên tinh thần chia sẻ hữu nghị và linh hoạt tìm kiếm thị trường đã giúp Công ty vượt qua áp lực ngắn hạn và thúc đẩy doanh số xuất khẩu.

Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường trọng điểm dần phục hồi

Năm 2025, ngành dệt may Việt Nam ghi nhận sự hồi phục khả quan với kim ngạch xuất khẩu đạt 39,6 tỷ USD (tăng 7% yoy) bất chấp diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới. May Sông Hồng đã tận dụng tốt đà tăng trưởng tại các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ (tăng 10,7% yoy) và EU (tăng 10,7% yoy) để thúc đẩy doanh số. Mặc dù nhu cầu tiêu dùng toàn cầu vẫn có sự phân hóa và tốc độ phục hồi chưa đồng đều giữa các khu vực, nhưng xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc và sức mua ổn định tại Mỹ nhờ kiểm soát tốt lạm phát đã tạo hành lang thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Đột phá từ mô hình quản trị theo cơ chế khoán

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục hoàn thiện và mở rộng cơ chế này thông qua việc áp dụng chế độ khoán doanh thu, chi phí và lợi nhuận tới từng đơn vị thành viên, đồng thời siết chặt quản lý chi phí và đẩy mạnh đầu tư vào thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động. Cách tiếp cận này giúp mỗi nhà máy, bộ phận vận hành theo định hướng như một "trung tâm lợi nhuận", gia tăng tính chủ động, trách nhiệm trong quản trị và sử dụng nguồn lực, đồng thời kiểm soát hiệu quả tình trạng gia tăng chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

Năng lực sản xuất "xanh" và sự tăng trưởng của mảng FOB

Việc duy trì hệ thống nhà máy hiện đại, đặc biệt là nhà máy Sông Hồng – Nghĩa Hưng 2 (SH10) và nhà máy Sông Hồng – Xuân Trường (SH11) vận hành theo tiêu chuẩn xanh, đã nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty trước các yêu cầu khắt khe của các nhãn hàng quốc tế. Điều này giúp MSH thu hút thêm nhiều đơn hàng FOB giá trị cao, biên lợi nhuận tốt.

Tối ưu hóa cấu trúc chi phí và hiệu quả hoạt động tài chính

Hiệu quả kinh doanh năm 2025 còn ghi nhận sự quyết liệt trong công tác kiểm soát giá vốn và chi phí vận hành. Tốc độ tăng giá vốn được giữ ở mức thấp hơn tăng trưởng doanh thu, giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện rõ rệt. Đồng thời, quản trị dòng tiền thông minh và tận dụng tốt biến động tỷ giá đã giúp doanh thu tài chính đạt xấp xỉ 240,0 tỷ đồng (tăng 13,88% yoy), tạo thêm nguồn lợi nhuận ròng đáng kể, củng cố nền tảng tài chính vững chắc cho doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tính đến 31/12/2025, Tổng tài sản hợp nhất đạt 4.677,8 tỷ đồng, tăng 3,42% giá trị so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

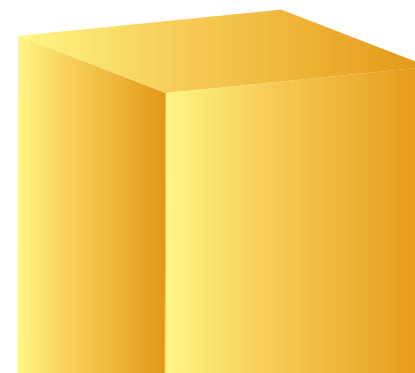
Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2025 là 3.275,0 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng ổn định xấp xỉ 70,01% tổng tài sản, tăng nhẹ 0,78% so với thời điểm 31/12/2024. Một số thay đổi đáng lưu ý trong cơ cấu tài sản ngắn hạn như sau:

- Tổng quy mô các khoản mục “Tiền và tương đương tiền” và “Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn” đạt mức 1.619,8 tỷ đồng, chiếm hơn 1/3 tổng tài sản của Công ty. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chuyển dịch cơ cấu từ Tiền và các khoản tương đương tiền (đạt 739,6 tỷ đồng, giảm 146,7 tỷ đồng, tương đương giảm 16,55% yoy) sang Đầu tư tài chính ngắn hạn (đạt 880,1 tỷ đồng, tăng 227,0 tỷ đồng, tương đương tăng 34,76% yoy), phản ánh việc Công ty đã chủ động chuyển một phần tiền nhàn rỗi sang các kênh đầu tư (chủ yếu là trái phiếu kỳ hạn ngắn) để gia tăng doanh thu tài chính trong khi vẫn đảm bảo tính thanh khoản.
- Hàng tồn kho đạt 551,4 tỷ đồng, giảm 102,4 tỷ đồng (giảm 15,66%) so với thời điểm cuối năm 2024. Cơ cấu hàng tồn kho dịch chuyển từ Thành phẩm, Nguyên vật liệu và Công cụ dụng cụ sang Chi phí SXKD dở dang và Hàng gửi bán, phản ánh hoạt động bán hàng đang diễn ra tích cực. Cụ thể: Các khoản mục giảm mạnh nhất là Thành phẩm và Nguyên liệu, vật liệu, lần lượt đạt xấp xỉ 230,7 tỷ đồng và 82,0 tỷ đồng, tương ứng giảm 86,0 tỷ đồng (giảm 27,16%) và giảm 36,6 tỷ đồng (giảm 30,86%) so với cuối năm 2024. Ngoài ra, khoản mục Công cụ, dụng cụ giảm 29,6 tỷ đồng (giảm 96,99% so với thời điểm 31/12/2024). Trong khi đó, khoản mục Chi phí SXKD dở dang tăng mạnh 29,8 tỷ đồng (tăng 25,29%) lên 147,7 tỷ đồng và khoản mục Hàng gửi bán tăng 15,9 tỷ đồng (tăng 25,77%) lên 77,6 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng 3,1 tỷ đồng trong năm đối với Thành phẩm cho thấy chất lượng hàng tồn kho đã được cải thiện rõ rệt.
- Các khoản phải thu ngắn hạn duy trì tỷ trọng ổn định ở mức 21,93% tổng tài sản, đạt 1.025,9 tỷ đồng, tăng 34,2 tỷ (tương đương 3,45%) so với thời điểm cuối năm 31/12/2024. Điểm tích cực là nợ quá hạn gốc đã giảm đáng kể từ gần 41,9 tỷ xuống còn 13,3 tỷ đồng do Công ty đã xử lý được khoản nợ xấu lớn từ Tập đoàn Prime Apparel (30,3 tỷ đồng).

Tài sản ngắn hạn
↑ 0,78%
 đạt 3.275,0 tỷ đồng
 tương ứng 70,01% TTS



Tài sản dài hạn
↑ 10,14%
 đạt 1.402,8 tỷ đồng
 tương ứng 30,1% TTS



Tổng giá trị tài sản dài hạn tại 31/12/2025 là 1.402,8 tỷ đồng, chiếm gần 30,0% giá trị Tổng tài sản và tăng 10,14% so với 31/12/2024. Phần lớn tài sản dài hạn Công ty được cấu thành bởi tài sản cố định, đạt gần 1.275,6 tỷ đồng, tăng 82,33% so với cuối năm 2024, chiếm 27,27% tổng giá trị tài sản. Ngược lại, Khoản mục Tài sản dở dang dài hạn giảm mạnh 97,31% xuống còn 12,7 tỷ đồng, phản ánh việc các dự án trọng điểm (nhà máy Sông Hồng – Xuân Trường 2) đã chính thức nghiệm thu và đi vào vận hành thương mại.

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.275.000	3.249.616	25.384	0,78%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	739.633	886.350	-146.718	-16,55%
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	880.144	653.103	227.042	34,76%
	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.025.910	991.662	34.248	3,45%
1.3	- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	943.209	975.784	-32.575	-3,34%
	- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.887)	(41.883)	28.996	-69,23%
1.4	Hàng tồn kho	546.122	645.400	-99.278	-15,38%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	83.191	73.100	10.090	13,80%
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.402.755	1.273.573	129.182	10,14%
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	39.253	40.000	-747	-1,87%
2.2	Tài sản cố định	1.275.551	699.598	575.953	82,33%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	12.735	473.271	-460.536	-97,31%
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	18.185	34.460	-16.275	-47,23%
2.5	Tài sản dài hạn khác	57.030	26.243	30.787	117,32%
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.677.755	4.523.189	154.566	3,42%

Đơn vị: Triệu đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Tình hình nguồn vốn

Về cơ cấu vốn, tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 2.464,5 tỷ đồng, giảm 3,1 tỷ đồng (tương đương giảm 0,13%), chiếm 52,69% cơ cấu nguồn vốn. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn là khoản mục chiếm phần lớn các nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty, đạt 1.816,6 tỷ đồng với tỷ trọng trong nguồn vốn là gần 39,0%, giảm 43,5 tỷ đồng (tương đương giảm 2,34%) so với thời điểm đầu năm. Trong đó, phải trả người lao động đạt 668,6 tỷ đồng, tăng 16,57% so với đầu năm; vay nợ thuê tài chính ngắn hạn đạt 647,8 tỷ đồng, giảm 20,29% so với đầu năm. Khoản mục Nợ vay ngắn hạn trong kỳ giảm đáng kể chủ yếu do các khoản vay đến hạn và tái cơ cấu danh mục vay theo hướng tăng tỷ trọng vay trung và dài hạn, qua đó giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn.
- Về nợ dài hạn, toàn bộ nợ dài hạn của MSH là nợ từ vay dài hạn, tại 31/12/2025 đạt 647,9 tỷ đồng, tăng 40,4 tỷ đồng, tương đương tăng 6,65% so với thời điểm kết thúc năm 2024, cấu thành 13,85% tỷ trọng nguồn vốn của Công ty. Khoản tăng này chủ yếu phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (tổng giá trị tăng thêm trong năm 2025 là 114,4 tỷ đồng) với mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán cho các hạng mục của dự án "Xây dựng Khu sản xuất may xuất khẩu" của Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường.

Nhìn chung, so với thời điểm cuối năm 2025, hệ số sử dụng đòn bẩy của Công ty giảm từ 31,4% xuống 27,7%.

Vốn chủ sở hữu công ty tại 31/12/2025 đạt giá trị 2.213,2 tỷ đồng, tăng 7,67% so với thời điểm cuối năm 2024, trong đó tỷ trọng trong tổng nguồn vốn tăng từ 45,44% vào cuối năm 2024 lên 47,31% tại 31/12/2025.

Tổng nghĩa vụ nợ

↓ 0,13%

giảm 3,1 tỷ đồng
tương ứng 52,69% NV

Vốn chủ sở hữu

↑ 7,67%

đạt 2.213,2 tỷ đồng
tương ứng 47,31% NV

STT	Chi tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
I	NỢ NGẮN HẠN	1.816.616	1.860.133	-43.516	-2,34%
1.1	Phải trả cho người bán	174.804	192.534	-17.730	-9,21%
1.2	Người mua trả tiền trước	20.521	14.847	5.675	38,22%
1.3	Thuế và các khoản phải nộp NN	152.904	93.644	59.259	63,28%
1.4	Phải trả người lao động	668.615	573.594	95.021	16,57%
1.5	Chi phí phải trả	71.514	102.686	-31.173	-30,36%
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	8.420	6.138	2.281	37,17%
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	647.806	812.672	-164.866	-20,29%
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	62.794	44.475	18.319	41,19%
1.9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	9.239	19.542	-10.303	-52,72%
II	NỢ DÀI HẠN	647.913	607.523	40.390	6,65%
2.1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	647.913	607.523	40.390	6,65%
III	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	2.464.529	2.467.656	-3.127	-0,13%

Đơn vị: Triệu đồng

Đánh giá tình trạng trả nợ: Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn nào.

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chi tiêu	2025	2024	% Thay đổi
Nợ vay ngắn hạn	647.806	812.672	-20,3%
Nợ vay dài hạn	647.913	607.523	6,6%
Chi phí lãi vay	64.310	53.363	20,5%
Doanh thu thuần	5.538.068	5.280.403	4,9%
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	1,16%	1,01%	N/a

NHỮNG CẢI TIẾN

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã liên tục thực hiện chiến lược đầu tư mở rộng nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị doanh nghiệp. Thông qua việc thành lập các công ty con như May Sông Hồng – Nghĩa Hưng và May Sông Hồng – Xuân Trường, Công ty đã gia tăng đáng kể năng lực sản xuất và hiện đại hóa hạ tầng nhà máy. Bên cạnh đó, việc góp vốn vào Công ty TNHH BSS Logistics Việt Nam từ năm 2024 là bước đi nhằm từng bước chủ động hơn trong khâu vận tải.
- Đặc biệt, việc tham gia góp vốn thành lập Công ty liên doanh – Công ty Cổ phần phụ liệu May Sông Hồng vào cuối năm 2025 cùng đối tác Công ty Cổ phần Chỉ may Hưng Long Hà Nội đã giúp Công ty trực tiếp tham gia khâu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm phụ liệu may mặc. Bước đi này được kỳ vọng không chỉ góp phần giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp bên ngoài, nâng cao tính tự chủ mà còn tối ưu hoá chi phí đầu tư. Sự kết hợp giữa năng lực may mặc cốt lõi và khả năng tự cung ứng phụ liệu sẽ giúp Công ty rút ngắn thời gian đáp ứng đơn hàng, củng cố lợi thế cạnh tranh và hướng tới sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Cải tiến về công tác quản trị

- Trong năm, Công ty tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua việc nghiên cứu và triển khai thí điểm hệ thống ERP cùng các giải pháp quản trị tiên tiến. Việc ứng dụng công nghệ giúp số hóa công tác quản trị sản xuất và dòng tiền, đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong vận hành, từ đó khai thác tối đa nguồn lực và gia tăng hiệu quả quản lý.
- Song song với nền tảng công nghệ, Công ty tiếp tục hoàn thiện công tác hoạch định chiến lược và quản trị thông qua triển khai Quy chế khoán và phân cấp quản lý, giúp gắn liền trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với kết quả kinh doanh thực tế. Sau những kết quả tích cực về hiệu suất lao động từ cuối năm 2024, Công ty tiếp tục mở rộng mô hình này thông qua việc khoán doanh thu, chi phí và lợi nhuận đến từng đơn vị thành viên. Việc đẩy mạnh phân quyền kết hợp với đầu tư thiết bị hiện đại không chỉ gia tăng tính chủ động, trách nhiệm trong quản trị nguồn lực mà còn kiểm soát chặt chẽ chi phí, tạo động lực mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn hệ thống.



NHỮNG CẢI TIẾN

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

(tiếp theo)



Cải tiến về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Xác định yếu tố con người là chìa khóa tạo nên sức mạnh của May Sông Hồng, công tác đào tạo và phát triển nguồn lực luôn được Công ty ưu tiên đề cao thực hiện. Trong năm, Công ty đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo cho đội ngũ CBCNV. Một số hoạt động đào tạo nổi bật bao gồm:

Chương trình đào tạo	Mục tiêu	Quy mô/ số lượng nhân sự được tham gia đào tạo
Her project - kiến thức tài chính cho công nhân nữ	Được tổ chức với mục đích trang bị cho công nhân nữ kiến thức và kỹ năng làm chủ tài chính. Các nội dung chính bao gồm: Trang bị kiến thức về tài chính gia đình, kỹ năng lập sổ quỹ chi tiêu thường xuyên, quỹ tiết kiệm. Thông qua hội thảo nhóm, hướng dẫn công nhân nữ phương pháp chi tiêu tích cực và thông minh, hạn chế việc phụ nữ phụ thuộc tài chính vào người chồng. Từ đó giúp nữ công nhân sống tích cực và chủ động.	Khoảng 1000 cán bộ công nhân nữ trong toàn công ty
Chương trình đào tạo về tuân thủ trách nhiệm xã hội - bình đẳng giới	Chương trình do CTCP May Sông Hồng kết hợp với đối tác Nike tổ chức. Qua đó, đào tạo trang bị kiến thức và kỹ năng cho CBCNV giúp mọi người hiểu được nội dung, vai trò của bình đẳng giới trong gia đình, công việc và xã hội. Hướng dẫn CBCNV cách thể hiện sự tôn trọng, yêu thương và chia sẻ. Khuyến khích nữ công nhân tham gia các hoạt động xã hội và mạnh dạn đăng ký đảm nhận các vị trí quản lý.	Khoảng 1500 cán bộ công nhân trong toàn công ty
Chương trình đào tạo về các nội dung tuân thủ trách nhiệm xã hội	Chương trình do WRAP tổ chức với mục đích trang bị cho công nhân kiến thức về luật lao động, chế độ chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp ngành may. Thông qua các Tiểu giáo viên để truyền đạt đến toàn thể người lao động trong công ty các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước dành cho người lao động nói chung và người lao động trong doanh nghiệp Dệt – May nói riêng.	Toàn thể CBCNV công ty



Chương trình đào tạo	Mục tiêu	Quy mô/ số lượng nhân sự được tham gia đào tạo
Chương trình đào tạo về máy móc thiết bị an toàn	Chương trình do CTCP May Sông Hồng kết hợp với đối tác Better Work tổ chức nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng về vận hành máy móc an toàn, phòng chống tai nạn lao động, các tiêu chuẩn của từng dòng máy sử dụng trong nghề may. Thông qua các Tiểu giáo viên để truyền đạt đến toàn thể người lao động trong công ty nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành quy định an toàn lao động nhất là đối với các vị trí vận hành máy chuyên dùng, an toàn điện.	100 người (Cán bộ an toàn, Cán bộ kiểm soát tuân thủ)
Chương trình đào tạo về kỹ năng lãnh đạo đối với công nhân nữ	Chương trình do CTCP May Sông Hồng kết hợp với đối tác Target (thông qua tổ chức CARE) tổ chức nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho công nhân nữ, khuyến khích nữ công nhân tham gia các vị trí lãnh đạo quản lý trong doanh nghiệp. Nội dung: Trang bị kiến thức nền tảng về lãnh đạo, quản lý, phương thức giải quyết tình huống của người điều hành Tổ/Nhóm/Phòng. Từ đó giúp người lao động nữ tự tin và can đảm đảm nhận vị trí quản lý, lãnh đạo nếu có cơ hội.	1000 công nhân nữ
Chương trình đào tạo kỹ năng cứu nạn cứu hộ	Chương trình do Công an tỉnh Ninh Bình tổ chức nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng về phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ. Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an tỉnh hướng dẫn một số cán bộ phụ trách công tác an ninh an toàn những kiến thức, thực hành kỹ năng phòng chống cháy nổ và thoát nạn, cứu nạn cứu hộ nếu có hỏa hoạn xảy ra.	500 người (Cán bộ an toàn, Cán bộ kiểm soát tuân thủ, Cán bộ an ninh, Thanh niên xung kích)

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Kế hoạch hoạt động năm 2026

Trong năm 2026, MSH đặt ra một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5.538,1	6.000
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	823,1	900
Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) (%)	50% (Đã tạm ứng 40% trong năm 2025)	40-50%



PHƯƠNG HƯỚNG

PHÁT TRIỂN NĂM 2026 *(tiếp theo)*

Các giải pháp thực hiện

Vận hành sản xuất và đầu tư



- Xây dựng kế hoạch sản xuất, đơn hàng và giá cả theo hướng chuyên môn hóa, đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất – kinh doanh.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các công đoạn sản xuất theo đúng quy trình từng mã hàng, đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm của khách hàng.
- Tăng cường đầu tư cải tạo các khu vực sản xuất theo tiêu chuẩn nhà máy xanh, hướng tới phát triển bền vững.
- Rà soát, tu bổ, thay thế máy móc cũ bằng thiết bị công nghệ hiện đại nhằm tối ưu năng lực sản xuất và nâng cao năng suất lao động.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và rà soát hiệu quả các khoản đầu tư. Tối ưu hóa danh mục đầu tư thông qua việc kiểm soát chặt chẽ tiến độ dự án mới và chủ động cơ cấu lại các khoản đầu tư không hiệu quả để tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực trọng tâm của Công ty.

Kinh doanh và phát triển thị trường



- Phát triển đội ngũ kinh doanh và quản lý đơn hàng (merchandiser) có năng lực, kinh nghiệm, tập trung tìm kiếm và duy trì đơn hàng, khách hàng tiềm năng.
- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại (CPTPP, EVFTA) để mở rộng thị trường, thu hút thêm khách hàng.
- Nâng cao năng lực đội ngũ sourcing, tăng cường khả năng tìm kiếm, cung ứng nguồn vật tư đa dạng, cạnh tranh cho khách hàng.
- Tiếp tục mở rộng thị trường chăn ga gối đệm xuất khẩu, đồng thời giữ vững thị trường nội địa.

Phát triển nguồn nhân lực



- Duy trì và xây dựng các vùng dân cư chiến lược để cung cấp ổn định về lao động cho công ty.
- Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo cán bộ quản lý cấp trung nhằm trang bị và nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ nhân sự kế cận.
- Theo dõi đánh giá nhu cầu nhân sự tại các phòng ban/ bộ phận chức năng và năng lực nhân sự hàng năm, triển khai các chương trình tuyển dụng và đào tạo (bao gồm thuê chuyên gia về đào tạo) phù hợp đảm bảo nhân sự có đủ năng lực đáp ứng cho các vị trí cần thiết.
- Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề của người lao động trực tiếp nhằm đáp ứng được những đơn hàng lớn, có yêu cầu kỹ thuật cao.

Công tác quản trị



- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.
- Đẩy mạnh triển khai hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp tổng thể ERP để quản lý và kiểm soát dữ liệu thống nhất từ các nhà máy đến khu vực văn phòng.
- Tổ chức các chương trình đánh giá định kỳ, đảm bảo duy trì các chứng chỉ đã đạt (Better Work, GMP, FCAA, SCAN, LABS, GRS, RCS-OCS, RDS, OEKO-TEX, Higg Index, WRAP...), tuân thủ trách nhiệm xã hội, môi trường và tiêu chuẩn an toàn sản xuất.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm



- Tích cực đầu tư cho bộ phận Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) nhằm cho ra đời những sản phẩm có thiết kế, chất lượng, đặc tính, công dụng mới phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.
- Nghiên cứu, nâng cao khả năng phát triển mẫu, đặc biệt là mẫu 3D phục vụ các đối tác FOB lớn.

Quản trị vốn, tài sản và đầu tư



- Quyết liệt chỉ đạo tiết kiệm, chống tổn thất, lãng phí để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.

Môi trường, an toàn và sức khỏe



- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, chính sách của địa phương liên quan tới người lao động và môi trường.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng đối với quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN

ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chấp hành đúng và đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường của pháp luật. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai:

- Vận hành các khu vực sản xuất Nhà máy Sông Hồng - Nghĩa Hưng 2 (SH10) và Nhà máy Sông Hồng - Xuân Trường 2 (SH11) theo hướng xanh hóa, định hướng sử dụng trang thiết bị hiện đại, áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững.
- Đầu tư lắp đặt hệ thống nồi hơi đốt điện, giảm việc đốt bằng nhiên liệu hóa thạch. Hiện tại đã thực hiện chuyển đổi 100% từ lò hơi than sang lò hơi điện ở 2 khu vực sản xuất hàng may mặc là Sông Hồng 7 và Sông Hồng 9.
- Thực hiện tái sử dụng nước thải tại khu vực Sông Hồng 10.
- Tiếp tục triển khai dự án CBD ("Clean by Design" - "Nước sạch từ thiết kế") của khách hàng Target áp dụng cho Xưởng Giặt.
- Nghiên cứu, triển khai dự án kiểm toán năng lượng với mục tiêu kiểm soát năng lượng hiệu quả.
- Lập báo cáo quan trắc định kỳ về công tác bảo vệ môi trường, tình hình khai thác nước ngầm và xả nước thải, quản lý chất thải, lò hơi tại các khu vực sản xuất.
- Lập báo cáo quan trắc phân tích nước sạch và nước uống.
- Tuân thủ việc đóng thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên nước.
- Giao cán bộ chuyên trách, thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xả thải, không để xảy ra sự cố nào về môi trường.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên công ty, đồng thời kêu gọi nhân viên công ty không xả rác và tuân thủ việc thu gom rác thải đúng quy định.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025, công ty tiếp tục duy trì các hoạt động an sinh xã hội cộng đồng: ủng hộ nhân dân vùng biên giới khó khăn tại Hà Giang (1 tỷ đồng), giúp đỡ nhân dân vùng bão lũ Phú Yên (3000 chăn xuân thu và 300 triệu tiền mặt). Ngoài ra, công ty có nhiều đóng góp lớn trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương, trợ giúp một số quỹ nhân đạo từ thiện, xây dựng một số công trình phúc lợi tặng các trại trẻ mồ côi, nhân dân nghèo các xã trên địa bàn Nam Định,... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Đánh giá liên quan đến người lao động và an toàn lao động

Công ty thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách liên quan đến người lao động:

1 Các chế độ lương, thưởng, phúc lợi, và chế độ cho người lao động (thời gian làm việc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, ...) tuân thủ theo quy định của Luật lao động. Ngoài ra Công ty có những cơ chế riêng đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ công nhân viên nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty. Hiện tại, công ty đang áp dụng chính sách hỗ trợ hòa nhập cho công nhân mới. Cụ thể, công nhân mới gia nhập Sông Hồng được nhận hỗ trợ từ 1.050.000 - 2.100.000 đồng/người/tháng (trong vòng từ 04 đến 06 tháng đầu). Chính sách đã tạo sức hút lớn giúp các nhà máy tuyển được nguồn lao động về làm việc và yên tâm gắn bó lâu dài.

1



2 Các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển nghề nghiệp luôn được chú trọng. Khi xét thấy cần thiết, Công ty mời các chuyên gia về đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty.

2

3 Chú trọng nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBCNV. Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 02 lần/năm theo quy định. Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, team-building nhằm nâng cao thể chất, sức mạnh ý chí và tinh thần đoàn kết cho tập thể người lao động.

3

4 Trong suốt cả năm 2025, công ty tiếp tục mời các chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế thời trang, công nghệ may về đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ nguồn của các nhà máy. Lớp học giúp học viên – cán bộ tương lai nắm vững kiến thức, củng cố tay nghề và tự tin khi đảm đương vai trò quản lý, điều hành sản xuất.

4



Chương

V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	102
Hoạt động của Hội đồng quản trị	106
Kế hoạch, định hướng của HĐQT	107

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2025, HĐQT nhận định ngành dệt may Việt Nam vận hành trong một giai đoạn chuyển đổi đầy thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội mới. Thị trường toàn cầu ghi nhận sự phục hồi nhẹ nhưng chưa đồng đều; nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường trọng điểm như Mỹ và EU có cải thiện, song xu hướng đặt hàng chuyển sang quy mô nhỏ hơn, cùng yêu cầu ngày càng khắt khe về tiến độ giao hàng và tính minh bạch của chuỗi cung ứng xanh.
- Đặc biệt, HĐQT đã theo dõi sát sao diễn biến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đối với mặt hàng dệt may từ Việt Nam. Công ty đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các đối tác và khách hàng để điều chỉnh kế hoạch sản xuất, đẩy mạnh đàm phán giá, đồng thời tìm kiếm thêm các cơ hội mở rộng thị trường nhằm giảm thiểu tác động từ các biện pháp bảo hộ thương mại. Bên cạnh đó, Công ty cũng tính toán liên doanh đầu tư cả lĩnh vực dệt vải, qua đó nâng cao khả năng tự chủ một phần nguyên liệu và tăng cường khả năng ứng phó với những biến động trong chính sách thương mại quốc tế.

Trong năm 2025, Công ty đã đạt kết quả cụ thể như sau:



5.538,1 tỷ VNĐ

Doanh thu thuần vượt 0,69% kế hoạch đề ra

823,1 tỷ VNĐ

Lợi nhuận trước thuế vượt gần 37,18% kế hoạch đặt ra



21,21 %

Biên lợi nhuận gộp

12,20 %

Biên lợi nhuận sau thuế



VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Năm 2025 ghi dấu những bước tiến quan trọng trong hoạt động đầu tư của Công ty với việc hoàn tất góp vốn thành lập công ty liên doanh Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng và hoàn thành thi công xây dựng Dự án nhà máy Sông Hồng - Xuân Trường 2 tại khu vực xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.
- Nhìn chung, việc triển khai các dự án đầu tư, góp vốn được Ban lãnh đạo Công ty theo dõi sát sao, thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty duy trì đầu tư cải tạo, bổ sung tài sản cố định phục vụ cho nhu cầu hoạt động (ví dụ: nhà xưởng, hệ thống máy móc, văn phòng, thiết bị,...).

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện công tác quản trị theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ. Các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ quản lý được triển khai nghiêm túc. Mọi đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản trị đều được khuyến khích, ghi nhận và thực hiện phù hợp. Xét trên từng cá nhân, các thành viên HĐQT hoàn thành tốt phần việc được giao, luôn chủ động trong quá trình thực thi trách nhiệm.
- Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản trị và điều hành tiếp tục được chú trọng. Công ty đã và đang đẩy mạnh triển khai hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP với sự hỗ trợ của nhiều chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực quản lý và kiểm soát dữ liệu thống nhất từ các đơn vị đến khu vực văn phòng.

Công tác lao động, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Công tác chăm lo đời sống người lao động và đào tạo phát triển nguồn nhân lực được thực hiện tốt, minh bạch và công bằng. Căn cứ chiến lược kinh doanh sản xuất và tình hình nhân sự thực tế, công ty tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn/kỹ năng nhằm cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ tay nghề, kỹ năng quản lý... cho đội ngũ CBCNV các Nhà máy, Phòng, Ban, Xưởng sản xuất.
- Ban lãnh đạo công ty, Công Đoàn, Đoàn thanh niên kết hợp quan tâm, tạo nhiều cơ hội để người lao động được tham gia hoạt động văn nghệ, thể thao giúp gắn kết tinh đoàn kết và nâng cao đời sống tinh thần.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

(tiếp theo)

Về trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các vấn đề liên quan đến môi trường và xã hội.

Đối với các vấn đề về môi trường

- Công ty tổ chức các chương trình đánh giá nhà máy và các kỳ quan trắc định kỳ đối với các yếu tố không khí, khí thải, nước thải, chất thải rắn và tình hình khai thác nguồn nước ngầm để có biện pháp giảm thiểu cũng như kiểm soát các chỉ tiêu ô nhiễm trong ngưỡng cho phép của pháp luật. Hiện tại, Công ty đang nghiên cứu, triển khai dự án kiểm toán năng lượng với mục tiêu kiểm soát năng lượng hiệu quả. Đối với các dự án nhà máy mới, đều được Công ty chú trọng đầu tư theo hướng xanh hóa, ứng dụng thiết bị hiện đại, tự động hóa cao, sản xuất bền vững, thân thiện môi trường.
- Công ty khuyến khích người lao động trong việc tự nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với môi trường sống xung quanh, đưa ra các sáng kiến, giải pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường sống.

Đối với cộng đồng xã hội

- Trong năm, Công ty đã có nhiều chương trình thiết thực, đóng góp vào sự phát triển ổn định của cộng đồng địa phương thông qua việc kết hợp với các đối tác kinh doanh lâu năm



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, và Luật doanh nghiệp như:

- Chủ trì và chỉ đạo thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 26/04/2025.
- Hội đồng quản trị của Công ty đã tổ chức các cuộc họp hàng quý để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, và các nghị quyết HĐQT đã ban hành. Kiểm tra hoạt động điều hành của BGD trong hoạt động kinh doanh.
- Theo sát các hoạt động của Công ty và đã có nhiều chỉ đạo kịp thời giúp cho hoạt động của Công ty được hiệu quả.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HĐQT ghi nhận Ban Tổng giám đốc đã rất tích cực, sát sao nắm bắt tình hình để đưa ra các chương trình hoạt động phù hợp, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã tích cực chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, từ đó kịp thời đưa ra các chỉ đạo và chính sách ứng phó phù hợp.
- Ban Tổng giám đốc đã quan tâm sát sao, hướng dẫn các phòng ban, bộ phận tập trung thực hiện sản xuất kinh doanh an toàn, đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chí về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng cho đối tác.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động nắm bắt tình hình thị trường, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, tích cực phối hợp, giao hai Khối Kinh doanh tìm kiếm khách hàng và phát triển đơn hàng mới, đảm bảo nguồn hàng ổn định cho tất cả các khu vực sản xuất;
- Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tài chính; quyết liệt trong triển khai thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ trụ sở chính đến các khu vực sản xuất; chủ động trong công tác quản trị vốn và dòng tiền, qua đó đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng;
- Ban Tổng giám đốc đã theo dõi sát sao việc vận hành Nhà máy Sông Hồng 10, từ đó đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định, hiệu quả;
- Ban Tổng giám đốc đã đôn đốc, chỉ đạo hoàn thiện đầu tư và đưa vào vận hành Nhà máy Sông Hồng 11 theo đúng các tiêu chuẩn quốc tế về "nhà máy xanh", đảm bảo bám sát tiến độ và mục tiêu đề ra;
- Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm tuân thủ đúng và đủ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đánh giá cao hoạt động quản lý của Ban TGD trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc đạt được những mục tiêu lớn của nhiệm kỳ 2024-2029 là:

- Xây dựng Công ty Cổ phần May Sông Hồng ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP đầu các doanh nghiệp dệt may có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Việc triển khai các mục tiêu trên cho năm 2026 sẽ bao gồm các định hướng sau:

- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch linh hoạt sẵn sàng ứng phó với các yếu tố bất lợi từ nền kinh tế.
- Đảm bảo ổn định đời sống của người lao động, ưu tiên đội ngũ công nhân.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho khối chuẩn bị sản xuất.
- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.
- Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến để đảm bảo năng suất, chất lượng, và nâng cao hiệu quả quản trị.





Chương

VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	110
Ủy ban kiểm toán	116
Giao dịch và thù lao của HĐQT, Ban TGD	120
Tăng cường quản trị Công ty	122

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	
					Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	26.901.180	23,91%	27/04/2024	
2	Ông Bùi Việt Quang	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc	12.768.840	11,35%	27/04/2024 (bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc kể từ 06/01/2026)	
3	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên HĐQT	8.692.110	7,72%	27/04/2024	
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT	1.950.000	1,73%	27/04/2024	
5	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc tài chính	510.300	0,45%	27/04/2024	
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%	27/04/2024	
7	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	-	0,00%	27/04/2024	
8	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT độc lập, kiêm Chủ tịch UBKT	-	0,00%	27/04/2024	26/04/2025
9	Ông Lee Ka Wai	Thành viên HĐQT độc lập, kiêm Chủ tịch UBKT	-	0,00%	27/04/2024	

► Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2025:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2025

Vào ngày 14/07/2025

Kể từ ngày 06/01/2026

Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm ông Bernard Szeto W.K và bầu bổ sung ông Lee Ka Wai giữ chức vụ Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Ông Lee Ka Wai được HĐQT tin tưởng bổ nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, góp phần củng cố năng lực giám sát và tính minh bạch trong quản trị hệ thống.

Công ty có sự thay đổi tại các vị trí lãnh đạo trọng yếu. Theo đó, ông Franck Lignini chính thức đảm nhiệm cương vị Tổng Giám đốc. Đồng thời, ông Bùi Việt Quang chuyển sang vai trò Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Hoạt động của HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
2	Ông Bùi Việt Quang	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc	10/10	100%	
3	Bà Bùi Thu Hà	Thành Viên HĐQT	10/10	100%	
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành Viên HĐQT	10/10	100%	
5	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc tài chính	10/10	100%	
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên HĐQT độc lập	10/10	100%	
7	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	10/10	100%	
8	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT độc lập, kiêm Chủ tịch UBKT	1/10	10%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025
9	Ông Lee Ka Wai	Thành viên HĐQT độc lập, kiêm Chủ tịch UBKT	9/10	90%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tiếp theo)

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2025 như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- Giám sát tình hình tài chính: xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty: chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp nhằm giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Ủy ban kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Ủy ban Kiểm toán đã tuân thủ và thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được ban hành. Ủy ban Kiểm toán tổ chức họp 02 lần vào ngày 30/06/2025 và 31/12/2025.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	07/2025/NQ/ HĐQT-MSH	17/02/2025	Nghị Quyết HĐQT: - Thông qua kết quả HDSXKD quý 4 và cả năm 2024. Đưa ra một số chỉ tiêu năm 2025. - Thông qua việc nhận đơn từ nhiệm của Mr Bernard vào ngày 12/02/2025. - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. - Quyết định các vấn đề dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét, thông qua. - Thông qua Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ năm 2025 và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Ban Kiểm toán nội bộ.	100%
2	30/2025/NQ/ HĐQT/MSH	07/05/2025	NQ HĐQT triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 bằng việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025	100%
3	34/2025/NQ/ HĐQT-MSH	16/05/2025	NQ HĐQT Thông qua việc chốt DS CĐ nhận CP phát hành do thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2025	100%
4	39/2025/NQ/ HĐQT-MSH	21/05/2025	NQ họp HĐQT thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2025	100%
5	49/2025/NQ/ HĐQT-MSH	13/06/2025	NQ HĐQT thông qua: - Sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu tại PL02 trong điều lệ của Công ty. - Thông qua việc thực hiện các thủ tục để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Thông qua việc thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM.	100%
6	74/2025/NQ/ HĐQT-MSH	14/07/2025	NQ thông qua việc bổ nhiệm ông Lee Ka Wai làm chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	100%
7	92/2025/NQ/ HDQT-MSH	20/08/2025	NQ HĐQT thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo quyết toán tài chính của công ty 6 tháng đầu năm 2025	100%
8	102/2025/NQ/ HDQT-MSH	27/10/2025	NQ HĐQT v/v điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài.	100%
9	110/2025/NQ/ HĐQT-MSH	28/10/2025	NQ HĐQT v/v đầu tư góp vốn thành lập công ty liên doanh (Công ty Cổ phần phụ liệu May Sông Hồng)	100%
10	114/2025/NQ/ HDQT-MSH	10/11/2025	NQ HĐQT thông qua kết quả hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý III và 9 tháng năm 2025, kế hoạch triển khai chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt, xử lý nợ khó đòi Prime.	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tiếp theo)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập



Tính đến 31/12/2025, CTCP May Sông Hồng có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Lee Ka Wai và ông Đinh Trảng Thi. Trong năm 2025, Thành viên độc lập tham gia các chương trình hoạt động của Ủy ban Kiểm toán như nội dung báo cáo của Ủy ban Kiểm toán.

Trong năm 2025, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc đưa ra các ý kiến xây dựng và đánh giá khách quan đối với đường hướng hoạt động của Công ty, công tác quản trị rủi ro, công tác bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt là lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Công ty.

Danh sách thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo về Quản trị Công ty



Dựa trên các chương trình đào tạo quản trị công ty đã được tiếp nhận trước đó, trong năm qua, các thành viên Hội đồng quản trị tiếp tục chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán

Danh sách thành viên Ủy ban Kiểm toán như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	
					Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lee Ka Wai	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	0,00%	26/04/2025 được bổ nhiệm làm Thành viên UBKT; 14/07/2025 được bổ nhiệm làm Chủ tịch UBKT	
2	Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	-	0,00%	16/03/2019	
3	Đinh Tràng Thi	Thành viên	-	0,00%	16/03/2019	
4	Bernard Szeto W.K	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	0,00%		26/04/2025

Hoạt động của UBKT

Tình hình tham dự các cuộc họp của UBKT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bernard Szeto W.K	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0/2	0%	Miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2025
2	Lee Ka Wai	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	2/2	100%	
3	Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	2/2	100%	
4	Đinh Tràng Thi	Thành viên	2/2	100%	

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán tổ chức 02 cuộc họp. Thông qua các cuộc họp này, Ủy ban kiểm toán thực hiện phân công nhiệm vụ năm 2025, tổ chức triển khai kế hoạch hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, thảo luận và thống nhất nội dung đánh giá kết quả hoạt động trong năm, giám sát tính trung thực và khách quan của công tác lập báo cáo tài chính, giám sát hiệu quả của quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, giám sát tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát rủi ro và thông báo kết quả giám sát cùng các nội dung liên quan đến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy trình đã ban hành. Nội dung, kết quả các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua với tỷ lệ tán thành 100%.

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

1

Ủy ban Kiểm toán tiếp xúc và làm việc với các bên liên quan theo định kỳ hàng quý để giám sát các kế hoạch thực hiện, định hướng hoạt động kiểm soát trong kỳ, rà soát, soát xét và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh.

Ủy ban Kiểm toán đã tuân thủ và thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, nghiêm túc thực hiện các chức năng, nghĩa vụ được giao phó.

2

3

Qua quá trình giám sát, Ủy ban Kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần May Sông Hồng.

Việc tổ chức các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được triển khai phù hợp và tuân thủ chặt chẽ các quy định liên quan tại Điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4

5

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhìn chung được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền.

Ủy ban kiểm toán cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty cổ phần May Sông Hồng đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận là khá tốt trong khối các công ty dệt may.

6

ỦY BAN KIỂM TOÁN *(tiếp theo)*

Hoạt động của UBKT

Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán để Ủy ban hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện các công việc sau:

- Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc và tích cực tham gia giám sát việc Ban Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tham gia đóng góp ý kiến và đưa ra khuyến nghị khi xét thấy cần thiết.
- Ủy ban Kiểm toán chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận được kiểm soát các nội dung liên quan đến kế hoạch giám sát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nắm được thông tin và phối hợp thực hiện.
- Ủy ban Kiểm toán tiếp xúc và làm việc với các bên liên quan như Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập theo định kỳ hàng quý để giám sát các kế hoạch thực hiện, định hướng hoạt động kiểm soát trong kỳ, rà soát, soát xét và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh.

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thù lao của HĐQT và BTGD

- Thù lao của HĐQT: Trong năm 2025, Công ty không tiến hành chi trả thù lao của HĐQT
- Thù lao của Ban Tổng Giám đốc:

Họ và Tên	Chức danh	Năm 2025 (VND)
Bùi Việt Quang	Tổng Giám đốc	2.466.749.813
Các thành viên chủ chốt khác		5.844.015.689

Các khoản thù lao của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc đều được thực hiện đúng trong phạm vi trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế mà kỳ Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua và đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hạnh	TV HĐQT	471.120	0,63%	0	0%	Bán
2	Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc và TV HĐQT	884.500	1,18%	1.300.000	1,73%	Mua
3	CTCP Chứng khoán FPT	Cổ đông lớn – tổ chức có liên quan của TV HĐQT	14.388.105	12,79%	12.000.000	10,66%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có ghi rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng	Công ty con	2025	Số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025	<ol style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng: 656.297.052 VND Chi phí thuê gia công: 578.267.846.524 VND Giao dịch trả hộ tiền lương nhân viên: 2.532.026.073 VND Giao dịch thu lãi vay: 2.500.000.000 VND Nhận cổ tức bằng tiền: 25.500.000.000 VND
2	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường	Công ty con	2025	Số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025	<ol style="list-style-type: none"> Doanh thu cho thuê máy: 949.500.000 VND Chi phí thuê gia công: 357.857.712.601 VND Trả vay vốn: 24.000.000.000 VND Trả hộ tiền lương nhân viên: 3.030.312.102 VND Lãi vay phải thu: 2.500.000.000 VND
3	Công ty CP Sông Hồng BSS Logistics	Công ty con	2025	Số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025	Giao dịch chi phí thuê dịch vụ vận chuyển: 12.945.821.085 VND
4	Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue	Công ty liên doanh, liên kết	2025	Số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025	<ol style="list-style-type: none"> Giao dịch chi phí trả hộ khác bởi công ty: 598.952.600 VND Giao dịch trả hộ tiền lương công nhân viên: 4.077.439.247 VND
5	Công ty CP Phụ liệu May Sông Hồng	Công ty liên doanh, liên kết	2025	Số 110/2025/NQ/HĐQT-MSH ngày 28/10/2025	Góp vốn: 9.000.000.000 VND
6	Công ty CP Chứng khoán FPT	Công ty có chung Thành viên Hội Đồng Quản trị/Ban lãnh đạo	2025	Số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26/04/2025 Nghị quyết HĐQT số 114/2025/NQ/HĐQT-MSH ngày 10 tháng 11 năm 2025	<ol style="list-style-type: none"> Phí tư vấn: 770.000.000 VND Chia cổ tức: 48.000.000.000 VND

TĂNG CƯỜNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



Công ty kiên định thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng với công ty niêm yết. Hệ thống quản trị nội bộ luôn được cập nhật kịp thời theo các văn bản hướng dẫn từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, đảm bảo sự tương thích giữa quy định hiện hành và thực tiễn vận hành.

Hệ thống Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán liên tục được rà soát, điều chỉnh nhằm tiệm cận với các thông lệ quản trị tốt nhất, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

Công tác giám sát và điều hành được thực hiện dựa trên nguyên tắc minh bạch, cẩn trọng và chặt chẽ. Kết hợp giữa hệ thống quản trị hiện đại và bề dày kinh nghiệm trong ngành may mặc, đội ngũ lãnh đạo Công ty luôn chủ động nhận diện, đánh giá và thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế tối đa rủi ro, đảm bảo hiệu quả bền vững trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2025

Trong năm 2025, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo hình thức trực tuyến kết hợp với trực tiếp, tạo điều kiện tốt nhất cho cổ đông Công ty thực hiện quyền dự họp. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin hoạt động của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được thực hiện định kỳ và bất thường thông qua website Công ty nhằm tạo điều kiện để cổ đông có điều kiện giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2025, Công ty tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại, khoa học và minh bạch từ sản xuất đến tài chính – kế toán, kết hợp với việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng ban, bộ phận.



- **Quản trị sản xuất:** Công ty đang triển khai hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2008, công cụ hỗ trợ quản lý theo mô hình 5S Kaizen, áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn (LEAN) và từng bước triển khai hệ thống giải pháp quản trị nguồn lực của doanh nghiệp ERP nhằm tối thiểu hóa các chi phí, giảm thiểu thời gian sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, để đáp ứng được các tiêu chuẩn mới của ngành dệt may về sản xuất bền vững, an toàn, đem lại giá trị cao người tiêu dùng, môi trường và xã hội, hoạt động quản trị của doanh nghiệp còn hướng đến việc đảm bảo việc sản xuất tuân thủ các chương trình trách nhiệm về môi trường, trách nhiệm xã hội, tuân thủ tiêu chuẩn tái chế toàn cầu.
- **Quản trị tài chính - kế toán:** Phòng kế toán sử dụng phần mềm Bravo và đang thí điểm sử dụng ERP cho 1 số khu vực.
- **Quản trị nhân sự:** Công ty sử dụng phần mềm phát triển riêng cho MSH, để quản lý database nhân viên và tính lương.
- **Quản trị quan hệ khách hàng:** Phòng kinh doanh giữ vai trò chăm sóc khách hàng, kết nối chặt chẽ, đảm bảo tối đa việc phản hồi nhanh và chính xác tới khách hàng.
- **Quản trị quan hệ chất lượng:** Bộ phận quản lý chất lượng giám sát các hoạt động và công đoạn trong công ty theo các quy chuẩn quốc tế áp dụng đối với ngành may, để đảm bảo sản phẩm hoàn thành với chất lượng cao, giao hàng đúng hạn.



Chương

VII

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo	126
Mục tiêu phát triển bền vững	127
Đánh giá của Ban Tổng giám đốc	128
Các chỉ tiêu phát triển bền vững	132

GIỚI THIỆU

BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2025 của Công ty cổ phần May Sông Hồng được tích hợp chung trong Báo cáo thường niên 2025 nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung súc tích, ngắn gọn, tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của MSH ở khía cạnh phát triển bền vững. Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các thông số, chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty và đơn vị thành viên trong lĩnh vực may mặc trên lãnh thổ Việt Nam, đồng thời bao gồm việc tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (QCVN) có liên quan. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2025, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, tham khảo hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán nhà nước và IFC và bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty.

Địa chỉ liên hệ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

- Công ty Cổ phần May Sông Hồng
- Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Điện thoại: +84 2283 649365
- Fax: +84 2283 646737

MỤC TIÊU

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng thấu hiểu một cách sâu sắc rằng một doanh nghiệp phát triển bền vững phải là tổng thể hài hòa của cả 3 yếu tố con người, môi trường và lợi nhuận. Nếu thiếu đi dù chỉ là một trong ba yếu tố này thì doanh nghiệp không thể phát triển ổn định và dài lâu. Trong những năm qua, bên cạnh những mục tiêu về con số và lợi nhuận, Công ty tự đặt ra cho mình cam kết đưa doanh nghiệp phát triển gắn với sự đi lên của xã hội, luôn có những chính sách, hành động thiết thực chung tay vì một cộng đồng bền vững và nhân ái, kết hợp hài hòa giữa việc đảm bảo đời sống, thu nhập của người lao động với quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

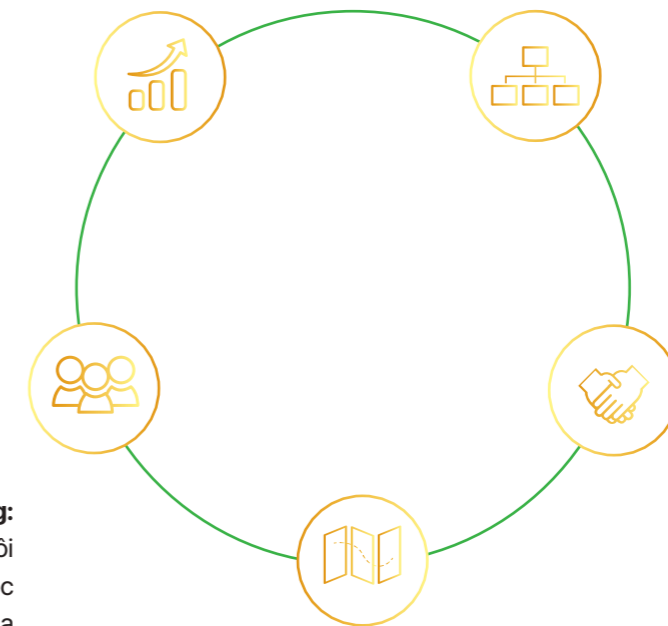
Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty hướng đến những nội dung sau:

Đối với trình độ phát triển:

Phát triển trình độ doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Đối với văn hóa doanh nghiệp:

Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp.



Đối với người lao động:

Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của nhân viên.

Đối với khách hàng:

Phát triển mở rộng các giá trị mới của sản phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích và lựa chọn cho khách hàng.

Đối với cộng đồng xã hội:

Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ

CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu cán bộ nhân viên, người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và thực hiện giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới hệ sinh thái xung quanh, giảm thiểu ô nhiễm trong hoạt động sản xuất. Hoạt động quản trị, vận hành, sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường. Trong năm, Công ty đã tổ chức các chương trình đánh giá nhằm đảm bảo các Nhà máy và hoạt động sản xuất đáp ứng và duy trì được yêu cầu của các chứng chỉ:

Chứng chỉ GMP

(tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt)

FCAA

(chứng chỉ đánh giá năng lực của nhà máy)

SCAN

(chứng chỉ đánh giá sự tuân thủ nhà cung cấp)

GRS, RCS- OCS

(chứng chỉ tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)

RDS

(chứng chỉ tiêu chuẩn lông vũ trách nhiệm)

OEKO-TEX

(chứng chỉ kiểm nghiệm an toàn của sản phẩm)

HIGG – INDEX

(chương trình môi trường chung theo tiêu chuẩn Quốc tế)

WRAP

(chương trình đánh giá việc tuân thủ 12 nguyên tắc của WRAP nhằm đảm bảo các quy trình sản xuất an toàn, hợp pháp và có đạo đức)

Công ty giao Phòng Hành chính chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức và phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm...; giao Phòng Kiểm soát tuân thủ phụ trách công tác đánh giá nhà máy đối với toàn bộ nhà máy thuộc Công ty và chịu trách nhiệm đảm bảo các công tác vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Các Phòng, ban, đơn vị kết hợp thực hiện nghiêm chỉnh sách, quy định về môi trường, chủ động phòng ngừa và áp dụng các sáng kiến giảm ô nhiễm môi trường lao động, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi có lợi trong công tác bảo vệ môi trường.

Các dự án đầu tư Công ty đang và dự kiến triển khai trong tương lai đều được Ban lãnh đạo Công ty định hướng xây dựng theo các tiêu chuẩn xanh, ứng dụng các công nghệ tiên tiến và hệ thống xử lý rác thải hiện đại đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường.



ĐÁNH GIÁ

CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Hiểu rằng người lao động là tài sản quý nhất, Ban lãnh đạo Công ty luôn xem việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, cải thiện thu nhập cho nhân viên vừa là trách nhiệm vừa là mục tiêu phát triển của Công ty. Trong năm 2025, các chính sách dành cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ và không có khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến vấn đề này. Cụ thể:

- Công ty thực hiện chính sách tiền lương, thưởng theo đúng quy định của pháp luật và tinh thần nhân văn sâu sắc với mục đích không ngừng nâng cao thu nhập, mức sống và tạo động lực làm việc cho người lao động.
- Ngoài tiền lương, thưởng; công ty còn thực hiện các khoản hỗ trợ như tiền trợ, cầu/đò/phà, xăng xe, nuôi con nhỏ, hỗ trợ hòa nhập...giúp CBCNV luôn cảm thấy được quan tâm, động viên.
- Công ty tuân thủ mọi quy định của pháp luật lao động, đồng thời có nhiều chính sách riêng hướng tới việc chăm lo đời sống tinh thần người lao động: quà tặng khi kết hôn, sinh con, thăm hỏi khi CBCNV ốm, có việc hiếu hỷ, xây dựng các Quý khuyến học khuyến tài...

Hoạt động đào tạo cho cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động luôn được Công ty đặc biệt chú trọng. Năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung tuyển chọn công nhân đủ điều kiện để đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ công nghệ kỹ thuật nhằm tạo nguồn nhân sự kế cận trong tương lai, đáp ứng nhu cầu nhân lực quản lý cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng các nhà máy mới, cũng như nguồn nhân sự dự phòng sẵn sàng thay thế các vị trí khi cần thiết. Trong năm, Công ty đã phối hợp với nhiều đối tác, tổ chức để mời chuyên gia và mang đến các chương trình đào tạo về phát triển kỹ năng, định hướng sự nghiệp, đào tạo kiến thức cho CBCNV. Các hoạt động đào tạo đều nhận được sự hưởng ứng và đánh giá tích cực từ tập thể ban lãnh đạo và đội ngũ người lao động.

Các hoạt động đào tạo đều nhận được sự hưởng ứng và đánh giá tích cực từ tập thể ban lãnh đạo và đội ngũ người lao động.

- Công ty đã thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở và Mạng lưới An toàn – Vệ sinh đảm bảo kế hoạch cấp phát bảo hộ lao động cũng như thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh lao động hàng năm theo quy định của pháp luật.
- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ và tuân thủ theo tiêu chuẩn chứng chỉ trách nhiệm xã hội WRAP, chứng chỉ BetterWork, SA8000 cùng nhiều bộ tiêu chuẩn quốc tế khác, tiêu chuẩn của khách hàng và quy định pháp luật của Việt Nam.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, cùng với việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, công tác an sinh xã hội luôn được Ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên May Sông Hồng quan tâm, triển khai có hiệu quả: tiếp tục duy trì tốt và đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ giúp đỡ những địa phương vùng biên nhiều khó khăn, đóng góp cứu trợ kịp thời nhân dân bị thiệt hại trong lũ bão, thiên tai,

Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động bảo trợ giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương nơi đặt nhà máy của Doanh nghiệp đặt trụ sở.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được căn cứ trên định mức đề ra và được lấy từ các nguồn sau:

- **Đối với nhóm sản phẩm Gia công:** Khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm.
- **Đối với nhóm sản phẩm FOB và Chăn – ga – gối – đệm:** Doanh nghiệp chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng đầu vào, ưu tiên phát triển mạng lưới hợp tác với các nhà cung ứng nguyên vật liệu trong nước.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi tới môi trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng và giám sát quy trình sản xuất với các tiêu chuẩn chặt chẽ từ khâu trao đổi, đàm

phán với khách hàng; tính toán định mức vật tư cho sản phẩm; nghiên cứu, văn bản hóa quy trình thiết kế kỹ thuật công nghệ cho từng loại sản phẩm, nhu cầu của khách hàng để đưa tỷ lệ lỗi hỏng trong sản xuất xuống tối thiểu, tránh gây lãng phí. Công ty đã đầu tư và vận hành nhà máy bông với dây chuyền hiện đại, sử dụng toàn bộ nguyên liệu nguyên sinh, không tạp chất, không hóa chất, an toàn tuyệt đối cho người sử dụng và thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện thành lập liên doanh trong lĩnh vực dệt vải để từng bước chủ động nguồn cung cấp nguyên phụ liệu.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chủ yếu là tiêu thụ điện năng do Công ty điện lực Nam Định cung cấp.

STT	Tiêu chí	Năm 2025	Năm 2024
1	Nhà cung cấp điện	Công ty điện lực Nam Định	Công ty điện lực Nam Định
2	Lượng điện tiêu thụ năm (triệu KWh)	23,2	21,7

Các biện pháp và chương trình tiết kiệm điện:

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của Người lao động về việc tiết kiệm năng lượng.
- Bật, tắt hệ thống điện và hệ thống điều hòa đúng giờ quy định. Để nhiệt độ điều hòa ở mức nhiệt độ trung bình, không chênh lệch quá cao so với nhiệt độ thực tế.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất tại các nhà máy, chú trọng phân bổ sử dụng máy móc và dây chuyền hợp lý, giảm tổn thất điện năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng tái tạo điện mặt trời tại một số nhà máy mới.



CÁC CHỈ TIÊU

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ tái chế:

STT	Tiêu chí	Năm 2025	Năm 2024
1	Nhà cung cấp nước	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định
2	Lượng nước tiêu thụ năm (m3)	313.104	321.039

Đối với vấn đề nước thải, kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải và quy trình xử lý nước thải tại các nhà máy của Công ty cho thấy:

- Thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận, chế độ thông tin báo cáo theo quy định trong giấy phép xả nước thải được cấp và định kỳ báo cáo Sở Tài Nguyên và Môi trường.
- Trong quá trình hoạt động Công ty đã lắp đồng hồ đo lưu lượng để theo dõi lượng nước thải đầu ra. Hàng ngày Công ty có kiểm tra, ghi chép số công tơ trên đồng hồ đo lưu lượng nước thải.
- Lượng nước thải sản xuất phát sinh các tháng trong năm 2025 tại tất cả các nhà máy đều không vượt lưu lượng theo đăng ký xả thải. Tại các đợt quan trắc tất cả các thông số đều nằm trong ngưỡng giá trị của quy chuẩn cho phép, không có biến động về lưu lượng xả thải và lượng nước thải phát sinh nằm trong quy định của giấy phép xả nước thải đã được cấp.
- Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, có cán bộ chuyên trách, thường xuyên được bảo dưỡng.
- Trong năm 2025, không có sự cố phát sinh trong quá trình xử lý nước thải gây ảnh hưởng tới môi trường.
- Công ty cổ phần May Sông Hồng đã duy trì tốt các hạng mục công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng cam kết với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định.

Các biện pháp tiết kiệm nước và xử lý nước thải:

- Thực hiện tái sử dụng nước thải tại khu vực SH10.
- Hợp tác với đối tác Target, triển khai dự án Nước sạch áp dụng cho Xưởng Giặt.
- Tuyên truyền ý thức về tiết kiệm nước đến toàn thể CBCNV.
- Lắp đặt mới các thiết bị tiết kiệm nước.
- Duy trì hoạt động, cài tạo hoặc lắp đặt mới hệ thống xử lý nước thải tại các khu vực sản xuất, ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại nhằm tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn xả thải theo quy định pháp luật, địa phương cũng như không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.



Xử lý khí thải

Các công trình xử lý khí thải: Tại các khu vực sản xuất đều lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Theo kết quả quan trắc khí thải và hệ thống xử lý khí thải năm 2025, các chỉ tiêu, thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn, cho thấy hệ thống xử lý khí thải của công ty tiếp tục vận hành ổn định và hiệu quả, đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp đã triển khai từ các năm trước, bao gồm chuyển đổi từ lò hơi than sang lò hơi điện (đã hoàn thành 100% tại hai khu vực sản xuất Sông Hồng 7 và Sông Hồng 9).
- Đầu tư hệ thống cây xanh bao quanh các khu vực sản xuất nhằm giảm thiểu tác hại của khói bụi lên môi trường.
- Trang bị hệ thống thiết bị xử lý khói, bụi cho tất cả các lò hơi sử dụng trong hoạt động sản xuất.

CÁC CHỈ TIÊU

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Về quản lý chất thải rắn

STT	Tiêu chí	Năm 2025	Tổ chức tiếp nhận xử lý
1	Chất thải rắn sinh hoạt (kg)	172.300	CTCP Môi Trường Nam Định
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (kg)	3.424.401	CTCP môi trường Hà Nam; Công ty TNHH dịch vụ thương mại Toàn Thắng
3	Chất thải nguy hại (kg)	59.954	CTCP ĐT& Kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC

Thống kê các chất thải nguy hại được xuất khẩu (nếu có): Không có

Thống kê chất thải nguy hại được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại trong khuôn viên cơ sở (nếu có): 3.424.401 kg. Các chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm: vải vụn phế; bã, ống giấy phế, phế liệu khác được chuyển giao cho CTCP Môi trường Hà Nam và Công ty TNHH dịch vụ thương mại Toàn Thắng để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác.

Các biện pháp giảm thiểu tác động của rác thải ra môi trường:

- Tiếp tục duy trì công tác quản lý chất thải tại doanh nghiệp để đảm bảo chất thải nguy hại và chất thải thông thường được phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, nỗ lực duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 góp phần quản lý môi trường ngày càng tốt hơn.
- Tuân thủ đúng và đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường như giảm thiểu lượng chất thải công nghiệp thải bỏ; tăng tỷ lệ chất thải tái chế; thực hiện các biện pháp để tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, giảm thiểu việc sử dụng túi nilon và các sản phẩm từ nhựa.
- Tiếp tục đào tạo, tuyên truyền để nâng cao ý thức về phân loại chất thải tại nguồn; bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, khách và nhà thầu làm việc tại công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Công ty về “Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường”. Vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: **Không có**

CHÍNH SÁCH

LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng nhân sự và thu nhập trung bình

- Số lượng nhân sự: Tính đến thời điểm 31/12/2025, toàn công ty có tổng cộng 11.720 lao động.
- Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Thu nhập bình quân <i>Triệu VND/ người/ tháng</i>	10,6	10,9	10,4	12,7	14,2

Chính sách nhân sự

Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động.

Tiền lương: Tiền lương là khoản tiền trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác:

- Mức lương của người lao động tại MSH thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động.
- Tiền lương được trả cho người lao động tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- Tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Phép...được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

MSH bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau.

Tiền lương

Tiền thưởng Căn cứ kết quả SXKD và mức độ hoàn thành công việc của người lao động; căn cứ quy định của pháp luật và quy chế của công ty, công ty thưởng cho CBCNV.

Tiền thưởng

Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống của người lao động, điển hình như một số hỗ trợ: tiền nhà trọ, cầu phà, tiền nuôi con nhỏ, xăng xe; miễn phí cơm ca cho người lao động, trang bị xe ca đưa đón CBCNV, tặng quà là các sản phẩm cao cấp Sông Hồng cho CBCNV khi kết hôn, sinh con và rất nhiều các chính sách đãi ngộ khác. Ngoài ra, Công ty và các đơn vị thường xuyên tổ chức cho người lao động tham gia nhiều hoạt động văn hóa thể thao, tham quan, du lịch, học tập để gia tăng tinh thần đoàn kết, nâng cao đời sống tinh thần. Công Đoàn các cấp luôn quan tâm, hỗ trợ kịp thời những hoàn cảnh khó khăn, động viên, thăm hỏi NLD khi ốm đau, bệnh tật.

Phụ cấp và phúc lợi khác

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: tuân thủ đúng quy định của pháp luật và được ghi rõ trong Nội quy lao động, công khai tới toàn thể CBCNV.
- Thời gian làm thêm giờ: thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.
- Thời gian nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hiếu hỉ, nghỉ phép, nghỉ ốm, không lương: Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

Chính sách an toàn và bảo hộ lao động

Công ty đã thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở và Mạng lưới An toàn - Vệ sinh viên. Hằng năm, xây dựng kế hoạch và thực hiện cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hàng năm cho người lao động; xây dựng Kế hoạch và thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh lao động hàng năm theo đúng quy định của pháp luật; Tham gia đầy đủ các chương trình an toàn của địa phương; Định kỳ và đột xuất kiểm tra kiểm soát việc sử dụng bảo hộ lao động tại nhà máy, v.v.

Chính sách tuyển dụng nhân viên

- Công ty tập trung tuyển dụng công nhân là người địa phương lân cận nhà máy sản xuất nhằm ổn định nguồn lao động gắn bó lâu dài
- Đối với nhân sự các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm, công ty luôn "tràì thâm đờ" thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty.
- Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyển với nhiều chính sách hỗ trợ đã nêu trên.
- Chính sách hỗ trợ hòa nhập đối với công nhân mới được Công ty tái áp dụng kể từ khi thời điểm dịch Covid-19, với mức đãi ngộ cao hơn giúp thu hút công nhân đến các nhà máy.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp nhận đầy đủ các chương trình đào tạo về quản trị công ty trong năm, đồng thời chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.
- Công ty tổ chức các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý cho CBCNV.
- Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thường xuyên được bổ túc, đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng.
- Hoạt động đào tạo tiêu biểu trong năm 2025: Đào tạo về tuân thủ trách nhiệm xã hội - bình đẳng giới (kết hợp với thương hiệu Nike), chương trình HER Project – đào tạo kiến thức tài chính cho công nhân nữ, chương trình đào tạo về các nội dung tuân thủ trách nhiệm xã hội (bởi WRAP), chương trình đào tạo về máy móc thiết bị an toàn (bởi Better work), chương trình đào tạo kỹ năng cứu nạn cứu hộ bởi Công an tỉnh, chương trình đào tạo về kỹ năng lãnh đạo đối với nhân viên nữ (kết hợp với đối tác Target thông qua tổ chức CARE).



Hoạt động hướng đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, nhiều hoạt động đóng góp, hỗ trợ xây dựng, phát triển cộng đồng, địa phương đã được Công ty tích cực triển khai, có thể kể đến như:

CBCNV Công ty May Sông Hồng quyên góp hỗ trợ 01 tỷ đồng xây dựng tuyến đường bê tông nông thôn tại một số thôn thuộc huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (nay thuộc xã Sơn Vĩ, tỉnh Tuyên Quang) để cải thiện hệ thống giao thông còn hạn chế, ảnh hưởng đến sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội của người dân.

CBCNV Công ty đã kịp thời đóng góp giúp đỡ nhân dân xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk – địa phương bị thiệt hại nặng nề trong đợt lũ tháng 11/2025 với 3000 chăn khâu và 300 triệu đồng tiền mặt.



Chương

VIII

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36



Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường, Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics và Công ty TNHH Sunshine Line Agencies Việt Nam ("các công ty con") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch	
Ông Bùi Việt Quang	Phó Chủ tịch thường trực	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên	
Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành viên	
Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Đinh Tráng Thi	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Bùi Thu Hà	Thành viên	
Ông Lee Ka Wai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Franck Lignini	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2026
Ông Bùi Việt Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2026
Ông Bùi Việt Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Hồng Yến	Giám đốc tài chính	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Bùi Đức Thịnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty và các công ty con tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty và các công ty con hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và các công ty con, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty và các công ty con tuân thủ theo các yêu cầu trên trong việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ninh Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính hợp nhất
của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Nghĩa Do Ward, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số 25-11-007-4

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Nguyễn Tuấn Nam
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0808-2023-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bùi Trần Phương Minh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2595-2023-068-1
Kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	3.275.000.080.003	3.249.615.903.700
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	739.632.646.576	886.350.410.790
Tiền		111	200.943.476.571	210.360.392.258
Các khoản tương đương tiền		112	538.689.170.005	675.990.018.532
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	880.144.449.074	653.102.618.812
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	880.144.449.074	653.102.618.812
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	1.025.910.002.820	991.662.262.409
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	943.209.085.112	975.783.599.992
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	74.337.925.013	44.784.078.726
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	21.249.991.371	12.977.872.373
Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	10	137	(12.886.998.676)	(41.883.288.682)
Hàng tồn kho	11	140	546.122.052.854	645.400.140.922
Hàng tồn kho		141	551.354.595.923	653.751.351.455
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(5.232.543.069)	(8.351.210.533)
Tài sản ngắn hạn khác		150	83.190.928.679	73.100.470.767
Chi phí trả trước ngắn hạn	12	151	9.039.307.395	5.739.463.074
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	65.348.120.143	61.619.852.203
Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước	17	153	8.803.501.141	5.741.155.490
Tài sản dài hạn		200	1.402.754.895.720	1.273.573.027.486
Các khoản phải thu dài hạn		210	39.253.497.500	40.000.364.000
Phải thu dài hạn khác	9	216	39.253.497.500	40.000.364.000
Tài sản cố định		220	1.275.551.189.009	699.598.255.413
Tài sản cố định hữu hình	13	221	1.268.376.805.781	691.129.238.051
- Nguyên giá		222	2.837.523.187.817	2.144.157.872.838
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(1.569.146.382.036)	(1.453.028.634.787)
Tài sản cố định vô hình		227	7.174.383.228	8.469.017.362
- Nguyên giá		228	53.014.097.734	50.159.097.734
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(45.839.714.506)	(41.690.080.372)
Tài sản dở dang dài hạn		240	12.734.957.828	473.271.197.895
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	242	12.734.957.828	473.271.197.895
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	18.185.438.215	34.460.414.543
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6	252	18.185.438.215	34.460.414.543
Tài sản dài hạn khác		260	57.029.813.168	26.242.795.635
Chi phí trả trước dài hạn	12	261	57.029.813.168	26.242.795.635
Tổng tài sản		270	4.677.754.975.723	4.523.188.931.186

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	2.464.529.227.496	2.467.655.848.378
Nợ ngắn hạn		310	1.816.616.190.768	1.860.132.583.008
Phải trả người bán ngắn hạn	15	311	174.803.863.801	192.534.125.451
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	312	20.521.231.881	14.846.723.187
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	313	152.903.790.694	93.644.491.110
Phải trả người lao động	18	314	668.614.728.566	573.593.582.524
Chi phí phải trả ngắn hạn	19	315	71.513.563.852	102.686.242.360
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	8.419.549.749	6.138.067.598
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	320	647.806.244.649	812.671.847.439
Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	321	9.238.915.674	19.542.390.904
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	322	62.794.301.902	44.475.112.435
Nợ dài hạn		330	647.913.036.728	607.523.265.370
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	338	647.913.036.728	607.523.265.370
Vốn chủ sở hữu		400	2.213.225.748.227	2.055.533.082.808
Vốn chủ sở hữu	24	410	2.213.225.748.227	2.055.533.082.808
Vốn cổ phần	25	411	1.125.210.200.000	750.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	1.125.210.200.000	750.141.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu		414	7.650.000.000	7.650.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	185.835.952.140	185.835.952.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	599.395.506.312	852.426.960.185
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	435.559.875.472	702.453.544.881
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	163.835.630.840	149.973.415.304
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429	295.134.089.775	259.479.170.483
Tổng nguồn vốn		440	4.677.754.975.723	4.523.188.931.186

Ninh Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũ Thị Tuyết Mai
Người lập/Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	01	5.538.068.232.450	5.280.403.155.194
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	5.538.068.232.450	5.280.403.155.194
Giá vốn hàng bán	29, 34	11	(4.363.660.612.901)	(4.450.894.974.445)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	1.174.407.619.549	829.508.180.749
Doanh thu hoạt động tài chính	30	21	239.959.762.604	210.720.478.165
Chi phí tài chính	31	22	(91.952.024.318)	(84.720.444.244)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(64.309.874.651)	(53.363.361.515)
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		24	(25.274.976.328)	(6.316.423.844)
Chi phí bán hàng	32, 34	25	(157.187.309.363)	(136.713.274.607)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33, 34	26	(309.964.306.167)	(252.452.333.499)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	829.988.765.977	560.026.182.720
Thu nhập khác		31	965.562.587	2.756.133.831
Chi phí khác		32	(7.862.175.164)	(18.974.719.079)
Lỗ khác		40	(6.896.612.577)	(16.218.585.248)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35	50	823.092.153.400	543.807.597.472
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	51	(147.319.947.256)	(101.317.547.350)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24	60	675.772.206.144	442.490.050.122
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	24	61	613.919.710.840	412.522.765.304
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	62	61.852.495.304	29.967.284.818
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	70	5.456	3.322

Ninh Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũ Thị Tuyết Mai
Người lập/Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (phương pháp gián tiếp) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		823.092.153.400	543.807.597.472
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		124.737.780.173	126.959.728.817
Thay đổi các khoản dự phòng (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(42.418.432.700)	4.077.774.254
Lãi từ hoạt động đầu tư	04		(6.313.610.313)	2.121.055.312
Chi phí lãi vay	05		(125.923.936.205)	(111.056.251.645)
Chi phí lãi vay	06		64.309.874.651	53.363.361.515
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Thay đổi các khoản phải thu	08		837.483.829.006	619.273.265.725
Thay đổi hàng tồn kho	09		(23.510.124.199)	(441.169.856.011)
Thay đổi các khoản phải trả	10		102.396.755.532	(135.896.643.157)
Thay đổi chi phí trả trước	11		(67.165.937.335)	215.727.119.090
Tiền lãi vay đã trả	12		(34.086.861.854)	20.759.005.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(64.309.874.651)	(53.363.361.515)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(107.726.115.349)	(60.295.860.604)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.438.863.600)	(1.352.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		622.642.807.550	163.681.669.011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(215.107.875.971)	(539.448.564.234)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		241.044.365	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.984.809.550.527)	(1.291.650.761.560)
Tiền thu bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.757.767.720.265	1.609.332.882.838
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.000.000.000)	(40.776.838.387)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		150.957.868.168	117.372.675.489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(299.950.793.700)	(145.170.605.854)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	66.150.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.342.666.955.369	4.114.754.922.617
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.337.441.714.291)	(3.505.987.392.319)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(474.382.727.500)	(262.536.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(469.157.486.422)	412.380.720.298
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	886.350.410.790	455.323.804.538
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(252.291.642)	134.822.797
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	739.632.646.576	886.350.410.790

Ninh Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũ Thị Tuyết Mai
Người lập/Kế toán trưởng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty và các công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 3 tháng 6 năm 2004. Công ty đã có 23 lần thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Ngày 3 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 750.141.000.000 đồng lên 1.125.210.200.000 đồng do đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2025/NQ/HĐQT/MSH ngày 7 tháng 5 năm 2025.

Ngày 7 tháng 7 năm 2025, Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23, do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp với mã số 0600333307 để sửa đổi nội dung địa chỉ Công ty và phê duyệt việc tăng vốn điều lệ lên thành 1.125.210.200.000 đồng.

Tổng số cổ phần là: 112.521.020 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng. Mã chứng khoán: MSH, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE").

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng máy khác phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh thuốc lá điều nội, rượu bia các loại và hóa mỹ phẩm;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của trạm y tế công ty (Khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty); và
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng (Không bao gồm môi giới, đấu giá sản giao dịch bất động sản).

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm.

Trụ sở chính của Công ty là tại số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Công ty con và công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty mẹ có 4 công ty con và 2 công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			31/12/2025	31/12/2024
Công ty con				
Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng	Sản xuất hàng may mặc	Đội 12, Xã Hồng Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	51%	51%
Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường	Sản xuất hàng may mặc	Thôn Tây, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	51%	51%
Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa	Tầng 18, Tòa nhà văn phòng 789, số 147 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
Công ty TNHH Sunshine Line Agencies Việt Nam (*)	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa	Tầng 4, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam	51%	51%
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue	Sản xuất hàng may mặc	Các lô số 35-36-37-38-39-40-41 thuộc Khu công nghiệp thứ 2 – ô thứ ba – khối C của Khu công nghiệp ở Al-Matahra – Phía đông sông Nile – tỉnh Menya – New Menya, Ai Cập	50%	50%
Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng	Sản xuất phụ liệu may mặc	Lô E6, E7, KCN Mỹ Trung, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	45%	-

(*) Công ty TNHH Sunshine Line Agencies Việt Nam là công ty con gián tiếp được sở hữu thông qua Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics, công ty con trực tiếp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con có 11.750 nhân viên (31 tháng 12 năm 2024: 11.383 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và báo cáo tài chính của các công ty con như trình bày ở Thuyết minh số 1.

Công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Công ty từ hoạt động của công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỉ lệ tương ứng với lợi ích mà Công ty không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con sẽ được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con. Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

Các giao dịch loại bỏ khi hợp nhất

Tất cả các nghiệp vụ, số dư và lãi/lỗ chưa thực hiện và chi phí giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo là VNĐ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ kỹ cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày

đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổng thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Một liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng mà hai hoặc nhiều bên cùng thực hiện hoạt động kinh tế mà được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí đền bù đất. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ ba (3) đến năm (5) năm.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đảm bảo sử dụng đất để thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ một (1) năm đến ba (3) năm.

4.12 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.14 Các khoản dự phòng nợ phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty và các công ty con sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.15 Lợi ích nhân viên

Công ty và các công ty con tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Công ty và các công ty con chỉ trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Công ty và các công ty con không có nghĩa vụ chi trả đối với quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên.

Công ty và các công ty con không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định nào.

4.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác bao gồm giá trị các khoản vốn góp khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

4.18 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4.19 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Dịch vụ gia công

Doanh thu từ dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi, trái phiếu nắm giữ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các khoản tiền gửi đáo hạn mà khi đó Công ty và các công ty con không thực hiện đáo hạn các khoản tiền gửi, trái phiếu trước hạn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/ Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.21 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.23 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vẫn tuân theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty và các công ty con phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

4.24 Báo cáo theo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con không lập báo cáo theo bộ phận.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.28 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	3.179.827.359	971.542.046
Tiền gửi ngân hàng	197.763.649.212	209.388.850.212
	200.943.476.571	210.360.392.258
Các khoản tương đương tiền		
Trái phiếu (i)	538.689.170.005	675.990.018.532
	739.632.646.576	886.350.410.790

(i) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ không quá 3 tháng với lãi suất từ 7,8% đến 8,2%/năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	35.600.000.000	-	36.000.000.000	-
Trái phiếu (ii)	844.544.449.074	-	617.102.618.812	-
	880.144.449.074	-	653.102.618.812	-

(i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới một (1) năm với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,5%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 35 tỷ VND được sử dụng là tài sản đảm bảo khoản cho vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định (Thuyết minh 23).

(ii) Các khoản trái phiếu có kỳ nắm giữ trên 3 tháng và không quá 1 năm với lãi suất dao động từ 8,4%/năm đến 9,5%/năm.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12, chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty liên doanh, liên kết như sau:

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Vốn chủ sở hữu theo		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ vốn
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	sở hữu	biểu quyết	biểu quyết
	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024	%	%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue	81.553.676.774	81.553.676.774	50%	50%
Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng	20.000.000.000	-	45%	45%

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Sản xuất trang phục Golden Avenue (i)	40.776.838.387	9.192.738.195	40.776.838.387	34.460.414.543
Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng (ii)	9.000.000.000	8.992.700.020	-	-
	49.776.838.387	18.185.438.215	40.776.838.387	34.460.414.543

- (i) Khoản đầu tư vào công ty liên doanh là Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue, với tỷ lệ sở hữu đăng ký là 50%. Công ty đã thực hiện góp đủ vốn điều lệ cam kết theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với số tiền là 40.776.838.387 VNĐ. Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue được thành lập tại nước Cộng hòa Ả Rập Ai Cập theo Sổ đăng ký Thương mại số 38989 của Bộ Cung ứng và Thương mại Nội địa. Công ty Sản xuất trang phục Golden Avenue có trụ sở chính đặt tại các lô số 35-36-37-38-39-40-41-41 thuộc Khu công nghiệp thứ 2 – ô thứ ba – khối C của Khu công nghiệp ở Al-Matahra – Phía đông sông Nile – tỉnh Menya – New Menya, Ai Cập với hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, công ty liên doanh đang hoạt động sản xuất kinh doanh và phát sinh lỗ. Ngày 6 tháng 1 năm 2026, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty dự định chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue.
- (ii) Khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng, với tỷ lệ sở hữu đăng ký là 45%. Công ty đã thực hiện góp đủ vốn điều lệ cam kết theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với số tiền là 9.000.000.000 VNĐ. Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng được thành lập ngày 10 tháng 11 năm 2025 tại Việt Nam với các hoạt động chính là sản xuất phụ liệu may mặc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, công ty liên kết đang trong giai đoạn xây dựng.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Columbia Sportwear	423.860.959.794	470.668.247.310
Công ty TNHH Sae-A Trading Co., Ltd	24.293.697.540	17.441.166.160
Công ty TNHH G-III Apparel Group (G-III Leather Fashions, Inc)	132.420.127.276	87.066.174.795
Công ty Cổ phần Compass Apparel	144.165.793.800	-
Công ty TNHH Haddad Apparel Group	30.053.804.619	9.511.385.110
Lifung (Trading) Company Ltd - Express LLC	2.157.215.392	15.146.444.948
Công ty TNHH Products Development Partners - Walmart, INC	24.832.326.005	134.503.392.171
LF Centennial Pte. Ltd	6.054.617.489	41.994.891.386
Tập đoàn Target	85.266.373.243	111.862.172.915
Tập đoàn Prime Apparel	-	30.318.072.213
Cobest Hongkong Co., Ltd	5.248.788.263	9.654.278.092
Công ty TNHH Sông Hồng Beddings	5.604.144.347	11.452.514.669
Phải thu khách hàng khác	59.251.237.344	36.164.860.223
	943.209.085.112	975.783.599.992

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH World Fashion Exchange	6.371.087.074	6.371.087.074
Công ty TNHH Hải Thành Nam	18.392.585.268	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Trường Hải	7.993.580.605	16.052.368.085
Công ty TNHH An Phát Thăng	27.627.339.940	-
Khác	3.953.332.126	12.360.623.567
	74.337.925.013	44.784.078.726

9. Các khoản phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	985.766.309	476.477.733
Kỳ quỹ, kỳ cước	1.076.085.362	842.190.838
Các khoản thu hộ	-	1.220.182.950
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh 37)	15.972.938.102	6.005.214.361
Khác	3.215.201.598	4.433.806.491
	21.249.991.371	12.977.872.373
Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	39.253.497.500	40.000.364.000
	60.503.488.871	52.978.236.373

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2025			31 tháng 12 năm 2024		
	Giá trị			Giá trị		
	Giá gốc VNĐ	có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Các khoản quá hạn						
Tập đoàn Prime Apparel	-	-	-	30.318.072.213	-	(30.318.072.213)
Lifung (Trading) Company Ltd						
- Express LLC	2.157.215.392	375.849.472	(1.781.365.920)	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn						
Quốc tế Năm Sao	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)
Các khách hàng khác	1.105.632.756	-	(1.105.632.756)	1.565.216.469	-	(1.565.216.469)
	13.262.848.148	375.849.472	(12.886.998.676)	41.883.288.682	-	(41.883.288.682)

11. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng mua đang đi đường	12.446.567.401	-	8.351.851.690	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.975.812.546	-	118.549.966.071	-
Công cụ, dụng cụ	918.758.509	-	30.565.465.100	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	147.652.543.150	-	117.845.613.456	-
Thành phẩm	230.715.887.327	(5.232.543.069)	316.701.368.573	(8.351.210.533)
Hàng gửi bán	77.645.026.990	-	61.737.086.565	-
	551.354.595.923	(5.232.543.069)	653.751.351.455	(8.351.210.533)

Bao gồm trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 13.753.851.808 VNĐ (31 tháng 12 năm 2024: 19.807.488.194 VNĐ) đã được lập dự phòng cho hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	8.351.210.533	11.323.401.889
Biến động thuần dự phòng trong năm	(3.118.667.464)	(2.972.191.356)
Số dư cuối năm	5.232.543.069	8.351.210.533

12. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.793.564.192	1.072.004.581
Phí bảo dưỡng	210.603.245	725.835.531
Phí duy trì phần mềm	1.612.511.666	2.192.311.020
Phí bảo hiểm cháy nổ, rủi ro	665.391.792	659.564.518
Chi phí quảng cáo	308.641.975	729.088.534
Chi phí khác	2.448.594.525	360.658.890
	9.039.307.395	5.739.463.074
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	39.576.669.747	10.516.771.511
Chi phí đất trả trước	15.149.461.825	15.638.154.145
Khác	2.303.681.596	87.869.979
	57.029.813.168	26.242.795.635
	66.069.120.563	31.982.258.709

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2025	1.351.235.618.806	680.163.734.429	53.220.524.372	59.537.995.231	2.144.157.872.838
Mua trong năm	92.422.120	342.908.470	1.497.800.815	141.434.000	2.074.565.405
Chuyển từ XDCB hoàn thành (Thuyết minh 14)	556.006.705.456	69.498.246.795	1.333.000.000	29.700.564.552	656.538.516.803
Chuyển từ hàng tồn kho	-	33.588.305.235	1.811.891.818	3.822.434.508	39.222.631.561
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.581.933.144)	(1.473.684.880)	(414.780.766)	(4.470.398.790)
31 tháng 12 năm 2025	1.907.334.746.382	781.011.261.785	56.389.532.125	92.787.647.525	2.837.523.187.817
Giá trị hao mòn lũy kế					
1 tháng 1 năm 2025	(827.326.154.043)	(546.168.000.918)	(37.898.834.070)	(41.635.645.756)	(1.453.028.634.787)
Khấu hao trong năm	(56.319.549.297)	(51.730.378.934)	(4.958.822.190)	(7.579.395.618)	(120.588.146.039)
Thanh lý, nhượng bán	-	2.581.933.144	1.473.684.880	414.780.766	4.470.398.790
31 tháng 12 năm 2025	(883.645.703.340)	(595.316.446.708)	(41.383.971.380)	(48.800.260.608)	(1.569.146.382.036)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2025	523.909.464.763	133.995.733.511	15.321.690.302	17.902.349.475	691.129.238.051
31 tháng 12 năm 2025	1.023.689.043.042	185.694.815.077	15.005.560.745	43.987.386.917	1.268.376.805.781

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định của Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại là 1.195.622.421.894 VNĐ (31 tháng 12 năm 2024: 601.990.751.377 VNĐ) được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh 23).

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 1.168 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 951 tỷ VNĐ).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	473.271.197.895	59.468.214.034
Tăng trong năm	197.825.640.511	434.942.490.664
Giảm chi phí giải phóng mặt bằng được bù trừ tiền thuê đất	-	(18.818.933.000)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13)	(656.538.516.803)	(2.320.573.803)
Điều chỉnh khác	(1.823.363.775)	-
Số dư cuối năm	12.734.957.828	473.271.197.895
Trong đó:		
Các công trình nhà máy may	930.000.000	473.271.197.895
Hệ thống điện mặt trời	10.550.277.828	-
Máy móc thiết bị khác	1.254.680.000	-
	12.734.957.828	473.271.197.895

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên thứ ba				
Công ty TNHH Formosa Taffeta	7.855.416.987	7.855.416.987	2.181.618.932	2.181.618.932
Suzhou Xinyuanheng Textile Technology Co.,Ltd	1.298.109.501	1.298.109.501	6.612.551.020	6.612.551.020
Công ty TNHH Khoá kéo Hoàn Mỹ	1.488.892.194	1.488.892.194	4.398.511.513	4.398.511.513
Công ty TNHH Silver Team Far East Limited	6.654.976.712	6.654.976.712	15.902.503.945	15.902.503.945
Công ty Cổ phần Quốc tế Zelouf	3.492.650.873	3.492.650.873	1.555.791.192	1.555.791.192
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	36.070.289.573	36.070.289.573	38.397.511.938	38.397.511.938
Công ty Cổ phần Cơ điện Hợp Lực	14.360.918.031	14.360.918.031	12.672.529.312	12.672.529.312
Phải trả cho các đối tượng khác	103.582.609.930	103.582.609.930	110.813.107.599	110.813.107.599
	174.803.863.801	174.803.863.801	192.534.125.451	192.534.125.451

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Se-A Trading	8.181.267.936	8.275.973.712
LF Centennial Pte. Ltd	6.054.617.489	-
Các đối tượng khác	6.285.346.456	6.570.749.475
	20.521.231.881	14.846.723.187

17. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2024		Trong năm 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị VNĐ	Phải nộp VNĐ	Thanh toán/Bù trừ VNĐ	Giá trị VNĐ
Thuế phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	633.185	-	633.185
Thuế thu nhập cá nhân	23.942.386	-	(23.942.386)	-
Thuế nhập khẩu	5.717.213.104	-	(3.760.655.765)	1.956.557.339
Thuế giá trị gia tăng	-	6.846.310.617	-	6.846.310.617
	5.741.155.490	6.846.943.802	(3.784.598.151)	8.803.501.141
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.581.444.481	107.647.246.922	(104.699.589.203)	5.529.102.200
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	496.650.652	6.737.693.644	(7.095.337.585)	139.006.711
Thuế nhập khẩu	-	491.735.937	(491.735.937)	-
Thuế thu nhập cá nhân	412.092.160	32.958.722.994	(11.669.941.227)	21.700.873.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.068.305.910	153.085.632.598	(107.726.115.349)	125.427.823.159
Các khoản khác	10.085.997.907	6.770.284.246	(16.749.297.456)	106.984.697
	93.644.491.110	307.691.316.341	(248.432.016.757)	152.903.790.694

18. Phải trả người lao động

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Lương phải trả người lao động	416.231.638.607	370.500.793.591
Tiền thưởng phải trả người lao động	252.383.089.959	203.092.788.933
	668.614.728.566	573.593.582.524

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Chi phí bảo hộ lao động	-	39.367.748.255
Chi phí cơm ca	51.621.151.170	46.523.797.646
Trích trước thường hoa hồng, doanh số	7.615.579.564	9.451.692.740
Chiết khấu thương mại	5.928.536.195	-
Khác	6.348.296.923	7.343.003.719
	71.513.563.852	102.686.242.360

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	1.025.253.574	1.953.599.860
Bảo hiểm xã hội	139.054.861	217.331.095
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh 37)	-	736.916.170
Phải trả cổ tức	737.647.800	536.295.300
Khoản thu hộ bên thứ ba	4.749.467.069	914.895.943
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.768.126.445	1.779.029.230
	8.419.549.749	6.138.067.598

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	19.542.390.904	15.000.000.000
Trích trong năm	-	26.655.429.900
Sử dụng trong năm	(10.303.475.230)	(22.113.038.996)
Số dư cuối năm	9.238.915.674	19.542.390.904

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	44.475.112.435	45.827.112.435
Trích trong năm (Thuyết minh 24)	38.758.053.067	-
Sử dụng trong năm	(20.438.863.600)	(1.352.000.000)
Số dư cuối năm	62.794.301.902	44.475.112.435

23. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn	31 tháng 12 năm 2025				Trong năm				31 tháng 12 năm 2024	
	Số có khả năng		Số có khả năng		Chênh lệch tỷ giá		Chênh lệch tỷ giá		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND	VND	VND	trả nợ VND	Giá trị VND
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (i)	400.361.946.635	1.484.788.841.129	(1.350.273.164.351)	(4.416.531.327)	270.262.801.184	270.262.801.184			270.262.801.184	
Vay USD - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định (ii)	-	-	(16.240.264.558)	-	-	16.240.264.558			16.240.264.558	
Vay VND - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định (iii)	-	-	1.064.052.001	(1.064.052.001)	-	-			-	-
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định (iv)	173.444.298.014	1.628.034.519.523	(1.933.864.233.381)	(10.894.769.825)	490.168.781.697	490.168.781.697			490.168.781.697	
	573.806.244.649	3.113.887.412.653	(3.301.441.714.291)	(15.311.301.152)	776.671.847.439	776.671.847.439			776.671.847.439	
Vay dài hạn đến hạn trả										
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định (v)	64.000.000.000	64.000.000.000	(36.000.000.000)	-	36.000.000.000	36.000.000.000			36.000.000.000	
Vay VND - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định (vi)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-			-	-
	74.000.000.000	74.000.000.000	(36.000.000.000)	-	36.000.000.000	36.000.000.000			36.000.000.000	
	647.806.244.649	3.187.887.412.653	(3.337.441.714.291)	(15.311.301.152)	812.671.847.439	812.671.847.439			812.671.847.439	
Vay dài hạn										
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định (v)	207.913.036.728	207.913.036.728	-	(64.000.000.000)	271.913.036.728	271.913.036.728			271.913.036.728	
Vay VND - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định (vi)	440.000.000.000	440.000.000.000	114.389.771.358	(10.000.000.000)	335.610.228.642	335.610.228.642			335.610.228.642	
	647.913.036.728	647.913.036.728	114.389.771.358	(74.000.000.000)	607.523.265.370	607.523.265.370			607.523.265.370	
	1.295.719.281.377	1.295.719.281.377	3.302.277.184.011	(3.411.441.714.291)	1.420.195.112.809	1.420.195.112.809			1.420.195.112.809	

(i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2025/232413/HĐTD có hạn mức tín dụng tối đa là 600 tỷ VND, với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu. Thời gian cấp hạn mức đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản Bên vay. Bên thứ ba đã, đang và sẽ thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp ký kết với Ngân hàng tại mọi thời điểm (nếu có), hiện gồm: Máy móc thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 02.2025/PQLTB/SH-NT ngày 18 tháng 2 năm 2025 ký giữa Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Nam Thắng và Công ty. Các khoản vay này chịu lãi suất 3,2% kỳ hạn 5 tháng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến 10 tháng 9 năm 2025 và 3% kỳ hạn 5 tháng cho giai đoạn ngày 11 tháng 9 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.

(ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 181999.23.775.2224835.TD ngày 10 tháng 5 năm 2024 có hạn mức tín dụng là 10 triệu USD (bao gồm toàn bộ giá trị hạn mức cho vay, hạn mức phát hành L/C, hạn mức bảo lãnh và hạn mức chiết khấu). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu. Chi tiết về hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm và việc nhận tài sản bảo đảm được quy định cụ thể trong các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Ngân hàng và Công ty hoặc bên thứ ba. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,0%/năm. Khoản vay đã được tất toán hết trong năm.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con

(iii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 283363.25.775.224835.TD ngày 28 tháng 6 năm 2025 có hạn mức tín dụng là 253 tỷ VND (bao gồm toàn bộ giá trị hạn mức cho vay, hạn mức phát hành L/C, hạn mức bảo lãnh và hạn mức chiết khấu). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu. Chi tiết về hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm và việc nhận tài sản bảo đảm được quy định cụ thể trong các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Ngân hàng và Công ty hoặc bên thứ ba. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,06%/năm. Khoản vay đã được tất toán hết trong năm.

(iv) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2025/VCB.NDI/8653913/CTD ngày 15 tháng 1 năm 2025 có hạn mức tín dụng là 600 tỷ VND. Với mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng không vượt quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng, tức ngày 15 tháng 1 năm 2025. Biện pháp đảm bảo được quy định tại Điều 4 Hợp đồng Cấp tín dụng gồm: Quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình; tài sản gắn liền với đất khu vực Sông Hồng 8; máy móc thiết bị khu vực Sông Hồng 8; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/HDTG/8653913 trị giá 35 tỷ VND; hàng tồn kho luân chuyển tại Sông Hồng 4, Sông Hồng 7, Sông Hồng 8 và Sông Hồng 10; tài sản gắn liền với đất nhà máy Sông Hồng 7, xã Hải Hậu, Ninh Bình; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại số 228 Trần Hưng Đạo, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Các khoản vay này giải ngân bằng USD và chịu lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,4%/năm, các khoản vay giải ngân bằng VND chịu lãi suất 3,6%/năm đến 4%/năm.

(v) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/VCB.NDI/16750081/CTD ngày 26 tháng 7 năm 2021 có hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND. Với mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ cho các hạng mục của dự án xây dựng nhà máy Nghĩa Phong của Công ty con. Biện pháp đảm bảo được quy định tại Điều 3 Hợp đồng cấp tín dụng. Các khoản vay này được giải ngân bằng VND và USD, chịu lãi suất cố định 7,5%/năm trong 2 năm đầu và lãi suất thả nổi cho các năm tiếp theo (kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2023). Khoản vay được bảo đảm bởi toàn bộ công trình xây dựng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải, hệ thống thiết bị nhà xưởng và tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án "Xây dựng Khu sản xuất may xuất khẩu" của Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Nghĩa Hưng. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

(vi) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2024/19291270/HĐTC ngày 15 tháng 3 năm 2024 có hạn mức tín dụng là 450 tỷ VND. Với mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ cho các hạng mục của dự án xây dựng khu sản xuất may xuất khẩu của Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Xuân Trường. Biện pháp bảo đảm được quy định tại điều 2 Hợp đồng Cấp tín dụng. Các khoản vay được giải ngân bằng VND, chịu lãi suất cố định 6,6%/năm, được áp dụng trong vòng 32,4 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau thời hạn trên, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm VND trả sau của khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng (tại BIDV) cộng biên lãi suất 2,2% nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay VND theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, nhà ăn và các công trình phụ trợ thuộc dự án: Xây dựng khu sản xuất may xuất khẩu của Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Xuân Trường. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

24. Nguồn vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Tổng
Số dư, 1 tháng 1 năm 2024	750.141.000.000	-	-	-	185.835.952.140	750.000.000	1.809.754.662.986
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	7.650.000.000	-	-	-	(262.549.350.000)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	66.150.000.000
Tăng do góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	29.967.284.818
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	412.522.765.304	442.490.050.122
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(312.280.300)	(312.280.300)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2024	750.141.000.000	-	7.650.000.000	-	185.835.952.140	7.650.000.000	2.055.533.082.808
Số dư, 1 tháng 1 năm 2025	750.141.000.000	-	7.650.000.000	-	185.835.952.140	7.650.000.000	2.055.533.082.808
Tăng vốn góp từ lợi nhuận (i)	375.069.200.000	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	61.852.495.304
Cổ tức đã trả (ii)	-	-	-	-	-	-	(24.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	(38.758.053.067)
Điều chỉnh (iv)	-	-	-	-	-	-	(2.948.453.834)
Khác	-	-	-	-	-	-	(91.377.812)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2025	1.125.210.200.000	-	7.650.000.000	-	185.835.952.140	599.395.506.312	2.213.225.748.227

- (i) Công ty mẹ tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Thông báo số 2424/UBCK-QLCB từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 6 năm 2025 về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
- (ii) Công ty mẹ chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 114/2025/NQ/HĐQT-MSH ngày 10 tháng 11 năm 2025. Công ty Cổ phần may Sông Hồng – Nghĩa Hưng, công ty con chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ/HĐQT ngày 1 tháng 11 năm 2025.
- (iii) Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 24/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 26 tháng 4 năm 2025.
- (iv) Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho nghĩa vụ thuế phải nộp bổ sung của năm 2023 và 2024 theo Quyết định của Chi cục thuế khu vực IV số 2390/QĐ-CCTKV04-NĐI ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho Công ty mẹ, Quyết định số 2394/QĐ-CCTKV04-NĐI ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho Công ty Cổ phần may Sông Hồng - Xuân Trường và Quyết định số 934/QĐ-NBI ngày 19 tháng 8 năm 2025 cho Công ty cổ phần may Sông Hồng- Nghĩa Hưng.

25. Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	VND	% Sở hữu	VND	% Sở hữu
Ông Bùi Đức Thịnh	269.011.800.000	23,91%	179.341.200.000	23,91%
Ông Bùi Việt Quang	127.688.400.000	11,35%	85.125.600.000	11,35%
Bà Bùi Thu Hà	86.921.100.000	7,72%	57.947.400.000	7,72%
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	120.000.000.000	10,67%	95.920.700.000	12,79%
Các cổ đông khác	521.588.900.000	46,35%	331.806.100.000	44,23%
	1.125.210.200.000	100%	750.141.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	750.141.000.000	750.141.000.000
Vốn góp tăng trong năm	375.069.200.000	-
Vốn góp cuối năm	1.125.210.200.000	750.141.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	450.084.080.000	262.549.350.000

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.521.020	75.014.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.521.020	75.014.100
- Cổ phiếu phổ thông	112.521.020	75.014.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.521.020	75.014.100
- Cổ phiếu phổ thông	112.521.020	75.014.100

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	613.919.710.840	412.522.765.304
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(38.758.053.067)
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	613.919.710.840	373.764.712.237
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm (**)	112.521.020	112.521.020
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	5.456	3.322

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông được trình bày lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm của năm hiện tại và kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại cho việc tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm nay.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VND, như sau:

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
Gốc ngoại tệ:		
- Euro ("EUR")	135	284
- Đô la Mỹ ("USD")	6.600.169	7.559.404

28. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	3.621.968.879.398	4.429.542.921.920
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.916.099.353.052	850.860.233.274
	5.538.068.232.450	5.280.403.155.194

29. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.131.747.592.080	3.765.755.344.456
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	1.231.913.020.821	685.139.629.989
	4.363.660.612.901	4.450.894.974.445

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, đầu tư	150.957.868.168	117.372.675.489
Lãi chênh lệch tỷ giá	89.001.894.436	93.347.802.676
	239.959.762.604	210.720.478.165

31. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	64.309.874.651	53.363.361.515
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.642.149.667	31.357.082.729
	91.952.024.318	84.720.444.244

32. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.573.514.420	4.943.825.835
Chi phí khấu hao	1.956.448.520	2.951.950.962
Chi phí nhân công	6.195.599.250	5.576.168.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.444.182.353	117.534.598.676
Chi phí bằng tiền khác	4.017.564.820	5.706.730.171
	157.187.309.363	136.713.274.607

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.567.208.685	3.023.987.008
Chi phí khấu hao	22.731.435.290	21.972.868.255
Chi phí nhân công	208.116.949.878	145.751.695.919
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.186.741.812	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.867.240.627	47.162.829.915
Chi phí bằng tiền khác	21.494.729.875	34.540.952.402
	309.964.306.167	252.452.333.499

34. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.303.467.636.136	2.246.244.789.692
Chi phí nhân công	2.204.719.179.905	1.861.130.500.776
Chi phí khấu hao	124.737.780.173	126.959.728.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.848.484.685	369.904.199.788
Chi phí bằng tiền khác	71.015.147.436	102.002.944.491
	3.897.788.228.335	4.706.242.163.564

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, Công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng ("Nghĩa Hưng") có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo ở mức thuế suất 20% với phần thu nhập phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được áp dụng theo thông tư 151/2014/TT-BTC. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2024 đến hết năm 2025 và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2026 đến hết năm 2029. Công ty sẽ áp dụng thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20% sau khi thời gian ưu đãi hết hiệu lực.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường, Công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường (“Xuân Trường”) có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn được áp dụng theo thông tư 151/2014/TT-BTC cho thu nhập từ hoạt động của dự án. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2025 đến hết năm 2026 và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2027 đến hết năm 2030. Công ty sẽ áp dụng thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20% sau khi thời gian ưu đãi thuế hết hiệu lực.

Các công ty con khác

Công ty Cổ phần Sông Hồng BSS Logistics và Công ty TNHH Sunshine Line Agencies Việt Nam, các công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	Năm kết thúc ngày	31 tháng 12 năm
	31 tháng 12 năm 2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	823.092.153.400	543.807.597.472
<i>Các khoản điều chỉnh cho:</i>		
Các chi phí không được trừ	36.569.128.595	4.979.988.073
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.214.059.963	(7.229.929.966)
Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước thực hiện trong năm nay	7.229.929.966	(2.187.854.247)
Thu nhập tính thuế cho các đơn hàng đã hoàn thiện thủ tục hải quan nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu	13.501.789.847	15.197.120.796
Thu nhập tính thuế cho các đơn hàng đã hoàn thiện thủ tục hải quan đã tính thuế năm trước	(15.197.120.796)	(800.636.616)
Lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25.274.976.328	6.316.423.844
Chi phí lãi vay không được trừ các năm trước mang sang	(9.456.090.880)	(14.430.376.455)
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất	(29.616.626.830)	(68.219.178)
Thu nhập chịu thuế hiện hành ước tính	853.612.199.593	545.584.113.723
Chuyển lỗ của công ty con	(35.837.819.585)	(30.724.542.895)
Thu nhập tính thuế hiện hành ước tính	817.774.380.008	514.859.570.828
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập ưu đãi được miễn thuế của Công ty con	81.174.643.729	-
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10%	-	16.543.668.153
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	736.599.736.279	498.315.902.675
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%	-	1.654.366.815
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	147.319.947.256	99.663.180.535
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	147.319.947.256	101.317.547.350

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Lỗ thuế và chi phí lãi vay không được trừ của công ty con

Lỗ thuế và lãi vay không được trừ của công ty con có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong vòng tối đa 5 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ và chi phí lãi vay đó theo quy định hiện hành.

Lỗ thuế dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ thuế	Lỗ đã sử dụng	Lỗ hết hạn	Lỗ mang sang	Năm hết hạn
		VND	VND	VND	VND	VND
2022	Đã quyết toán	31.532.040.052	(31.532.040.052)	-	-	2027
2023	Đã quyết toán	4.305.779.533	(4.305.779.533)	-	-	2028
		35.837.819.585	(35.837.819.585)	-	-	

Chi phí lãi vay không được trừ từ các kỳ trước dùng để bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm	Chi phí lãi vay không được trừ lũy kế	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ hết hạn	Chi phí lãi vay không được trừ mang sang	Năm hết hạn
	VND	VND	VND	VND	VND
2022	196.194.744	(196.194.744)	-	-	2027
2023	9.259.896.136	(9.259.896.136)	-	-	2028
	9.456.090.880	(9.456.090.880)	-	-	

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì Công ty không phát sinh khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

36. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Mua tài sản cố định và tài sản xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	66.018.491.912	40.453.005.743

37. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty và các công ty con trong năm như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan
2	Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue	Công ty liên doanh
3	Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Chung người quản lý (từ ngày 23 tháng 7 năm 2025)
5	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT
6	Ông Bùi Việt Quang	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc trước đây (cho đến ngày 6 tháng 1 năm 2026)
7	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT
9	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT trước đây
10	Ông Đinh Trùng Thi	Thành viên HĐQT
11	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT
12	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên HĐQT
13	Ông Lee Ka Wai	Thành viên HĐQT
14	Ông Franck Lignini	Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty và các công ty con đã thực hiện giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
		31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
		VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	Mua nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ	20.483.609.662	13.071.114.952
Công ty Sản xuất trang phục Golden Avenue	Góp vốn	-	40.776.838.387
	Trả hộ tiền lương nhân viên	4.077.439.247	1.657.721.280
	Chi phí lãi vay phải trả do chậm góp vốn	-	2.849.903.613
	Chi phí trả hộ khác bởi Công ty	598.952.600	455.266.163
Công ty Cổ phần Phụ liệu may Sông Hồng	Góp vốn	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Chi phí tư vấn	770.000.000	-
	Chi trả cổ tức	48.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	31 tháng 12 năm 2025	
	Phải thu khác	Phải trả khác
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	12.033.462.425	-
Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue	3.939.475.677	-
	15.972.938.102	-

Các bên có liên quan	31 tháng 12 năm 2024	
	Phải thu khác	Phải trả khác
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	6.005.214.361	-
Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue	-	736.916.170
	6.005.214.361	736.916.170

38. Thu nhập của Hội đồng Quản trị

Thù lao của Hội đồng Quản trị

Trong năm, Công ty không tiến hành chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, thu nhập nhận được của Tổng Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
		31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
		VNĐ	VNĐ
Bùi Việt Quang	Tổng Giám đốc	2.466.749.813	2.207.518.428
Các thành viên chủ chốt khác		5.844.015.689	5.209.854.719
		8.310.765.502	7.417.373.147

39. Cam kết

Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty và các công ty con cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang cho phí thuê đất như sau:

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Trong năm tới	5.025.215.735	5.825.207.735
Từ 2 đến 5 năm	16.809.936.945	21.460.849.340
Sau 5 năm	75.510.112.487	79.655.337.022
	97.345.265.167	106.941.394.097

Cam kết chi phí vốn

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường (“Sông Hồng - Xuân Trường”), Công ty con, đã ký hợp đồng với các nhà thầu để thực hiện các công việc xây dựng của Dự án Xây dựng nhà xưởng, với tổng giá trị hợp đồng còn đang thực hiện là khoảng 762,3 tỷ VNĐ (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Các công việc xây dựng đã hoàn thành trong trong năm 2025, đang trong giai đoạn nghiệm thu và quyết toán toàn bộ công trình, dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý 1 năm 2026. Tại ngày của báo cáo này, Sông Hồng - Xuân Trường đã trả cho các nhà thầu xây dựng liên quan đến các hợp đồng này số tiền là khoảng 680 tỷ VNĐ.

40. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty và các công ty con chịu các rủi ro khác nhau liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính. Các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả của Công ty và các công ty con đã được phân loại theo khoản mục trên Thuyết minh số 4.23. Các rủi ro chính của Công ty và các công ty con là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Các chính sách quản trị rủi ro của Công ty và các công ty con tập trung chủ yếu vào việc đảm bảo dòng tiền ngắn đến trung hạn của Công ty và các công ty con bằng cách giảm thiểu các tác động từ thị trường tài chính.

Các rủi ro tài chính trọng yếu tác động đến hoạt động của Công ty và các công ty con được mô tả dưới đây.

40.1 Rủi ro thị trường

Công ty và các công ty con chịu tác động của rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá do đặc thù hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty và các công ty con.

Biến động tỷ giá hối đoái

Hầu hết các giao dịch của Công ty và các công ty con được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Tác động của rủi ro tiền tệ phát sinh từ hoạt động mua bán với nước ngoài của Công ty và các Công ty con, ngoài ra Công ty và các Công ty con cũng có số dư tiền gửi ngân hàng, các khoản vay thực hiện bằng ngoại tệ chủ yếu bằng Đô la Mỹ (“USD”).

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	Tương đương VNĐ	Tương đương VNĐ
	USD	USD
Tài sản tài chính	1.079.475.083.848	1.130.607.538.400
Nợ tài chính	(601.853.534.338)	(824.585.127.612)
Ảnh hưởng ngắn hạn	477.621.549.510	306.022.410.788

Công ty và các công ty con không trình bày độ nhạy cảm của kết quả hoạt động thuần trong kỳ và vốn liên quan đến tài sản và nợ phải trả tài chính do sự thay đổi của tỷ giá USD/VNĐ do những ảnh hưởng là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính hợp nhất với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các Công ty con có các khoản vay lãi suất cố định là 1.023.806.244.649 VNĐ và các khoản vay với lãi suất điều chỉnh định kỳ là 271.913.036.728 VNĐ. Tuy nhiên, sự điều chỉnh lãi suất cho các khoản vay này trong năm không đáng kể. Ngoài ra, Công ty và các công ty con không có bất cứ công cụ tài chính nào cần phải được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Do đó, thay đổi rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con.

40.2 Rủi ro tín dụng

Công ty và các công ty con đối mặt với rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được tóm tắt như sau:

	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Các nhóm tài sản tài chính – giá trị ghi sổ		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	880.144.449.074	653.102.618.812
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.632.646.576	886.350.410.790
Phải thu thương mại và phải thu khác - Thuần	1.064.977.196.591	1.054.239.555.376
	2.684.754.292.241	2.593.692.584.978

Công ty và các công ty con liên tục theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Công ty, và kết hợp thông tin này để kiểm soát rủi ro tín dụng. Chính sách của Công ty và các công ty con chỉ dùng cho các đối tác đáng tin cậy.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng tất cả các tài sản tài chính ở trên không bị suy giảm giá trị tại mỗi ngày báo cáo sau khi xem xét chất lượng tín dụng tốt ngoại trừ các khoản đã được lập dự phòng phải thu khó đòi.

40.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty và các công ty con quản lý nhu cầu thanh khoản bằng cách theo dõi sát sao lịch trả nợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như dòng tiền ra hàng ngày. Nhu cầu thanh khoản được theo dõi trong các dải thời gian khác nhau.

Công ty và các công ty con duy trì một mức tiền và chứng khoán có thể bán được để đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho giai đoạn lên đến 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12, các khoản nợ của Công ty và các công ty con có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn
	Trong vòng 1 năm VNĐ	1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ
31 tháng 12 năm 2025			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	647.806.244.649	487.913.036.728	160.000.000.000
Phải trả người bán	174.803.863.801	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	973.484.850.437	-	-
	1.796.094.958.887	487.913.036.728	160.000.000.000
31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	812.671.847.439	377.523.265.370	230.000.000.000
Phải trả người bán	192.534.125.451	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	840.079.886.931	-	-
	1.845.285.859.821	377.523.265.370	230.000.000.000

41. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính và giá trị sổ sách được trình bày dưới đây:

	31 tháng 12 năm 2025 Giá trị ghi sổ VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 Giá trị ghi sổ VNĐ
Tài sản tài chính		
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.632.646.576	886.350.410.790
Các khoản phải thu - Thuần	1.064.977.196.591	1.054.239.555.376
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	880.144.449.074	653.102.618.812
	2.684.754.292.241	2.593.692.584.978
Nợ phải trả tài chính		
Nợ tài chính khác		
Phải trả người bán	174.803.863.801	192.534.125.451
Nợ phải trả tài chính khác	973.484.850.437	840.079.886.931
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.295.719.281.377	1.420.195.112.809
	2.444.007.995.615	2.452.809.125.191

Công ty và các Công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

42. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 6 tháng 1 năm 2026, theo Nghị quyết 02/2026/NQ/HĐQT-MSH của Hội đồng Quản trị, Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần May Sông Hồng tại Công ty liên doanh Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue và giao Ban Tổng Giám đốc thực hiện tìm kiếm đối tác chuyển nhượng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt và triển khai các công việc liên quan. Đồng thời, Công ty thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, Công ty con với mức tăng vốn dự kiến là 50 tỉ đồng, duy trì tỉ lệ sở hữu 51%. Dự kiến kế hoạch tăng vốn dự kiến được thực hiện trong tháng 3 năm 2026.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty và các công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

43. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Ninh Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũ Thị Tuyết Mai
Người lập/Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Ninh Bình, ngày 13 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Đức Thịnh